

Mẫu CBTT/SGDHCM-06

(Ban hành kèm theo Quyết định số 07/2013/QĐ-SGDHCM ngày 24/07/2013 của
TGD SGDCK TPHCM về Quy chế Công bố thông tin tại SGDCK TPHCM)

**CTCP VẬN TẢI VÀ
XÉP DỠ HẢI AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 0203-2022/CBTT-HATS

Hà Nội, ngày 08 tháng 3 năm 2022

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CỔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA ỦY
BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SGDCK TPHCM**

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán TP. HCM

Công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XÉP DỠ HẢI AN
Mã chứng khoán: HAH
Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 7, số 45, Phố Triệu Việt Vương, Phường Nguyễn Du, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
Điện thoại: 024.39877515
Fax: 024.39444022
Người thực hiện công bố thông tin: Nguyễn Ngọc Minh
Địa chỉ: Tầng 3, tòa nhà Hải An, km2 đường Đình Vũ, P. Đông Hải, Q. Hải An, TP. Hải Phòng
Số điện thoại công ty: 0225.3979721
Fax: 0225.3979718
Loại thông tin công bố: 24 giờ bất thường theo yêu cầu định kỳ
Nội dung thông tin công bố:
"Tài liệu Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022" của Công ty cổ phần vận tải và xếp dỡ Hải An.

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 08/3/2022 tại đường dẫn www.haiants.vn.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Tài liệu đính kèm:

- Tài liệu Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022

Người được ủy quyền công bố thông tin



Nguyễn Ngọc Minh



Dự thảo

QUY CHẾ

TỔ CHỨC ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2022

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV thông qua ngày 17/6/2020;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần vận tải và xếp dỡ Hải An.

Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2022 - Công ty cổ phần vận tải và xếp dỡ Hải An được tổ chức theo quy tắc và thể lệ sau đây:

I. MỤC TIÊU

- Đảm bảo việc tuân thủ theo đúng các quy định pháp luật.
- Đảm bảo nguyên tắc công khai, dân chủ và quyền lợi hợp pháp của các Cổ đông.

II. THỂ LỆ LÀM VIỆC VÀ BIỂU QUYẾT TẠI ĐẠI HỘI

1. Các cổ đông và người đại diện theo ủy quyền của cổ đông sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết (theo danh sách cổ đông đăng ký cuối cùng ngày 25/01/2022) đều có quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 của Công ty.
2. Khi tiến hành đăng ký tham dự Đại hội, Ban tổ chức sẽ cấp cho Cổ đông hoặc các đại diện theo ủy quyền hợp lệ Thẻ biểu quyết. Trên mỗi Thẻ biểu quyết chỉ ghi các thông tin: họ tên, mã số Cổ đông, tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.
3. Tất cả các Cổ đông hoặc đại diện Cổ đông đã làm thủ tục đăng ký tham dự được quyền tham gia, phát biểu ý kiến trong nội dung chương trình đã được Đại hội thông qua, biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông. Cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông được tiến hành khi có số Cổ đông dự họp đại diện ít nhất 51% số cổ phần có quyền biểu quyết.
4. Cổ đông đến dự họp muộn có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết các nội dung tiếp theo tại đại hội. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng Đại hội để cho Cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của các đợt biểu quyết đã tiến hành trước khi Cổ đông đến muộn không bị ảnh hưởng.
5. Cuộc họp Đại Hội đồng Cổ đông thường niên năm 2022 do Chủ tịch Hội đồng quản trị (“HDQT”) của Công ty làm chủ tọa điều khiển cuộc họp. Các đại biểu và nhà đầu tư tham gia cuộc họp phải tuân theo sự điều khiển của Chủ tọa, tạo điều kiện cho cuộc họp diễn ra một cách thuận lợi, nhanh chóng, hợp lệ. Cổ đông phải giữ bí mật, thực hiện đúng chế độ sử dụng và bảo quản tài liệu, không sao chép, ghi âm, phổ biến rộng rãi khi chưa được Chủ tọa cho phép; Chủ tọa và Thư ký họp Đại hội có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết để điều khiển cuộc họp một cách hợp lý, có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số Cổ đông dự họp.

6. Cổ đông biểu quyết tất cả các vấn đề của Đại hội bằng cách giơ Thẻ biểu quyết theo sự điều khiển của Chủ tọa để lấy ý kiến biểu quyết: Tán thành hoặc Không tán thành hoặc Không có ý kiến.

7. Thông qua quyết định:

Quyết định của đại hội đồng Cổ đông chỉ được thông qua tại cuộc họp khi được số Cổ đông đại diện ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của tất cả Cổ đông dự họp chấp thuận.

Trường hợp thông qua quyết định về loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty; Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh, tổ chức lại, giải thể công ty; đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty thì phải được số Cổ đông đại diện ít nhất 65% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của tất cả Cổ đông dự họp chấp thuận.

Nội dung cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2022 được Ban Thư ký ghi chép đầy đủ vào Biên bản cuộc họp. Biên bản cuộc họp là cơ sở để soạn thảo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2022 và thông qua trước khi bế mạc.

Trân trọng!

**T.M HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HĐQT**

(đã ký và đóng dấu)

VŨ NGỌC SƠN



CHƯƠNG TRÌNH HỌP
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2022
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Thời gian tổ chức Đại hội: Bắt đầu từ 8h00 ngày 18 tháng 3 năm 2022

Địa điểm: Phòng họp tầng 7 tòa nhà Hải An, Km 2 đường Đinh Vũ, P. Đông Hải 2, Q. Hải An, TP. Hải Phòng.

Chương trình Đại hội:

Nội dung	Thời gian dự kiến
1. Đăng ký cổ đông chính thức tham dự đại hội và phát tài liệu	8h00 - 8h30
2. Khai mạc Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) - Tuyên bố lý do; - Chào cờ; - Báo cáo kiểm tra tư cách cổ đông.	8h30 - 8h40
3. Giới thiệu - Ban tổ chức thông qua Quy chế tổ chức Đại hội; - Giới thiệu chủ tọa và thư ký Đại hội; - Chủ tọa thông qua chương trình nghị sự.	8h40 - 9h00
4. Báo cáo - Báo cáo của Tổng giám đốc; - Báo cáo của Hội đồng quản trị (HĐQT); - Báo cáo của Ban kiểm soát (BKS)	9h00 - 9h20
5. Trình bày tờ trình phê duyệt Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2021, phương án phân phối lợi nhuận và chi trả cổ tức năm 2021, kế hoạch sản xuất kinh doanh và kế hoạch đầu tư, tài chính năm 2022 và các vấn đề khác thuộc thẩm quyền phê duyệt của ĐHCĐ	9h20 - 9h30
6. Trình bày tờ trình thông qua việc thành lập liên doanh đối với ZIM INTEGRATED SHIPPING SERVICES LTD	9h30 - 9h40
7. Trình bày tờ trình phê duyệt phương án phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động của Công ty mẹ và các công ty liên kết (ESOP)	9h40 - 9h50
8. Trình bày tờ trình về việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ và Quy chế nội bộ về quản trị Công ty và ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát	9h50 - 10h00
9. Thảo luận	10h00 - 10h45
10. Biểu quyết thông qua các tờ trình ĐHCĐ	10h45 - 11h00
11. Thông qua Biên bản, Nghị quyết Đại hội	11h00 - 11h15
12. Bế mạc đại hội	11h15



Hà Nội, ngày ... tháng 3 năm 2022

BÁO CÁO TỔNG GIÁM ĐỐC TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2022

I. HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

- Dịch Covid-19 gây tác động không nhỏ đến hoạt động của các cảng biển tại Việt Nam, tuy nhiên, nhờ Chính phủ và cả nước tập trung khống chế được dịch bệnh, từng bước khôi phục được sản xuất nên lượng hàng hoá qua cảng biển vẫn giữ được đà tăng. Năm 2021, tổng sản lượng hàng hóa thông qua cảng biển Việt Nam đạt hơn 703 triệu tấn, tăng 2% so với năm 2020; riêng hàng container vẫn giữ nhịp tăng trưởng mạnh với gần 24 triệu TEUs, tăng 6% so với cùng kỳ năm trước.
- Bên cạnh đó, đại dịch Covid-19 cũng đã làm đứt gãy các chuỗi cung ứng, tắc nghẽn nghiêm trọng tại các cảng lớn trên thế giới gây ra sự sụt giảm về năng lực và nguồn cung vận tải. Kéo theo đó cước vận tải cùng với nhu cầu thuê tàu tăng cao nhằm bù đắp cho công suất bị ảnh hưởng.
- Hoạt động trong lĩnh vực cảng biển, vận tải biển và logistics, mặc dù chịu nhiều ảnh hưởng của đại dịch Covid-19, Công ty vẫn tăng trưởng về lợi nhuận trong năm nhờ vận tải nội địa (thị phần gần 30% và tăng được giá cước theo lộ trình) và cho thuê tàu (đã cho thuê 4 tàu).

Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2021 của Công ty như sau:

STT	CHỈ TIÊU	Đơn vị	Kế hoạch năm 2021	Thực hiện năm 2021	Tỷ lệ (5)/(4) (%)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
1	Tổng sản lượng	TEU	972.000	1.012.455	104,16
	- Khai thác cảng	TEU	370.000	416.779	112,64
	- Khai thác tàu	TEU	482.000	474.062	98,35
	- Sản lượng Depot	TEU	120.000	121.614	101,35
2	Tổng Doanh thu	Triệu VNĐ	1.661.111	2.004.674	120,68
3	Lợi nhuận hợp nhất sau thuế	Triệu VNĐ	157.860	445.513	282,22

II. KẾ HOẠCH NĂM 2022

Căn cứ tình hình thị trường, trên cơ sở năng lực hiện có Công ty xây dựng kế hoạch năm 2022 với các chỉ tiêu chủ yếu như sau:

STT	CHỈ TIÊU	Đơn vị	Kế hoạch 2022
1	Tổng sản lượng	TEU	948.000
	- Khai thác cảng	TEU	411.000
	- Khai thác tàu	TEU	395.000
	- Sản lượng Depot	TEU	142.000
2	Tổng Doanh thu	Triệu VNĐ	2.387.973
3	Lợi nhuận hợp nhất sau thuế	Triệu VNĐ	550.000

Do diễn biến chiến tranh tại Ukraine đang ngày càng leo thang dẫn đến giá dầu trên toàn thế giới bị đẩy lên cao, do đó Ban lãnh đạo Công ty sẽ thường xuyên phải xác lập lại việc sử dụng tàu cũng như điều chỉnh kế hoạch sản xuất kinh doanh phù hợp so với tình hình chung.

Các giải pháp chủ yếu nhằm đảm bảo thực hiện kế hoạch:

1. Về kinh doanh:

- Hỗ trợ giải quyết thủ tục để thành lập và đưa liên doanh với ZIM LINES vào hoạt động trong năm 2022 (tập trung tổ chức đầu tư tàu cho công ty và tổ chức 2 tuyến HPG/DAN/HCM/PKL/HCM/HPG và HPG/HKG/SHG/HCM/HPG).
- Tập trung hỗ trợ cho các hãng tàu ngoại đang sử dụng Cảng nhằm giúp họ duy trì và phát triển tuyến, đặc biệt là hãng tàu SM Line.
- Gia hạn Hợp đồng Đại lý với SML, thiết lập và tăng cường hợp tác với các hãng tàu Feeder, Main lines để ổn định kế hoạch sử dụng tàu trong 3 - 5 năm tới.
- Tiếp tục hoàn thiện công tác thị trường (bốc xếp, vận tải biển, kho bãi), tích hợp các phần mềm khai thác để nâng cao chất lượng chuỗi cung ứng của Công ty.
- Tập trung hỗ trợ Công ty TNHH Vận tải container Hải An hoàn chỉnh bộ máy quản lý đội tàu bao gồm: Xây dựng Phòng Đóng mới tàu để giám sát các tàu đóng mới, xây dựng Phòng Thuyền viên để trực tiếp tổ chức và quản lý đội ngũ thuyền viên phục vụ kịp thời yêu cầu phát triển đội tàu container của Công ty.

2. Về quản lý:

- Tiếp tục ổn định công tác nhân sự trong toàn hệ thống, tiếp tục tuyển dụng nhân lực có trình độ cao, để có thể đáp ứng được nhu cầu mở rộng sản xuất kinh doanh. Hoàn chỉnh mô hình tổ chức, phương thức kinh doanh cho Công ty TNHH vận tải container Hải An và các doanh nghiệp mới thành lập.
- Triển khai áp dụng hệ thống KPI cho tất cả các doanh nghiệp thành viên. Hoàn chỉnh phần mềm vận tải, phần mềm quản lý tàu. Tập trung tuyển dụng để xây dựng hệ thống IT mạnh, áp dụng số hóa, đáp ứng nhu cầu phát triển.

3. Về đầu tư:

- Về đội tàu:

- + Tiếp tục đầu tư mua 02 tàu cũ;
- + Đầu tư đóng mới tàu container giai đoạn 2021 - 2024: đóng mới 03 tàu loại 1.800 TEU (Bangkok Mark IV) và 02 tàu loại từ 1.800 - 4.500 TEU.
- Về cảng và logistics:
 - + Tiếp tục thực hiện dự án đầu tư cảng, Depot tại khu vực Cái Mép.
 - + Tiếp tục tìm kiếm cơ hội để đầu tư cơ sở hạ tầng cho lĩnh vực dịch vụ Logistics ở các khu vực khác như miền Trung và đồng bằng sông Cửu Long.
 - + Đầu tư nâng cấp mặt bãi cảng Hải An và hệ thống thoát nước.

Trên đây là báo cáo của Tổng giám đốc xin kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022.

Xin trân trọng cảm ơn!

Tổng giám đốc



Vũ Thanh Hải



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 8 tháng 3 năm 2022

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2022

I. Đánh giá kết quả kinh doanh năm 2021

Năm 2021 dịch Covid 19 tiếp tục ảnh hưởng nặng nề đến kinh tế, thương mại và đời sống của cả thế giới, sự ùn tắc tại các cảng biển lớn ở Mỹ, Châu Âu và Trung quốc do bị phong tỏa, thiếu lao động... làm cho chuỗi cung ứng toàn cầu bị đứt gãy, gây nên khủng hoảng thiếu tàu và vỏ container, đẩy giá cước vận chuyển container tăng cao so với giá cước thời gian trước đại dịch. Ở Việt Nam, dịch bệnh cũng ảnh hưởng nặng nề đến TP. HCM và các tỉnh phía Nam làm cho hoạt động sản xuất kinh doanh, lưu thông hàng hóa bị gián đoạn.

Tuy nhiên nhờ Chính phủ và cả nước quyết liệt chống dịch nên từ quý IV kinh tế dần được hồi phục, nhiều nhà máy đã linh hoạt chuyển hướng sang sản xuất và xuất khẩu ở khu vực phía Bắc, nhờ vậy GDP năm 2021 vẫn tăng gần 2,6%. Riêng với ngành vận tải biển, do giá cước quốc tế tăng cao, nhiều hãng tàu đã tận dụng cơ hội để cho thuê tàu ra thị trường nước ngoài đồng thời giá cước nội địa cũng được điều chỉnh dần cho phù hợp với xu thế chung nên hoạt động của các doanh nghiệp Vận tải biển, Cảng biển và Logistics vẫn đạt kết quả tốt.

Đối với Công ty cổ phần vận tải và xếp dỡ Hải an ngoài việc được hưởng lợi từ xu thế chung nói trên, Công ty còn tận dụng được xu thế suy giảm của thị trường do dịch bệnh để thực hiện thành công các dự án đầu tư, cụ thể:

- Đã cố gắng khắc phục mọi khó khăn do phong tỏa, không được thay thế thuyền viên... để chỉ trong một thời gian ngắn (10 tháng) đầu tư thêm được 03 tàu “Hai-an View” 1.577 TEU, “Hai-an East” 1.702 TEU và “Hai-an West” 1.740 TEU, tổng cộng 5.019 TEU chiếm gần 50% tổng trọng tải của cả đội tàu. Nhờ vậy từ cuối Quý III, đầu Quý IV Công ty đã cho đối tác nước ngoài thuê dài hạn thêm được 02 tàu loại 1740 – 1780 TEU nên lợi nhuận quý IV tăng đột biến và lợi nhuận cả năm 2021 đã tăng 2,8 lần so với kế hoạch.
- Nhờ theo dõi sát diễn biến của thị trường, phản ứng nhanh nên đã tận dụng được cơ hội để chuyển phương thức đầu tư từ “chỉ mua tàu cũ” sang kết hợp “vừa mua tàu cũ vừa đóng mới” từ tháng 5/2021, Công ty đã bắt đầu thương lượng với các nhà máy đóng tàu Trung Quốc và Hàn Quốc để tìm kiếm cơ hội đặt đóng mới tàu và đến tháng 8/2021 đã ký hợp đồng đóng mới được 2 tàu 1.800 TEU loại Bangkok Mark IV với giá thấp hơn khoảng gần 20% so với giá thị trường hiện nay. Các tàu này đều được trang bị máy chính

với tiêu chuẩn khí thải TIER II phù hợp với việc khai thác ở các khu vực châu Âu và Mỹ. Các tàu này sẽ được cho thuê ngay sau khi đóng xong hoặc sử dụng để thay thế các tàu trên 20 tuổi của Công ty trong những năm tới.

- Công ty đã xây dựng được hệ thống thông tin quản lý, điều hành khá hoàn chỉnh nên Tập thể lãnh đạo và người lao động đã nhanh chóng thích ứng với phương thức làm việc mới “Online”, không để hoạt động kinh doanh bị đứt gãy, gián đoạn, đặc biệt là hoạt động của Cảng, Depot, đội tàu, thuyền viên...

* **Tóm tắt Kết quả kinh doanh năm 2021**

Tổng sản lượng đạt 1.012.000 TEU tăng 4,2% so với kế hoạch, trong đó Khai thác cảng đạt 417.000 TEU, vận tải container đạt 474.000 TEU trên cả hai tuyến nước ngoài và nội địa, khai thác Depot đạt 121.600 TEU.

Tổng doanh thu đạt 2.004 tỷ đồng, tăng 20 % so với Kế hoạch, Lợi nhuận sau thuế hợp nhất đạt 445 tỷ đồng, tăng 182 % so với Kế hoạch.

Đến hết năm 2021, Công ty đã xây dựng được đội tàu container gồm 8 chiếc với tổng trọng tải gần 11.000 TEU, tăng gấp hơn hai lần so với năm 2019 là thời gian trước đại dịch và trở thành đội tàu container lớn nhất và trẻ nhất của Việt Nam.

II. Nhận định thị trường giai đoạn 2022 - 2025

Theo đánh giá của các tổ chức tư vấn hàng hải lớn trên thế giới, thị trường vận tải container trong các năm tới vẫn sẽ bị ảnh hưởng do các nguyên nhân sau:

- Do bị phong tỏa từng vùng, từng thời điểm vì dịch bệnh kéo dài và khó lường nên chuỗi Logistics toàn cầu vẫn tiếp tục bị ảnh hưởng, tình trạng ùn tắc tại các cảng chậm được khắc phục, nhiều cảng không đủ công nhân, lái xe... Tình trạng ùn tắc này làm tăng vòng quay của tàu thêm 20% - 25% dẫn đến tình trạng thiếu tàu, thiếu vỏ container trên toàn cầu...

- Tình trạng tắc nghẽn của hệ thống phân phối sau cảng chậm được khắc phục do đường sắt, đường bộ bị phong tỏa cục bộ, thiếu lao động, lái xe... làm cho tốc độ giải phóng container khỏi cảng chậm cần có thời gian mới khắc phục được.

- Do các hãng tàu tập trung đóng các loại tàu container cỡ lớn (ULCV có trọng tải 14.000 - 18.000 TEU và Megamax 24 trọng tải 24.000 TEU) trong khi cầu cảng và thiết bị không phù hợp phải chờ nâng cấp cũng gây thêm chậm trễ cho hoạt động của đội tàu và phải cần từ 2 đến 3 năm mới khắc phục được.

Trong khi đó, do nhu cầu hồi phục kinh tế sau đại dịch nên GDP và theo đó là khối lượng vận chuyển vẫn tiếp tục tăng, World Bank và Quỹ Tiền tệ Quốc tế đều dự đoán GDP toàn cầu năm 2022 sẽ tăng từ 3% đến 4,2%, từ đó khối lượng vận chuyển container sẽ tăng từ 6% đến 8% một năm. Vì thế tất cả các dự đoán đều cho rằng riêng thị trường vận chuyển container sẽ vẫn tiếp tục duy trì ở mức hiện nay trong 2 - 3 năm tới, thực tế các Hợp đồng mà Công ty đã ký đều ở mức giá cao đến hết 2023 hoặc 2024, thậm chí đến tháng 6/2025. Từ năm 2023 khi lượng tàu đóng mới, cảng mới ra đời, giá có thể giảm

nhưng không nhiều và một mặt bằng giá mới cao hơn giai đoạn trước năm 2000 sẽ được thiết lập.

III. Kế hoạch năm 2022

Căn cứ diễn biến thị trường nêu trên và nhu cầu phát triển vận tải container của Việt Nam, Công ty xác định định hướng kinh doanh trong thời gian tới như sau: ***“Phân đầu tăng thị phần vận tải container trên tuyến nội địa, phát triển các tuyến vận tải Nội Á để phục vụ hàng XNK, đồng thời tiếp tục đầu tư cơ sở hạ tầng để hoàn thiện chuỗi cung ứng của Công ty”***.

Kế hoạch năm 2022 như sau:

- a) Kinh doanh: Tổng sản lượng 948.000 TEU (do cho thuê định hạn từ 3 đến 4 tàu nên sản lượng vận chuyển giảm so với năm 2021), Doanh thu 2.388 tỷ (tăng 19% so với năm 2021), Lợi nhuận hợp nhất sau thuế 550 tỷ tăng hơn 23% so với 2021. Do ảnh hưởng chiến tranh Nga – Ucraina, giá dầu tăng gấp gần 2 lần so với bình quân năm 2020, vì vậy Công ty cần tiếp tục theo dõi và điều chỉnh linh hoạt phương án sử dụng tàu để hạn chế ảnh hưởng đến lợi nhuận.
- b) Đầu tư & Liên doanh: Tiếp tục tìm thêm nguồn vốn để đầu tư đóng mới tàu cho giai đoạn 2021 – 2024 gồm 03 tàu 1800 TEU - (Bangkokmax), 02 tàu loại 1800 TEU đến 4500 TEU; đầu tư thêm ít nhất 2 tàu cũ để hỗ trợ liên doanh với ZIM LINES mở thêm tuyến ở khu vực Đông Bắc Á. Tham gia đấu thầu các dự án Cảng, Depot ở Vũng tàu, HCM để tạo cơ sở hậu cần lâu dài cho Công ty tại khu vực phía Nam. Thành lập và hỗ trợ Liên doanh với ZIM Lines tham gia thị trường Feeder khu vực.
- c) Quản trị: Tiếp tục phát triển và ổn định hoạt động của các đơn vị mới (ABSL, ZIMHAIAN); tập trung hoàn thiện, phát triển các phần mềm điều hành, quản trị làm cơ sở thực hiện số hóa cho Công ty và các đơn vị Thành viên. Tuyển dụng và tự tổ chức đào tạo nhân viên mới đáp ứng nhu cầu phát triển của Công ty.

IV. Các nội dung dự kiến trình HĐQT

1. Phê duyệt Báo cáo Tài chính năm 2021 đã được kiểm toán.
2. Năm 2021 Công ty đạt lợi nhuận cao gấp 3 lần so với bình quân 10 năm qua, dự kiến năm 2022, 2023 hoạt động kinh doanh vẫn thuận lợi. Vì vậy HĐQT dự kiến trình HĐQT Phê duyệt trả cổ tức năm 2021 với tỷ lệ cao hơn các năm trước, cụ thể: **Cổ tức sẽ được trả 10% bằng tiền mặt và 40% bằng cổ phiếu, như vậy tổng tỷ lệ cổ tức năm 2021 là 50%. Đề nghị Đại hội biểu quyết phê duyệt làm cơ sở cho Công ty tiếp tục trình UBCK phê duyệt để triển khai sớm.**
3. Phê duyệt Kế hoạch kinh doanh và đầu tư năm 2022.
4. Tiếp tục thực hiện ESOP với tỷ lệ 3% (ba phần trăm) số cổ phần lưu hành sau ngày được UBCK phê duyệt với giá dự kiến bằng mệnh giá (10.000 VND/CP). Đề nghị Đại hội phê duyệt và giao cho HĐQT thực hiện.

5. Nghiên cứu xây dựng Phương án phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu hoặc phát hành Trái phiếu chuyển đổi cho cổ đông chiến lược để huy động vốn đầu tư và tăng vốn Điều lệ cho phù hợp với qui mô doanh nghiệp. HĐQT trình Đại hội phê duyệt chủ trương và giao cho HĐQT xây dựng Phương án trình ĐHĐCĐ năm tới phê duyệt để tổ chức thực hiện. Theo Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2021 đã được kiểm toán, Tổng cộng tài sản của Công ty đạt 3.232 tỷ đồng, Vốn chủ sở hữu là 1.902 tỷ đồng trong đó vốn của cổ đông (Vốn Điều lệ) chỉ có 487 tỷ đồng, vì vậy cần phát hành thêm để tăng vốn Điều lệ và hỗ trợ việc trả nợ vay mua và đóng tàu của Công ty trong các năm tới.
6. Phê duyệt Điều lệ đã được sửa đổi và các Qui chế nội bộ về quản trị Công ty, ban hành Qui chế hoạt động của HĐQT, của Ban Kiểm soát cho phù hợp với Luật Doanh nghiệp và Luật Chứng khoán mới được Quốc hội Khóa 14 ban hành.

Tất cả các nội dung nêu trên có Tờ trình chi tiết kèm theo.

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần vận tải và xếp dỡ Hải An xin kính trình Đại hội.

Xin trân trọng cảm ơn!

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



VŨ NGỌC SƠN

Số:2022/BC-BKS

Hải Phòng, ngày tháng năm 2022

**BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT
TRÌNH ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2022**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV thông qua ngày 17/6/2020;
- Căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Kiểm Soát được qui định tại Điều lệ hoạt động của Công ty CP Vận tải và Xếp dỡ Hải An;

Ban Kiểm Soát (BKS) kính trình Đại hội đồng Cổ đông (ĐHCĐ) 2022 Công ty cổ phần vận tải và xếp dỡ Hải An báo cáo tình hình hoạt động năm 2021 như sau:

I. Tổ chức, hoạt động của Ban Kiểm Soát

1. Nhân sự của Ban Kiểm soát

Trong năm 2021, tổng số thành viên của Ban kiểm soát gồm 03 thành viên:

- Bà Nguyễn Thị Thanh Tú: Tái bổ nhiệm ngày 29/06/2018 – Trưởng ban kiểm soát
- Bà Trần Thị Thơm: Bổ nhiệm ngày 29/06/2018
- Ông Nguyễn Xuân Lộc: Bổ nhiệm ngày 29/06/2018

Các thành viên ban kiểm soát có đầy đủ trình độ, năng lực, phẩm chất đáp ứng yêu cầu về tiêu chuẩn làm thành viên ban kiểm soát được quy định tại Điều lệ Hải An.

2. Hoạt động của Ban Kiểm soát

Trong năm 2021, Ban kiểm soát đã thực hiện đầy đủ các chức năng, nhiệm vụ quy định tại Luật doanh nghiệp, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty, Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Kiểm soát. Các công việc của Ban Kiểm soát trong năm 2021 cụ thể như sau:

- Tham gia Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty;
- Tham gia các cuộc họp định kỳ và bất thường của Hội đồng quản trị công ty;
- Tham gia các cuộc họp giao ban hàng tuần của Công ty;
- Giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban điều hành theo quy định của Pháp luật và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông của Công ty;
- Giám sát công tác công bố thông tin theo quy định của Nhà nước;
- Đề xuất công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm và bán niên; Thẩm định Báo cáo tài chính năm trước và sau kiểm toán của Công ty;
- Đóng góp ý kiến cho công tác quản trị hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty;
- Đánh giá tính hợp lý, hợp pháp, trung thực và mức độ cần trọng trong công tác quản lý tài chính, mua sắm đầu tư trang thiết bị, điều hành kinh doanh và tổ chức hạch toán kế toán đảm bảo hoạt động của Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc tuân thủ đầy đủ các quy định của Pháp luật và Điều lệ của Công ty;
- Tổ chức các cuộc họp định kỳ và bất thường của Ban kiểm soát để soát xét, thảo luận, đánh

giá hoạt động của Công ty. Ban kiểm soát thường xuyên tổ chức trao đổi, đánh giá đối với các vấn đề liên quan đến việc quản lý điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty phục vụ cho mục đích kiểm soát của Ban Kiểm soát. Trong năm 2021, BKS tổ chức 02 cuộc họp, các cuộc họp của BKS đều được lập thành văn bản và gửi đến các thành viên;

- Các công việc khác theo chức năng và nhiệm vụ của Ban Kiểm soát.

Các thành viên BKS đã thực hiện đầy đủ chức năng nhiệm vụ Đại hội đồng cổ đông giao và luôn bảo đảm tính độc lập, trung thực, khách quan.

II. Kết quả của hoạt động kiểm tra và giám sát của Ban Kiểm Soát

1. Đánh giá của Ban kiểm soát đối với hoạt động của HĐQT

Qua công tác kiểm tra giám sát hoạt động kinh doanh năm 2021, Ban kiểm soát nhận thấy:

Hội đồng quản trị luôn theo sát tình hình thị trường trong nước và khu vực, giám sát chặt chẽ hoạt động kinh doanh và chỉ đạo kịp thời Ban Giám đốc trong điều hành sản xuất kinh doanh Công ty. HĐQT luôn chủ động tìm kiếm cơ hội đầu tư góp phần nâng thị phần vận tải ở trong nước, duy trì mở rộng được các tuyến nước ngoài và giám sát việc thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ đã được thông qua.

Hội Đồng Quản Trị đã tiến hành họp định kỳ và bất thường theo quy định của pháp luật và Điều lệ của Công ty để triển khai công tác giám sát và định hướng hoạt động kinh doanh của Công ty mẹ và các công ty thành viên. Các cuộc họp đều do Chủ tịch HĐQT chủ trì, thảo luận đảm bảo tính nghiêm túc và trách nhiệm. Trong năm 2021, Hội đồng quản trị đã tổ chức 09 cuộc họp, các thành viên HĐQT tham gia đầy đủ và có tinh thần trách nhiệm cao đối với việc đóng góp ý kiến về các nội dung đã đề ra. Các cuộc họp đều được lập biên bản và ban hành Nghị quyết để triển khai thực hiện các chiến lược đầu tư và kinh doanh của Công ty, đồng thời đánh giá, giám sát hoạt động của Ban Tổng Giám đốc.

Các Nghị quyết của HĐQT đã ban hành đúng với chức năng, quyền hạn và phù hợp với Nghị quyết ĐHĐCĐ, hoàn toàn tuân thủ Điều lệ Công ty, Luật Doanh nghiệp và các quy định pháp luật khác;

Công tác quản trị điều hành được thực hiện theo đúng Pháp luật, các quy định đối với hoạt động của công ty niêm yết, Điều lệ Công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

2. Đánh giá của Ban kiểm soát đối với ban điều hành

Trong năm 2021, Ban kiểm soát thường xuyên theo dõi các hoạt động của Ban Giám đốc và các công việc quản lý điều hành khác. Ban kiểm soát đánh giá cao những đóng góp của Ban Giám đốc trong việc tổ chức triển khai hoạt động kinh doanh, cũng như các biện pháp ứng phó nhanh chóng kịp thời với những biến động của thị trường trong bối cảnh khó khăn của nền kinh tế thế giới, Việt Nam nói chung và hoạt động vận tải, khai thác cảng biển nói riêng.

Ban Giám đốc đã luôn bám sát các mục tiêu, định hướng và thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ mà Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị đã giao.

Ban Giám đốc đã thực hiện nhiều giải pháp triển khai kế hoạch kinh doanh, ứng dụng công nghệ thông tin vào các lĩnh vực quản lý, nỗ lực đột phá trong điều hành kinh doanh, đẩy mạnh hoạt động đầu tư hạ tầng cơ sở, tăng cường công tác quản lý tài chính thông qua việc kiểm soát các khoản chi phí, quản lý công nợ phải thu phải trả, quản lý hàng tồn kho, quản lý công tác nghiệp vụ, hướng đến mục tiêu và kế hoạch của Đại hội đồng cổ đông và HĐQT đề ra.

Tổ chức các cuộc họp giao ban, các buổi họp tổng kết hàng quý, hội nghị tổng kết hàng

năm nhằm đánh giá đầy đủ các mặt hoạt động kinh doanh, đồng thời chỉ rõ những mặt hạn chế và tồn tại để giải quyết tháo gỡ và khắc phục. Xây dựng và triển khai nhiệm vụ kinh doanh đến từng chi nhánh, công ty thành viên, định hướng các giải pháp đồng bộ để các công ty chủ động quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của công ty mình.

Trong thời gian hoạt động vừa qua, Ban kiểm soát không phát hiện điều gì bất thường trong công tác quản lý điều hành của Ban Giám đốc. Ban Kiểm Soát nhận thấy rằng Ban Giám đốc đã thực hiện các hoạt động kinh doanh của Công ty với hiệu quả cao và tuân thủ đúng các nghị quyết của HĐQT.

3. Đánh giá tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty năm 2021

Do dịch bệnh COVID-19 diễn biến phức tạp, cạnh tranh giữa các nước lớn diễn ra gay gắt khiến thị trường vận tải biển Việt Nam không thể tránh khỏi những khó khăn. Đại dịch COVID-19 cũng ảnh hưởng tiêu cực làm đứt gãy chuỗi cung ứng toàn cầu, tình trạng thiếu vỏ container và tắc nghẽn tại các cảng vào thời điểm chi tiêu của người tiêu dùng tăng cao, khiến chi phí vận chuyển hàng hóa leo thang lên mức kỷ lục. Tại Việt Nam, đại dịch COVID-19 tiếp tục diễn biến phức tạp, nhất là đợt dịch lần thứ 4 bùng phát từ cuối tháng 4/2021 tại TP Hồ Chí Minh và các tỉnh phía Nam với biến chủng Delta có tốc độ lây lan nhanh, nguy hiểm, buộc chúng ta phải áp dụng nhiều biện pháp phòng, chống dịch chưa từng có tiền lệ, làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến hoạt động sản xuất kinh doanh, lưu thông hàng hóa bị gián đoạn.

Năm 2021, mặc dù chịu tác động của dịch Covid-19, nhưng tổng sản lượng vận tải do đội tàu biển Việt Nam vận chuyển vẫn tăng trưởng, ước đạt 156,5 triệu tấn, tăng 2% so năm 2020; tổng khối lượng hàng hóa thông qua cảng biển ước đạt hơn 703 triệu tấn, tăng 2% so năm 2020.

Nhằm khắc phục những khó khăn do ảnh hưởng của đại dịch Covid – 19, HĐQT và Ban Giám đốc đã đưa ra nhiều giải pháp đáp ứng nhanh và kịp thời diễn biến của thị trường cũng như phòng chống dịch bệnh để duy trì sản xuất liên tục. Đặc biệt đã tận dụng được cơ hội thị trường đi xuống để đầu tư thêm tàu và chuyển hướng đầu tư theo phương thức “Vừa mua tàu cũ – vừa đóng tàu mới” để nâng cao chất lượng của đội tàu. Nhờ vậy đã giúp Công ty tăng trưởng vượt bậc so với kế hoạch đề ra. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu chủ yếu của kế hoạch năm 2021 theo nghị quyết của ĐHCĐ thường niên như sau:

STT	CHỈ TIÊU	Đơn vị	Kế hoạch năm 2021	Thực hiện năm 2021	Tỷ lệ (5)/(4) (%)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
1	Tổng sản lượng	TEU	972.000	1.012.455	104,16
	- Khai thác cảng	TEU	370.000	416.779	112,64
	- Khai thác tàu	TEU	482.000	474.062	98,35
	- Sản lượng Depot	TEU	120.000	121.614	101,35
2	Tổng Doanh thu	Triệu VNĐ	1.661.111	2.004.674	120,68
3	Lợi nhuận hợp nhất sau thuế	Triệu VNĐ	157.860	445.513	282,22

Trong năm 2021 công ty đã tiến hành chi trả cho các cổ đông cổ tức năm 2020 là 1.000đ/cp.

*** Kết quả thẩm định báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2021**

Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất năm 2021 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn A&C - chi nhánh Hà Nội, là đơn vị nằm trong danh sách đã được thông qua tại cuộc họp ĐHĐCĐ năm 2021. Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất năm 2021 đều được chấp nhận toàn phần và có ý kiến phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu và được công bố thông tin theo quy định của pháp luật hiện hành.

Ban kiểm soát đã thẩm định báo cáo tài chính riêng và hợp nhất năm 2021 đã được kiểm toán và thống nhất xác nhận như sau: báo cáo tài chính hợp nhất năm 2021 đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Công ty cổ phần Vận tải và Xếp dỡ Hải An và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

*** Thù lao của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát**

Công ty đã thực hiện chi trả thù lao cho các thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2021 theo đúng mức đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 thông qua.

a. Về tình hình đầu tư trang thiết bị và xây dựng

- Ngày 09/04/2021, đầu tư mua thêm tàu vận tải container mang tên HAIAN EAST, đóng năm 2008 tại Đức, số IMO 9363144, tàu có chiều dài 182,52 m, rộng 25,2m, mớn nước 10 m, có sức chở 1.702 TEU tương đương 23.840 DWT, tốc độ tối đa đạt 19 hải lý/giờ.
- Ngày 29/04/2021, đầu tư mua thêm tàu vận tải container mang tên HAIAN WEST tại Singapore, tàu được đóng mới năm 2008 tại Trung Quốc, số IMO 9357860, tàu có chiều dài 175,47 m, mớn nước 9,5 m, có sức chở 1.740 TEU, tốc độ tối đa đạt 20 hải lý/giờ.
- Đầu tư mua thêm gần 3.000 TEU vỏ container loại 20' và 40'
- Xây dựng bến phao BP05 trên sông Gò Gia thuộc xã Thanh An, huyện Cần Giờ, Tp.Hồ Chí Minh. Bến phao BP05 có chiều dài 338m, mớn nước -9,5m đến -14m hệ Hải đồ. Bến phao có thể tiếp nhận tàu có trọng tải đến 30.000 DWT.

b. Về công tác quản lý

- Ngày 26/05/2021, Công ty đã tổ chức thành công ĐHĐCĐ thường niên năm 2021
- Tổ chức tốt công tác Marketing ở cả trong và ngoài nước.
- Tập trung xây dựng, triển khai các phần mềm quản lý điều hành cho đội tàu và hệ thống kho bãi
- Ban lãnh đạo và cán bộ công nhân viên HAIAN GROUP cũng đã tham gia vào nhiều công tác thiện nguyện trong năm như: ủng hộ để xây dựng tường rào và đổ sân bê tông cho cô trò vùng cao (dân tộc H'mông) ở điểm trường Ao Éch, xã Châu Quế Thượng, huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái. Ủng hộ Quỹ "Hỗ trợ mua vắc xin phòng, chống dịch Covid-19" của Liên đoàn Lao động (LĐLĐ) thành phố Hải Phòng.

III. Kết luận

Báo cáo của Hội Đồng Quản trị và Ban Giám đốc đã phản ánh đầy đủ và chính xác tình hình quản trị và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm 2021.

Các quyết định của HĐQT đều phù hợp với Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và trên tinh thần mang lại lợi ích tối đa cho Công ty và các cổ đông. Các quyết định trong điều hành sản xuất kinh doanh của Ban Giám đốc đều tuân thủ các chủ trương của HĐQT.

Công ty đã tuân thủ tốt các quy trình hoạt động theo các yêu cầu của hệ thống quản trị nội bộ. Hệ thống báo cáo tài chính, sổ sách kế toán tuân thủ các yêu cầu của chuẩn mực kế toán và các chế độ kế toán hiện hành. Kết quả sản xuất kinh doanh và số liệu kế toán đã được kiểm tra chặt chẽ, đảm bảo tính chính xác và hợp pháp trong việc ghi chép số liệu.

Mặc dù trong năm 2021, dịch bệnh Covid – 19 đã làm ảnh hưởng nhiều đến hoạt động sản xuất kinh doanh cũng như việc lưu thông hàng hóa, tình hình thị trường gặp nhiều khó khăn, nhưng với kết quả đã đạt được trên đây đã thể hiện sự đóng góp rất lớn của toàn thể CBCNV và sự năng động của Hội đồng Quản trị cũng như Ban Tổng Giám Đốc trong công tác điều hành đã đưa ra các biện pháp ứng phó nhanh và kịp thời với diễn biến của thị trường giúp công ty tăng trưởng vượt bậc và thúc đẩy mở rộng hoạt động kinh doanh trong thời gian tới.

Trên đây là toàn bộ báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát trong năm 2021, kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 xem xét và thông qua.

BKS xin chân thành cảm ơn HĐQT, Ban điều hành và các Bộ phận Phòng ban Công ty CP Vận tải và Xếp dỡ Hải An đã tạo điều kiện để Ban kiểm soát hoàn thành nhiệm vụ trong thời gian qua.

Kính chúc Đại hội thành công tốt đẹp.

Trân trọng!

TM.BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN
NGUYỄN THỊ THANH TÚ

Số: 01-2022/TTr-HĐQT

Hải Phòng, ngày 18 tháng 3 năm 2022

**TỜ TRÌNH
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2022
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XÉP DỠ HẢI AN**

Về việc phê duyệt Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2021, phương án phân phối lợi nhuận và chi trả cổ tức năm 2021, kế hoạch sản xuất kinh doanh và kế hoạch đầu tư, tài chính năm 2022 và các vấn đề khác thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV thông qua ngày 17/6/2020;
- Căn cứ Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần vận tải và xếp dỡ Hải An;
- Căn cứ Báo cáo kiểm toán số 2.0057/22/TC-AC ngày 09/02/2022 của Công ty TNHH kiểm toán và tư vấn A&C - Chi nhánh Hà Nội về kết quả kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2021 Công ty cổ phần vận tải và xếp dỡ Hải An;
- Căn cứ Nghị quyết số 0202-2022/NQ-HĐQT của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần vận tải và xếp dỡ Hải An ngày 10 tháng 02 năm 2022 về việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022.

Hội đồng quản trị (“HĐQT”) Công ty cổ phần vận tải và xếp dỡ Hải An xin báo cáo và kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 xem xét phê duyệt các nội dung sau:

1. Phê duyệt Báo cáo tài chính năm 2021 đã được kiểm toán

- Báo cáo tài chính năm 2021 được kiểm toán bởi Công ty TNHH kiểm toán và tư vấn A&C - chi nhánh Hà Nội và được thẩm định bởi Ban kiểm soát công ty.
- Kết quả kiểm toán, thẩm định của các đơn vị liên quan cho thấy số liệu tài chính của công ty là trung thực, hợp lý và phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.
- Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2021 đã được kiểm toán với các chỉ tiêu chủ yếu phản ánh Kết quả kinh doanh như sau: (tài liệu đính kèm)

	Đơn vị: VND
+ Doanh thu cung cấp dịch vụ:	1.955.301.419.313
+ Doanh thu tài chính:	26.276.353.563
+ Thu nhập khác:	23.096.351.626

+ Chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh:	1.326.035.140.137
+ Chi phí tài chính:	32.927.206.027
+ Chi phí khác:	2.707.424.146
+ Phần lãi lỗ trong Công ty liên doanh, liên kết:	19.313.009.227
+ Lợi nhuận trước thuế:	662.317.363.419
+ Chi phí thuế TNDN:	111.702.007.956
+ Lợi nhuận sau thuế hợp nhất năm 2021:	550.615.355.463
+ Lợi nhuận sau thuế của Cổ đông không kiểm soát:	105.101.858.363
+ Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ:	445.513.497.100
+ Tổng tài sản tính đến 31/12/2021:	3.232.345.373.971
+ Vốn chủ sở hữu:	1.902.029.962.417
Trong đó: - Vốn góp của cổ đông:	487.827.510.000
- Thặng dư vốn CP:	191.640.648.159
- Quỹ Đầu tư phát triển:	280.492.385.617
- Lợi nhuận chưa phân phối:	591.761.088.614
- Cổ phiếu quỹ:	-
- Lợi ích cổ đông không kiểm soát:	350.308.330.027

2. Phê duyệt phương án phân phối lợi nhuận và chi trả cổ tức năm 2021

2.1. Phương án phân phối lợi nhuận năm 2021

Đơn vị: VND

Lợi nhuận được phân phối	411.577.381.068
Trong đó: - Lợi nhuận kỳ này	333.729.164.628
- Lợi nhuận để lại của các năm trước	77.848.216.440
Trích quỹ	111.125.000.000
Bao gồm: - Quỹ đầu tư phát triển (20% LNST)	82.315.000.000
- Quỹ HĐQT (3% LNST)	12.347.000.000
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi (4% LNST)	16.463.000.000
Chi trả cổ tức bằng tiền từ nguồn LNST (1.000 đồng/CP)	48.782.751.000
Chi trả cổ tức bằng CP từ nguồn LNST (4.000 đồng/CP)	195.131.000.000
Lợi nhuận để lại dự kiến	56.538.630.068

2.2. Phương án chi trả cổ tức năm 2021

- Căn cứ vào kết quả hoạt động kinh doanh năm 2021, Hội đồng quản trị đề xuất mức trả cổ tức năm 2021 là 50% trong đó 10% cổ tức bằng tiền và 40% cổ tức bằng cổ phiếu.
- Chi tiết phương án phát hành cổ phiếu trả cổ tức như sau:
 - + Tên cổ phiếu : Cổ phiếu Công ty cổ phần vận tải và xếp dỡ Hải An
 - + Mã chứng khoán : HAH
 - + Loại cổ phần : Cổ phần phổ thông
 - + Mệnh giá : 10.000 VND/cổ phần (mười nghìn đồng/cổ phiếu)

- + Số lượng cổ phiếu đang lưu hành : 48.782.751 cổ phiếu
- + Số lượng cổ phiếu quỹ : 0 cổ phiếu
- + Tỷ lệ trả cổ tức bằng cổ phiếu : 40% (*bốn mươi phần trăm*) (Tại ngày đăng ký cuối cùng, cổ đông sở hữu 100 cổ phiếu sẽ được nhận 40 cổ phiếu mới)
- + Số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành thêm để trả cổ tức : 19.513.100 cổ phiếu
- + Tổng giá trị phát hành theo mệnh giá : 195.131.000.000 VND
- + Hình thức phát hành : Phát hành cổ phiếu trả cổ tức năm 2021
- + Đối tượng phát hành : Cổ đông hiện hữu theo danh sách cổ đông do Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam (VSD) chốt tại ngày đăng ký cuối cùng để nhận cổ tức bằng cổ phiếu
- + Nguồn vốn thực hiện phát hành cổ phiếu để trả cổ tức : Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên báo cáo tài chính được kiểm toán năm 2021
- + Mục đích phát hành : Tăng vốn điều lệ
- + Xử lý cổ phiếu lẻ : Số lượng cổ phiếu chia cho cổ đông hiện hữu sẽ được làm tròn xuống đến hàng đơn vị. Cổ phiếu lẻ hàng thập phân (nếu có) sẽ bị hủy bỏ.
Ví dụ: Cổ đông sở hữu 1.257 cổ phần, số cổ phiếu trả cổ tức được nhận tạm tính là $1.257 \times 0,4 = 502,8$ cổ phần.
Số cổ phiếu cổ đông sẽ thực nhận là 502 cổ phần; 0,8 cổ phần lẻ sẽ bị hủy bỏ.
- + Thời gian phát hành dự kiến : Trong năm 2022 và sau khi được UBCKNN chấp thuận
- + Hạn chế chuyển nhượng đối với cổ phiếu phát hành để trả cổ tức : Không hạn chế
- + Phương thức phân phối :
 - Đối với chứng khoán đã lưu ký: người sở hữu làm thủ tục nhận cổ tức tại các công ty chứng khoán - nơi mở tài khoản lưu ký
 - Đối với chứng khoán chưa lưu ký: người sở hữu làm thủ tục nhận cổ tức tại Văn phòng Công ty, địa chỉ: Tầng 7, số 45, phố Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội hoặc tại Công ty TNHH Cảng Hải An, tầng 3, Tòa nhà Hải An, Km+2 đường Đình Vũ, phường Đông Hải II, quận Hải An, TP.Hải Phòng vào các ngày làm việc trong tuần. Khi đến nhận cổ tức, cổ đông xuất trình CMND/CCCD và Giấy chứng nhận Sở hữu cổ phiếu.
- + Niêm yết bổ sung :
 - Toàn bộ số cổ phiếu phát hành thêm để trả cổ tức nêu trên sẽ được niêm yết bổ sung tại Sở Giao dịch Chứng

khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSX) và đăng ký lưu ký bổ sung tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam (VSD)

- + ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT :
- Lựa chọn thời điểm phân phối cổ phiếu thích hợp sau khi có chấp thuận của UBCKNN.
 - Thực hiện phương án xử lý cổ phần lẻ nêu trên.
 - Bổ sung hoặc sửa đổi phương án chi trả cổ tức bằng cổ phiếu theo yêu cầu của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và/hoặc cho mục đích tuân thủ các quy định pháp luật có liên quan.
 - Thực hiện các thủ tục cần thiết liên quan để hoàn tất phương án phát hành, đăng ký lưu ký và niêm yết bổ sung toàn bộ số cổ phiếu mới phát hành theo phương án nêu trên tại VSD và HSX, nhằm đảm bảo lợi ích cho cổ đông và Công ty.
 - Chính sửa Điều lệ Công ty và thay đổi Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh theo đúng số cổ phần thực tế phát hành.
 - Quyết định những vấn đề khác và thực hiện những công việc khác cần thiết liên quan đến việc trả cổ tức bằng cổ phiếu năm 2021.

3. Phê duyệt Kế hoạch năm 2022

3.1 Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kế hoạch 2022
1	Tổng sản lượng	TEU	948.000
	- Khai thác Cảng	TEU	411.000
	- Khai thác tàu	TEU	395.000
	- Khai thác Depot	TEU	142.000
2	Tổng Doanh thu	Triệu VNĐ	2.387.973
3	Lợi nhuận hợp nhất sau thuế	Triệu VNĐ	550.000
4	Dự kiến mức cổ tức chi trả:		
	- 10% bằng tiền mặt		
	- 20% bằng cổ phiếu		

3.2 Kế hoạch đầu tư năm 2022

- Về đội tàu:
 - + Tiếp tục đầu tư mua 02 tàu cũ;
 - + Đầu tư đóng mới tàu container giai đoạn 2021 - 2024: đóng mới 03 tàu loại 1.800 TEU (Bangkok Mark IV) và 02 tàu loại từ 1.800 - 4.500 TEU.
- để đảm bảo duy trì số chuyến nội địa 5 chuyến/tuần, mở rộng tuyến Hongkong và Singapore.
- Về cảng và logistics:

- + Đầu tư nâng cấp mặt bãi cảng và hệ thống thoát nước dự kiến 80 tỷ đồng;
- + Tiếp tục thực hiện dự án đầu tư cảng, Depot tại khu vực Cái Mép với giá trị ước tính 300 tỷ đồng;
- + Tiếp tục tìm kiếm cơ hội để đầu tư cơ sở hạ tầng cho lĩnh vực dịch vụ Logistics ở các khu vực khác như miền Trung và đồng bằng sông Cửu Long.

4. Lựa chọn đơn vị kiểm toán các Báo cáo bán niên, Báo cáo tài chính năm 2022

Ban Kiểm soát đã trình HĐQT lựa chọn một trong số các đơn vị kiểm toán gồm:

- Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam;
- Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C;
- Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY

Hội đồng quản trị Công ty xin trình và đề nghị Đại hội ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công ty xem xét, lựa chọn và chỉ định một trong các đơn vị nêu trên thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính năm 2022 cho Công ty.

5. Về việc bổ sung nhân sự tham gia Hội đồng quản trị

Để đảm bảo cơ cấu ổn định của HĐQT điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh Công ty, HĐQT Công ty thống nhất trình ĐHĐCĐ phê duyệt việc không bầu bổ sung thành viên HĐQT.

6. Phê duyệt mức thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Thư ký HĐQT năm 2022

Hội đồng quản trị xin trình và đề nghị Đại hội giữ nguyên mức thù lao năm 2022 cho các thành viên HĐQT, Ban kiểm soát và thư ký HĐQT như năm 2021, cụ thể như sau:

- Thành viên hội đồng quản trị: 10.000.000 đồng/người - tháng
- Thành viên Ban kiểm soát và thư ký HĐQT: 5.000.000 đồng/người - tháng

Hội đồng quản trị kính đề nghị ĐHĐCĐ thường niên 2022 ủy quyền cho HĐQT triển khai và thực hiện Nghị quyết theo đúng quy định của Pháp luật và Điều lệ của Công ty.

Xin trân trọng cảm ơn!

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH
(Đã ký và đóng dấu)
VŨ NGỌC SƠN

Số: 02-2022/TTr-HĐQT

Hải Phòng, ngày 18 tháng 3 năm 2022

TỜ TRÌNH
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2022
Về Phương án thành lập và khai thác kinh doanh của
Công ty liên doanh vận tải container Zim-Haian

1. Thực trạng đội tàu vận tải container đường biển Việt Nam

- Tính đến cuối năm 2021, Việt nam có 10 công ty tham gia kinh doanh, khai thác tàu container, bao gồm 45 tàu, có sức chở từ 240 teus đến 1.794 teus, cụ thể như sau:

STT	Công ty	Số lượng tàu				Tổng trọng tải (Teu)
		Đóng trước 2002	Đóng từ 2002-2007	Đóng từ 2008 trở lại	Tổng	
1	Vimc	2	5	0	7	5.558
2	Vosco	2	0	0	2	1.110
3	Gemadep	2	0	2	4	3.075
4	Vinafco	3	0	0	3	1.628
5	Vietsun	0	2	2	4	2.486
6	Haian	2	2	4	8	10.892
7	Vsico	2	1	2	5	3.778
8	GLS	2	3	1	6	2.977
9	Trường Hải	0	1	1	2	951
10	Tân Cảng Shipping	2	2	0	4	2.883
	TỔNG CỘNG:	17	16	12	45	35.968

- Trong đó phần lớn là các tàu cũ bao gồm 17 tàu trên 20 tuổi, 16 tàu trên 15 và dưới 20 tuổi (chiếm 73%) là nhóm sắp đến thời hạn phải ngừng hoạt động.
- Các công ty vận tải container Việt nam có qui mô nhỏ, không có tiềm lực tài chính mạnh, cộng với hiệu quả khai thác trên các tuyến nội địa những năm qua không cao nên rất ít công ty có kế hoạch đầu tư, đổi mới và phát triển đội tàu và đầu tư vỏ container, các trang thiết bị cũng như đào tạo, xây dựng đội ngũ cán bộ, chuyên viên, thuyền viên đủ sức tiếp thu công nghệ, kỹ thuật...
- Ngoài yếu tố thiếu vốn đầu tư còn có vấn đề về khả năng kết nối của các doanh nghiệp vận tải biển Việt Nam với mạng lưới quốc tế. Điều này sẽ gây cản trở rất lớn khi doanh nghiệp vận tải biển Việt Nam muốn mở rộng tuyến dịch vụ ra các thị trường khu vực và quốc tế.
- **Nguy cơ:** Với tình hình như vậy, trong các năm tới, khi nhiều tàu hết hạn hoạt động và các doanh nghiệp không có đầu tư mua / đóng mới thì năng lực vận tải container đường biển của Việt Nam sẽ tiếp tục giảm mạnh, không thể đáp ứng được nhu cầu trong nước, không đảm bảo cho phát triển kinh tế xã hội và sẽ tiếp tục không có cơ hội mở rộng, vươn ra khu vực và quốc tế, không thể hỗ trợ cộng đồng doanh nghiệp giảm bớt phụ thuộc vào các hãng tàu nước

ngoài, không thể tham gia bình ổn giá cước vận tải container quốc tế như chỉ đạo của Chính phủ và các Bộ Ban Ngành.

2. Tình hình nhu cầu xuất nhập khẩu hàng hóa bằng container đường biển

- Hiện nay hàng XNK của Việt Nam được vận chuyển chủ yếu bằng container đường biển, trong đó đi châu Mỹ khoảng 25%, đi châu Âu khoảng 15%, đi Trung Quốc và Đông Bắc Á (Hàn Quốc, Nhật Bản, Viễn Đông) khoảng 50%, còn lại đi Đông Nam Á - Ấn Độ khoảng 10%. Số lượng hàng hóa tiếp tục tăng trưởng tốt, đặc biệt là một số khu vực luôn đạt mức tăng trưởng hai con số trong nhiều năm gần đây như Cái Mép, Hải Phòng. Trong đó trên 95% lượng hàng đang được vận chuyển thông qua các hãng tàu quốc tế do Việt Nam chưa có đội tàu container thích hợp, đủ lớn.
- Do ảnh hưởng của dịch Covid - 19, chuỗi cung ứng toàn cầu bị đứt gãy, gián đoạn đã ảnh hưởng lớn đến thị trường vận tải container đường biển quốc tế nên trong năm 2021, mức cước vận chuyển đã tăng lên rất nhiều lần, cụ thể có tuyến tăng từ dưới 2.000 Đô la Mỹ / container lên tới trên 20.000 Đô la Mỹ / container nhưng doanh nghiệp Việt Nam vẫn không thể có đủ chỗ tàu trên tàu và vỏ container để vận chuyển. Điều này gây ảnh hưởng tiêu cực tới xuất nhập khẩu của các doanh nghiệp cũng như sự phát triển của nền kinh tế, làm giảm bớt hiệu quả của các hiệp định tự do thương mại mà Chính phủ Việt Nam đã ký kết với các đối tác quốc tế trong thời gian qua.

3. Phương án và giải pháp

- Để bù đắp cho sự thiếu hụt năng lực vận tải như nêu trên cũng như nâng cao năng lực vận tải biển của đội tàu Việt Nam, mở rộng tuyến dịch vụ vận chuyển của đội tàu container Việt Nam, kết nối Việt Nam với các nước trong khu vực như Trung Quốc, Đông Bắc Á và Đông Nam Á, từng bước vững chắc mở rộng ra các khu vực Nam Á, Trung Đông, Úc, Mỹ và Châu Âu trong tương lai, Công ty cổ phần vận tải và xếp dỡ Hải An đã thảo luận với hãng tàu ZIM Integrated Shipping Services Ltd. (là hãng tàu container đứng thứ 10 thế giới, hiện đang khai thác hơn 100 tàu container với tổng trọng tải gần 438.000 TEU, có kinh nghiệm khai thác nhiều tuyến vận tải container trên thế giới) để thành lập một Công ty liên doanh vận tải container tại Việt Nam nhằm đầu tư tàu container, vỏ container, tiếp thu công nghệ và tận dụng mạng lưới của đối tác để đầu tư phát triển đội tàu vận tải container của Việt Nam và mở các tuyến vận tải container như trên, phục vụ trực tiếp hoạt động XNK của đất nước.
- Tên công ty dự kiến: **Công ty Liên doanh Vận tải container ZIM - Hải An** (viết tắt là ZimHaian), với vốn điều lệ là 2.000.000 USD (Hai triệu đô la Mỹ).
- Trước mắt, sau khi được phép thành lập, Công ty sẽ mở hai (2) tuyến vận tải container với lịch trình như sau:
 - a) Tuyến Việt Nam - Đông Nam Á (Hải Phòng - TP. Hồ Chí Minh - Port Klang - TP. Hồ Chí Minh - Chu Lai - Hải Phòng - TP. Hồ Chí Minh - Port Klang - TP. Hồ Chí Minh - Nghi Sơn - Hải Phòng)
 - b) Tuyến Việt Nam - Trung Quốc (TP. Hồ Chí Minh - Hải Phòng - Hồng Kông - Shekou - Ningbo - Shanghai - Hồng Kông Shekou - Hải Phòng - TP. Hồ Chí Minh)
- Với sự vận hành của 2 tuyến vận tải trên, hàng hóa XNK của các doanh nghiệp Việt Nam sẽ được vận chuyển trực tiếp tới các thị trường Malaysia, Trung Quốc với cam kết chỗ tàu trên tàu và vỏ container. Ngoài ra từ các trung tâm chuyển tải này, hàng hóa XNK của Việt Nam có thể kết nối lên các tuyến quốc tế khác của Zim Lines đi Nam Á, Trung Đông, Địa Trung Hải, Úc và Mỹ một cách nhanh chóng, thuận tiện.

- Liên doanh ngoài thừa hưởng mạng lưới quốc tế và kinh nghiệm quản lý của Zim Lines thì cũng được cam kết hỗ trợ tài chính từ Zim Lines để tiếp tục mua, đóng mới các tàu container có tải trọng phù hợp cho việc phát triển các tuyến quốc tế khác trong những năm tới.

4. Phương án khai thác và hiệu quả kinh doanh của hai tuyến tàu container

a. *Tuyến Hải Phòng - Hồ Chí Minh - Port Klang - Hồ Chí Minh - Chu Lai - Hải Phòng - Hồ Chí Minh - Port Klang - Hồ Chí Minh - Nghi Sơn - Hải Phòng*)

- Hàng nhập khẩu từ Malaysia và các nước khác chuyển tải qua Port Klang về các cảng Hồ Chí Minh, Hải Phòng và đặc biệt là Khu kinh tế Chu Lai, Nghi Sơn; góp phần giảm chi phí vận tải cho các doanh nghiệp trong khu vực, tăng cường thu hút đầu tư vào Quảng Nam, Thanh Hóa và vùng lân cận.
- Hàng xuất khẩu từ Việt Nam được chuyển thẳng tới thị trường Malaysia và chuyển tải tại Port Klang để đến các thị trường Đông Nam Á, Nam Á, Trung Đông, Úc và Địa Trung Hải một cách nhanh chóng thuận tiện.
- Phương án khai thác bằng 2 tàu 1,100 teu. Tùy theo nhu cầu có thể tăng lên cỡ tàu 1,700 teu.
- Hiệu quả kinh tế khi khai thác 2 tàu 1,100 teus: Với mức chi phí thuê tàu, nhiên liệu và mức cước thị trường hiện tại, tuyến tàu này dự kiến sẽ đem lại doanh thu khoảng 250 tỉ / năm và lợi nhuận 50 tỉ / năm.

b. *Hồ Chí Minh - Hải Phòng - Hồng Kông - Shekou - Ningbo - Shanghai - Hồng Kông Shekou - Hải Phòng - Hồ Chí Minh*

- Hàng nhập khẩu nguyên phụ liệu từ Bắc và Nam Trung Quốc được đưa thẳng về các cảng Hải Phòng, Hồ Chí Minh nhanh chóng, không phải qua chuyển tải, tiết giảm chi phí và thời gian. Hàng từ các nước khác có thể chuyển tải tại Trung Quốc và Hồng Kông về Việt Nam nhanh chóng, thuận tiện, tiết kiệm.
- Hàng xuất khẩu của Việt Nam sẽ được đưa thẳng đi các thị trường lớn của Trung Quốc, đặc biệt nhóm hàng nông sản bằng lịch tàu ổn định, nhanh chóng, lượng vỏ container lạnh phong phú, góp phần giải quyết vấn đề ùn tắc hàng nông sản tại các cửa khẩu phía Bắc.
- Phương án khai thác bằng 3 tàu 1,700 teu.
- Hiệu quả kinh tế khi khai thác 3 tàu 1,700 teus: Với mức chi phí thuê tàu, nhiên liệu và mức cước thị trường hiện tại, tuyến tàu này dự kiến sẽ đem lại doanh thu khoảng 350 tỉ / năm và lợi nhuận 70 tỉ / năm.

Với nhu cầu cấp bách của cộng đồng Doanh nghiệp và hiệu quả đầu tư cũng như khả năng đóng góp lâu dài, bền vững cho nền kinh tế nói chung và ngành vận tải container đường biển Việt Nam nói riêng, HĐQT Công ty xin kính trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2022 thông qua việc thành lập liên doanh đối với ZIM INTEGRATED SHIPPING SERVICES LTD và ủy quyền cho HĐQT thực hiện tất cả các công việc có liên quan đến việc thành lập và hoạt động của liên doanh.

Xin trân trọng cảm ơn!

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH
(Đã ký)
Vũ Ngọc Sơn

Số: 03-2022/TTr-HĐQT

Hải Phòng, ngày 18 tháng 03 năm 2022

TỜ TRÌNH
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2022
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

*Về phương án phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động
của Công ty mẹ và các công ty liên kết (ESOP)*

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV thông qua ngày 17/6/2020;
- Căn cứ Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019, hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2021;
- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP của Thủ tướng Chính phủ ký ban hành ngày 31/12/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của luật chứng khoán;
- Căn cứ Điều lệ hiện hành Công ty cổ phần vận tải và xếp dỡ Hải An

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần vận tải và xếp dỡ Hải An xin kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua các vấn đề sau:

I. Phương án phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động của công ty (ESOP)

Mục đích phát hành	: Phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động của Công ty và các công ty thành viên nhằm ghi nhận đóng góp đối với sự phát triển của Công ty và các công ty thành viên trong suốt hơn 10 năm qua.
Tên cổ phiếu	: Cổ phiếu Công ty cổ phần vận tải và xếp dỡ Hải An
Loại cổ phiếu	: Cổ phiếu phổ thông
Mệnh giá	: 10.000 VNĐ/cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu lưu hành dự kiến sau khi trả cổ tức bằng cổ phiếu	: 68.295.851 cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành	: Tối đa 2.048.875 cổ phiếu (3% số cổ phiếu lưu hành dự kiến sau khi chi trả cổ tức của Công ty)
Tổng giá trị phát hành (theo mệnh	: 20.488.750.000 VNĐ

giá)

- Kế hoạch sử dụng số tiền thu : Số tiền thu được từ việc phát hành sẽ được sử dụng để phục vụ nhu cầu hoạt động kinh doanh và bổ sung vốn lưu động của Công ty.
- Hình thức phát hành : Chào bán cổ phiếu trực tiếp cho Hội đồng quản trị và người lao động thuộc Công ty cổ phần vận tải và xếp dỡ Hải An và các công ty thành viên
- Đối tượng phát hành : CBCNV Công ty vận tải và xếp dỡ Hải An và các công ty thành viên theo danh sách được Hội đồng quản trị phê duyệt. Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định và ban hành quy chế, tiêu chí và danh sách CBCNV được mua cổ phần ESOP
- Nguyên tắc xác định giá phát hành : Giá bán cố định là 10.000 VNĐ/cổ phiếu
~ 31,52% Giá trị sổ sách (tại 31/12/2021): 31.728 VNĐ/cổ phiếu
- Xử lý số cổ phiếu không phân phối hết : Sau khi kết thúc thời hạn đăng ký và nộp tiền mua cổ phiếu, nếu người lao động không mua hết số lượng cổ phần chào bán, HĐQT quyết định tiếp tục phân phối cho đối tượng khác theo các điều kiện và cách thức phù hợp với mức giá đã xác định ở trên và đảm bảo tuân thủ đúng các quy định của Pháp luật.
- Hạn chế chuyển nhượng : Tùy thuộc vào quyết định của HĐQT hoặc chủ tịch HĐQT (khi được HĐQT ủy quyền), hạn chế trong thời gian 1 năm kể từ thời điểm hoàn thành đợt chào bán.
- Phương thức thanh toán : Chuyển khoản vào tài khoản của Công ty
- Thời gian thực hiện : Trong năm 2022, ngay sau khi được sự chấp thuận của ĐHCĐ và các cơ quan có thẩm quyền

II. Ủy quyền cho HĐQT quyết định tất cả các vấn đề liên quan đến chương trình ESOP năm 2022, cụ thể:

- Quyết định thời điểm phát hành, chỉnh sửa phương án phát hành (nếu cần) và thực hiện các công việc theo đúng quy định pháp luật để hoàn tất đợt phát hành cổ phiếu theo chương trình ESOP năm 2022;
- Quyết định tiêu chí, danh sách và ban hành quy chế ESOP năm 2022; quyết định việc phân phối tiếp số lượng cổ phần không phát hành hết;
- Quyết định phương án chi tiết sử dụng tiền thu được từ đợt phát hành theo chương trình ESOP năm 2022;
- Thực hiện các thủ tục cần thiết để đăng ký phát hành cổ phiếu theo chương trình ESOP với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (“SSC”), bổ sung hoặc sửa đổi phương án theo yêu

- cầu của SSC hoặc cho mục đích tuân thủ các quy định pháp luật có liên quan (nếu có)
- Thực hiện các thủ tục cần thiết để lưu ký bổ sung số cổ phiếu phát hành theo chương trình ESOP tại Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam (“VSD”)
 - Thực hiện các thủ tục cần thiết để niêm yết bổ sung số cổ phiếu phát hành theo chương trình ESOP tại Sở giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh (“HOSE”)
 - Sửa đổi Điều lệ Công ty về phần Vốn điều lệ và thực hiện các thủ tục tăng Vốn điều lệ với Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hà Nội sau khi kết thúc việc phát hành cổ phiếu theo chương trình ESOP.
 - Quyết định mua lại và sử dụng cổ phiếu khi người được quyền mua theo chương trình ESOP nghỉ việc.
 - Thực hiện các công việc khác có liên quan để hoàn thành nội dung công việc được giao.
 - Tùy từng trường hợp cụ thể, HĐQT được ủy quyền cho Tổng giám đốc để thực hiện một hoặc toàn bộ các công việc nêu trên.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua.

Xin trân trọng cảm ơn!

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH
(Đã ký)
VŨ NGỌC SƠN

Số: 04-2022/TT-ĐHQT

Hải Phòng, ngày 18 tháng 3 năm 2022

TỜ TRÌNH

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2022

Về việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ và Quy chế quản trị Công ty và ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020;
- Căn cứ Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019;
- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của luật chứng khoán;
- Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của luật chứng khoán;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần vận tải và xếp dỡ Hải An

Nhằm đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật hiện hành, đặc biệt là những yêu cầu mới trong công tác quản trị, điều hành công ty đại chúng quy định tại Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của luật chứng khoán, Hội đồng quản trị đã thực hiện rà soát để sửa đổi, bổ sung toàn văn Điều lệ và Quy chế nội bộ về quản trị Công ty, theo đó, đã xây dựng Dự thảo Điều lệ; Quy chế nội bộ về quản trị Công ty trên cơ sở sửa đổi, bổ sung về nội dung và cơ cấu của Điều lệ và Quy chế nội bộ về quản trị Công ty hiện hành. Ngoài ra, Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát cũng đã xây dựng Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát. Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên 2022 xem xét, thông qua việc sửa đổi nội dung Điều lệ và Quy chế nội bộ về quản trị công ty và thông qua việc ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát như sau:

- Đại hội đồng cổ đông thông qua việc sửa đổi nội dung Điều lệ và Quy chế nội bộ về quản trị Công ty và ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát theo các Dự thảo đính kèm, cụ thể:
 - Dự thảo Điều lệ sửa đổi gồm 3 Chương và 57 Điều.
 - Dự thảo Quy chế nội bộ về quản trị Công ty sửa đổi gồm 12 chương và 52 điều.
 - Dự thảo Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị gồm 7 chương và 24 điều.

- Dự thảo Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát gồm 7 chương và 23 điều.
- Đại hội đồng cổ đông giao nhiệm vụ cho Hội đồng quản trị chỉ đạo thực hiện các thủ tục cần thiết theo quy định của pháp luật, bao gồm đăng ký Điều lệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền (nếu pháp luật quy định), triển khai xây dựng các quy chế nội bộ của công ty phù hợp với thực tế tổ chức và hoạt động của công ty, thực hiện việc công bố thông tin theo quy định của pháp luật.
- Điều lệ và Quy chế nội bộ về quản trị Công ty đã được sửa đổi, bổ sung cùng với Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát có hiệu lực kể từ ngày được Đại hội đồng cổ đông thường niên 2022 thông qua.

Kính trình Đại hội đồng Cổ đông xem xét thông qua.

Xin trân trọng cảm ơn!

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

(Đã ký)

Vũ Ngọc Sơn



CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XÉP DỠ HẢI AN

Tầng 7, số 45, phố Triệu Việt Vương, p. Nguyễn Du, q. Hai Bà Trưng, HN

DỰ THẢO

ĐIỀU LỆ

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XÉP DỠ HẢI AN



Hà Nội, ngày 18 tháng 3 năm 2022

MỤC LỤC

MỤC LỤC	1
CHƯƠNG I: MỘT SỐ QUY ĐỊNH CHUNG	3
I. NGUYÊN TẮC CHUNG.....	3
Điều 1. Phạm vi, đối tượng điều chỉnh	3
Điều 2. Giải thích một số từ ngữ	3
Điều 3. Tên giao dịch, hình thức hoạt động, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của doanh nghiệp	4
Điều 4. Người đại diện theo pháp luật của Công ty	4
Điều 5. Lĩnh vực kinh doanh và mục tiêu hoạt động chủ yếu của doanh nghiệp	4
Điều 6. Phạm vi hoạt động và tổ chức kinh doanh	6
II. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN	6
Điều 7. Vốn điều lệ, cổ phần.....	6
Điều 8. Chứng nhận cổ phiếu	7
Điều 9. Chứng chỉ trái phiếu, chứng khoán khác	8
Điều 10. Chào bán, chuyển nhượng và mua lại cổ phần, trái phiếu	8
Điều 11. Thu hồi cổ phần, cổ tức.....	8
CHƯƠNG II: CÁC QUY ĐỊNH CHI TIẾT.....	10
Điều 12. Cơ cấu tổ chức quản trị và kiểm soát	10
A. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG/ĐHĐCD.....	10
Điều 13. Quyền hạn của cổ đông.....	10
Điều 14. Trách nhiệm và nghĩa vụ của cổ đông	12
Điều 15. Đại hội đồng cổ đông/ĐHĐCD	13
Điều 16. Các quyền và nghĩa vụ cụ thể của ĐHĐCD thường niên	13
Điều 17. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông	15
Điều 18. Thay đổi các quyền	15
Điều 19. Thủ tục triệu tập, chương trình họp và thông báo họp ĐHĐCD.....	16
Điều 20. Các điều kiện tiến hành họp ĐHĐCD	18
Điều 21. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại ĐHĐCD.....	19
Điều 22. Điều kiện để thông qua nghị quyết, quyết định của ĐHĐCD.....	21
Điều 23. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của ĐHĐCD.....	21
Điều 24. Nghị quyết, Biên bản họp ĐHĐCD.....	23
Điều 25. Hiệu lực của nghị quyết, quyết định của ĐHĐCD và yêu cầu hủy bỏ.....	24
B. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	24
Điều 26. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị	24
Điều 27. Thành phần và nhiệm kỳ của Thành viên HĐQT.....	25
Điều 28. Tiêu chuẩn, điều kiện và nhiệm kỳ của HĐQT	26
Điều 29. Quyền hạn và nhiệm vụ của HĐQT	27
Điều 30. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị	29
Điều 31. Chủ tịch HĐQT	30
Điều 32. Các cuộc họp của HĐQT.....	30

<i>Điều 33. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị</i>	33
<i>Điều 34. Người phụ trách quản trị công ty</i>	34
C. TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC	34
<i>Điều 35. Tổ chức bộ máy quản lý - điều hành</i>	34
<i>Điều 36. Người điều hành Công ty</i>	35
<i>Điều 37. Tổng giám đốc Công ty</i>	35
D. BAN KIỂM SOÁT	37
<i>Điều 38. Ứng cử và đề cử kiểm soát viên</i>	37
<i>Điều 39. Kiểm soát viên</i>	37
<i>Điều 40. Quyền hạn, nhiệm vụ của Ban Kiểm soát</i>	38
E. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC	40
<i>Điều 41. Trách nhiệm chung của người điều hành Công ty</i>	40
<i>Điều 42. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường</i>	41
F. QUYỀN KIỂM TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY	42
<i>Điều 43. Quyền kiểm tra và trách nhiệm lưu trữ hồ sơ, tài liệu</i>	42
G. NGƯỜI LAO ĐỘNG	42
<i>Điều 44. CBCNV và quan hệ với Công đoàn</i>	42
H. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN VÀ CHI TRẢ CỔ TỨC:	43
<i>Điều 45. Phân phối lợi nhuận và chi trả cổ tức</i>	43
I. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN	44
<i>Điều 46. Tài khoản ngân hàng</i>	44
<i>Điều 47. Năm tài chính</i>	44
<i>Điều 48. Chế độ kế toán</i>	44
J. BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN, THÔNG BÁO RA CÔNG CHÚNG	44
<i>Điều 49. Báo cáo tài chính năm, sáu tháng và quý</i>	44
<i>Điều 50. Công khai báo cáo thường niên</i>	45
K. KIỂM TOÁN CÔNG TY:	45
<i>Điều 51. Kiểm toán</i>	45
L. CON DẤU CÔNG TY	46
<i>Điều 52. Con dấu Công ty</i>	46
M. CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ	46
<i>Điều 53. Chấm dứt hoạt động</i>	46
<i>Điều 54. Thanh lý Công ty</i>	46
N. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ	47
<i>Điều 55. Giải quyết tranh chấp nội bộ</i>	47
CHƯƠNG III: ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH	48
<i>Điều 56. Thẩm quyền sửa đổi, bổ sung Điều lệ</i>	48
<i>Điều 57. Hiệu lực thi hành</i>	48

CHƯƠNG I: MỘT SỐ QUY ĐỊNH CHUNG

I. NGUYÊN TẮC CHUNG

Điều 1. Phạm vi, đối tượng điều chỉnh

- 1- Điều lệ này quy định về tổ chức bộ máy, chế độ quản lý - điều hành mọi hoạt động của Công ty cổ phần vận tải và xếp dỡ Hải An - từ dưới đây được gọi tắt là Công ty.
- 2- Điều lệ này được áp dụng bắt buộc đối với các cổ đông, các cán bộ, nhân viên bộ máy quản trị, quản lý - điều hành và người lao động trong Công ty.

Điều 2. Giải thích một số từ ngữ

- 1- Trong Điều lệ này, những từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:
 - a) "Vốn điều lệ" là tổng số vốn do các cổ đông đóng góp và được quy định tại Điều 7 - Điều lệ này;
 - b) "Vốn có quyền biểu quyết" là vốn cổ phần theo đó người sở hữu có quyền biểu quyết về những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông
 - c) "Luật Doanh nghiệp" có nghĩa là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020;
 - d) "Luật chứng khoán" là Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019;
 - e) "Việt Nam" là nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam
 - f) "Ngày thành lập" là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu - tức ngày 08 tháng 5 năm 2009.
 - g) "Người điều hành doanh nghiệp" là Tổng giám đốc, các Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng, và người điều hành khác theo quy định của Điều lệ công ty;
 - h) "Người quản lý doanh nghiệp" là người quản lý công ty, bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cá nhân giữ chức danh quản lý khác theo quy định tại Điều lệ công ty.
 - i) "Người có liên quan" là cá nhân hoặc tổ chức được quy định tại Khoản 46 Điều 4 - Luật Chứng khoán hiện hành;
 - j) "Cổ đông" là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của công ty cổ phần;
 - k) "Cổ đông sáng lập" là cổ đông sở hữu ít nhất một cổ phần phổ thông và ký tên trong danh sách cổ đông sáng lập công ty cổ phần
 - l) "Cổ đông lớn" là cổ đông được quy định tại khoản 18 Điều 4 Luật chứng khoán;
 - m) "Thời hạn hoạt động" là thời gian hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 2 Điều lệ này và thời gian gia hạn (nếu có) được Đại hội đồng cổ đông của Công ty thông qua;
 - n) "Sở giao dịch chứng khoán" là Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và các công ty con.

- 2- Trong Điều lệ này, các nội dung tham chiếu tới một hoặc một số quy định hay văn bản quy phạm pháp luật khác sẽ bao gồm cả những phần sửa đổi hoặc văn bản thay thế chúng.
- 3- Tên gọi các chương mục, điều khoản của Điều lệ này chỉ được sử dụng với mục đích tạo thuận lợi cho việc tra cứu, tìm hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của các chương mục, điều khoản đó.

Điều 3. Tên giao dịch, hình thức hoạt động, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của doanh nghiệp

- 1- Tên giao dịch:
 - Tên giao dịch bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XÉP DỠ HẢI AN
 - Tên giao dịch bằng tiếng Anh: HAI AN TRANSPORT AND STEVEDORING JOINT STOCK COMPANY
 - Tên giao dịch viết tắt bằng tiếng Anh: HAIANTS., JSC
- 2- Công ty là một công ty cổ phần đa sở hữu, có tư cách pháp nhân đầy đủ, được tổ chức hoạt động kinh doanh và quản lý - điều hành trên cơ sở pháp luật hiện hành của Việt Nam.
- 3- Công ty chỉ chịu trách nhiệm về những khoản nợ, trách nhiệm tài chính hoặc các nghĩa vụ pháp lý khác phát sinh từ hoạt động của các doanh nghiệp có vốn góp trong phạm vi giá trị tiền vốn, tài sản đã góp vào doanh nghiệp đó. Công ty không chịu bất cứ trách nhiệm hoặc nghĩa vụ liên đới nào khác với doanh nghiệp có vốn góp đó với tư cách là một doanh nghiệp độc lập, hạch toán riêng biệt, trừ trường hợp đã chấp nhận bảo lãnh cho vụ việc liên quan.
- 4- Trụ sở giao dịch chính của Công ty đặt tại:
 - Địa chỉ: Tầng 7, Số 45, Phố Triệu Việt Vương, Phường Nguyễn Du, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội
 - Điện thoại: 024.39877515/024.39876556
 - Website: www.haiants.vn
- 5- Công ty có thể thành lập thêm chi nhánh, văn phòng đại diện hoặc các công ty con ở cả trong nước và ngoài nước để tổ chức thực hiện các mục tiêu hoạt động tùy theo quyết định của HĐQT và trong phạm vi luật pháp liên quan cho phép.
- 6- Trừ khi bị chấm dứt hoạt động trước thời hạn theo quy định tại Điều 48 - Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty được tính từ ngày thành lập và là vô thời hạn.

Điều 4. Người đại diện theo pháp luật của Công ty

- 1- Công ty có 01 người đại diện theo pháp luật là Tổng giám đốc của Công ty.
- 2- Quyền hạn và trách nhiệm của người đại diện theo pháp luật được quy định theo Điều 12 và Điều 13 Luật Doanh nghiệp.

Điều 5. Lĩnh vực kinh doanh và mục tiêu hoạt động chủ yếu của doanh nghiệp

- 1- Lĩnh vực kinh doanh của Công ty:

STT	Tên ngành nghề	Mã NN
1	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy <i>Chi tiết:</i>	5222 (chính)

STT	Tên ngành nghề	Mã NN
	<ul style="list-style-type: none"> - Hoạt động liên quan tới vận tải hành khách, động vật hoặc hàng hoá ven biển và viễn dương; - Hoạt động của cảng biển, bến tàu, cầu tàu; - Hoạt động hoa tiêu, lai dắt, đưa tàu cập bến; - Hoạt động của trạm hải đăng. 	
2	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)	4931
3	Vận tải hành khách đường bộ khác	4932
4	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
5	Vận tải hành khách ven biển và viễn dương	5011
6	Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương	5012
7	Vận tải hành khách đường thủy nội địa	5021
8	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa	5022
9	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa (không bao gồm kinh doanh bất động sản)	5210
10	<p>Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ</p> <p><i>Chi tiết: Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Hoạt động liên quan tới vận tải hành khách, động vật hoặc hàng hoá bằng đường bộ; - Hoạt động của các bến, bãi ô tô, điểm bốc xếp hàng hoá; - Hoạt động quản lý đường bộ, cầu, đường hầm, bãi đỗ xe ô tô hoặc gara ô tô, bãi để xe đạp, xe máy; 	5221
11	Bốc xếp hàng hóa	5224
12	<p>Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải</p> <p><i>Chi tiết:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Sắp xếp hoặc tổ chức các hoạt động vận tải đường bộ, đường biển; - Giao nhận hàng hóa; - Thu, phát các chứng từ vận tải và vận đơn; - Hoạt động của đại lý làm thủ tục hải quan; - Hoạt động của các đại lý vận tải hàng hóa đường biển; - Hoạt động liên quan khác như: Bao gói hàng hóa nhằm mục đích bảo vệ hàng hóa trên đường vận chuyển, dỡ hàng hóa, lấy mẫu, cân hàng hoá. - Dịch vụ đại lý tàu biển; - Dịch vụ đại lý vận tải đường biển; 	5229
13	Xây dựng nhà các loại	4100
14	Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ	4210
15	<p>Xây dựng công trình công ích</p> <p><i>Chi tiết:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Các đường ống với khoảng cách dài, mạng lưới truyền năng lượng và viễn thông, - Các đường ống với khoảng cách dài, mạng lưới truyền năng lượng và viễn thông ở thành phố; các công trình phụ thuộc của thành phố; 	4220
16	<p>Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác</p> <p><i>Chi tiết:</i></p>	4290

STT	Tên ngành nghề	Mã NN
	- Đường thủy, bến cảng và các công trình trên sông, các cảng du lịch, cửa cống, đập và đê; - Xây dựng đường hầm; - Các công việc xây dựng khác không phải nhà như: Các công trình thể thao ngoài trời.	
17	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác	4511
18	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520
19	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác Chi tiết: - Đại lý phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác - Bán lẻ phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống) - Bán buôn phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác	5430
20	Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy	4542
21	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy	4543
22	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: Kinh doanh bất động sản	6810

2- Mục tiêu hoạt động:

Mục tiêu hoạt động chủ yếu của Công ty là thực hiện việc quản lý - điều hành doanh nghiệp đúng pháp luật và tổ chức thực hiện các hoạt động sản xuất - kinh doanh đạt hiệu quả kinh tế cao nhất cho các cổ đông, tạo công ăn việc làm cho người lao động, góp phần thực hiện tốt chính sách của Đảng, Nhà nước Việt Nam trong lĩnh vực phát triển kinh tế - xã hội.

Điều 6. Phạm vi hoạt động và tổ chức kinh doanh

- 1- Công ty được phép thực hiện tất cả các hoạt động kinh doanh, ngành nghề kinh doanh mà pháp luật hiện hành không có quy định cấm, cũng như có quyền áp dụng mọi biện pháp hỗ trợ hợp pháp cần thiết để đạt được các mục tiêu quy định tại Điều 3(2) - Điều lệ này.
- 2- Công ty được phép lập kế hoạch và tổ chức thực hiện tất cả các hoạt động kinh doanh hợp pháp ở Việt Nam và nước ngoài theo đúng các kế hoạch, phương án tổ chức SXKD do Đại hội đồng cổ đông (từ sau đây viết tắt là ĐHĐCĐ) hoặc HĐQT quyết định theo thẩm quyền.

II. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN

Điều 7. Vốn điều lệ, cổ phần

- 1- Vốn điều lệ của Công ty là 487.827.510.000 đồng (Bằng chữ: Bốn trăm tám mươi bảy tỷ tám trăm hai mươi bảy triệu năm trăm mười nghìn đồng) và được chia thành 48.782.751 cổ phần với mệnh giá là 10.000 VNĐ/cổ phần.

- 2- Trong trường hợp xét thấy cần thiết HĐQT có thể lập phương án trình ĐHĐCĐ xem xét, chấp thuận cho tăng vốn điều lệ phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành ở thời điểm dự kiến tăng vốn.
- 3- Các cổ phần hiện hữu của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này là các cổ phần phổ thông. Các quyền, nghĩa vụ kèm theo từng loại cổ phần sẽ được quy định cụ thể tại Điều 13, Điều 14 và các điều khoản khác của Điều lệ này.
- 4- Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác theo quy định của pháp luật hiện hành sau khi có sự chấp thuận của ĐHĐCĐ.
- 5- Trừ trường hợp ĐHĐCĐ có quyết định khác, các cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ hiện có trong Công ty.

Việc xử lý số cổ phần phổ thông chào bán nhưng không được các cổ đông phổ thông đăng ký mua hết sẽ do HĐQT quyết định. HĐQT có thể phân phối số cổ phần đó cho các đối tượng khác theo điều kiện và cách thức mà HĐQT xét thấy phù hợp, nhưng không được bán số cổ phần đó theo các điều kiện thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho cổ đông hiện hữu, trừ trường hợp được bán qua Sở Giao dịch chứng khoán theo phương thức đấu giá.

- 6- Công ty có thể mua lại cổ phần do chính mình phát hành theo những cách thức được quy định cụ thể trong Điều lệ này và các quy định của pháp luật liên quan.
- 7- Trong trường hợp xét thấy cần thiết, Hội đồng Quản trị có thể lập phương án trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, chấp thuận cho phát hành thêm các loại cổ phần ưu đãi hoặc trái phiếu công ty theo quy định tại Điều 114(2), Điều 128 - Luật Doanh nghiệp.
- 8- Cổ phần phổ thông không thể chuyển thành cổ phần ưu đãi, nhưng cổ phần ưu đãi có thể chuyển đổi thành cổ phần phổ thông nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận bằng nghị quyết.

Điều 8. Chứng nhận cổ phiếu

- 1- Cổ đông được cấp chứng nhận cổ phiếu do Công ty phát hành, bút toán ghi sổ hoặc dữ liệu điện tử xác nhận quyền sở hữu của từng cổ đông tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần mà cổ đông sở hữu.
- 2- Chứng nhận cổ phiếu phải có đầy đủ nội dung phù hợp với quy định tại Điều 121 - Luật Doanh nghiệp.
- 3- Trong thời hạn bốn mươi lăm (45) ngày kể từ ngày nộp đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn hai (02) tháng hoặc thời hạn khác quy định trong điều khoản phát hành, kể từ ngày đã thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty, người sở hữu số cổ phần sẽ được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu.
- 4- Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác thì cổ đông được Công ty cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông đó. Đề nghị của cổ đông phải bao gồm các nội dung sau đây:

- a) Thông tin về cổ phiếu đã bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác;
- b) Cam kết chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.

Điều 9. Chứng chỉ trái phiếu, chứng khoán khác

Chứng chỉ trái phiếu hoặc các chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty (*trừ các thư chào bán, các chứng chỉ tạm thời và các tài liệu tương tự*) phải được phát hành có dấu và chữ ký của người đại diện theo pháp luật của Công ty.

Điều 10. Chào bán, chuyển nhượng và mua lại cổ phần, trái phiếu

- 1- Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác. Cổ phiếu niêm yết trên Sở Giao dịch chứng khoán được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.
- 2- Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán.
- 3- Thủ tục, trình tự và nguyên tắc chào bán, bán, chuyển nhượng cổ phần hoặc trái phiếu, mua lại cổ phần hoặc trái phiếu của Công ty phải được thực hiện theo đúng các quy định chi tiết nói tại các Điều 123, 124, 125, 126, 127, 128, 129, 130, 131, 132, 133, 134 - Luật Doanh nghiệp hiện hành và Điều lệ này.

Điều 11. Thu hồi cổ phần, cổ tức

- 1- Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả để mua cổ phiếu, HĐQT phải thông báo và có nghĩa vụ yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại cùng với lãi suất trên khoản tiền đó và những chi phí phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ, kịp thời gây ra cho Công ty.
 - a) Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới, tối thiểu là bảy (07) ngày kể từ ngày gửi thông báo, địa điểm thanh toán và trong thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.
 - b) HĐQT có quyền thu hồi những cổ phần chưa thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện.
 - c) Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán. HĐQT có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối hoặc chuyển nhượng cho người đã sở hữu cổ phần bị thu hồi hoặc các đối tượng khác theo những điều kiện và cách thức mà HĐQT cho là phù hợp.
 - d) Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi đương nhiên bị mất tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải thanh toán tất cả các khoản tiền có liên quan cộng với tiền lãi theo tỷ lệ không quá 150% lãi suất cơ bản/năm do Ngân hàng Nhà nước công bố ở thời điểm thu hồi theo quyết định của HĐQT và tính từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. HĐQT có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi.

- e) Thông báo thu hồi phải được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cẩn trong việc gửi thông báo đó.
- 2- Thủ tục thu hồi cổ tức được thực hiện tương tự như các nguyên tắc quy định tại Khoản 1- Điều này.
- 3- Trường hợp việc thanh toán cổ phần mua lại trái với quy định tại Điều 134(I) - Luật Doanh nghiệp hoặc trả cổ tức trái với quy định nói tại Điều 45 - Điều lệ này, thì các cổ đông có nghĩa vụ phải hoàn trả cho Công ty số tiền hay tài sản khác đã nhận. Nếu cổ đông không hoàn trả được, thì tất cả các Thành viên HĐQT phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị số tiền, tài sản đã trả cho cổ đông mà chưa được hoàn lại.

CHƯƠNG II: CÁC QUY ĐỊNH CHI TIẾT

Điều 12. Cơ cấu tổ chức quản trị và kiểm soát

Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Công ty bao gồm:

- 1- Đại hội đồng cổ đông/ĐHĐCĐ;
- 2- Hội đồng Quản trị/HĐQT;
- 3- Ban Kiểm soát/BKS;
- 4- Tổng giám đốc Công ty.

A. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG/ĐHĐCĐ

Điều 13. Quyền hạn của cổ đông

- 1- Cổ đông là người đồng sở hữu Công ty. Mỗi cổ đông đều có các quyền và nghĩa vụ tương ứng với số lượng và loại cổ phần mà mình đang sở hữu. Từng cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về các khoản nợ và những nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp.
- 2- Cổ đông phổ thông có các quyền hạn cơ bản như sau:
 - a) Được tham dự và phát biểu trong các ĐHCĐ và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa;
 - b) Được nhận, thanh toán cổ tức với mức, hình thức, thời hạn, điều kiện do ĐHCĐ quyết định;
 - c) Được tự do chuyển nhượng cổ phần đã được thanh toán đầy đủ theo quy định của Điều lệ này và pháp luật hiện hành;
 - d) Được ưu tiên mua cổ phiếu mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông đang sở hữu;
 - e) Được xem xét, tra cứu và nhận trích lục các thông tin liên quan đến cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền biểu quyết và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác;
 - f) Tiếp cận thông tin về danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông;
 - g) Được xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ Công ty, biên bản họp và các nghị quyết của ĐHCĐ;
 - h) Được nhận phần tài sản còn lại tương ứng với số cổ phần góp vốn vào Công ty nếu Công ty bị giải thể hoặc phá sản sau khi Công ty đã thanh toán xong cho chủ nợ và các cổ đông nắm giữ loại cổ phần khác theo quy định của pháp luật;
 - i) Được yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của mình theo quy định tại Điều 132 Luật Doanh nghiệp;
 - j) Được đối xử bình đẳng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau;

- k) Được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do Công ty công bố theo quy định của pháp luật;
 - l) Được bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của mình; đề nghị đình chỉ, hủy bỏ nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp;
 - m) Được yêu cầu triệu tập họp ĐHĐCĐ trong trường hợp quy định tại Khoản 3(b) - Điều này;
 - n) Được yêu cầu Ban Kiểm soát Công ty (*từ sau đây viết tắt là BKS*) tiến hành kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến công tác quản trị, quản lý - điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu này phải được làm bằng văn bản và có đầy đủ các thông tin cần thiết về cổ đông hay nhóm cổ đông liên quan theo quy định tương tự như nói tại Điều 13(3.e) dưới đây;
 - o) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
- 3- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau:
- a) Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại khoản 3 Điều 115 và Điều 140 Luật Doanh nghiệp;
 - b) Xem xét, tra cứu, trích lục số biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính bán niên và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty;
 - c) Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;
 - d) Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công ty chậm nhất là (ba) 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc, [trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định thời hạn khác]. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp;
 - e) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
- 4- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên hoặc có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát. Trường hợp [Điều lệ công ty không có quy định khác] thì việc đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát thực hiện như sau:

- a) Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thông báo về việc hợp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;
- b) Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các cổ đông khác đề cử,

Điều 14. Trách nhiệm và nghĩa vụ của cổ đông

Cổ đông có các trách nhiệm và nghĩa vụ chủ yếu như sau:

- 1- Thanh toán đủ và đúng thời hạn số cổ phần cam kết mua. Cổ đông không được phép rút vốn ra khỏi Công ty dưới bất kỳ hình thức nào, trừ trường hợp được người khác mua hoặc được Công ty mua lại cổ phần theo quy định nói tại Điều 132 - Luật Doanh nghiệp.
Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định nêu trên, thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ, nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút trái phép, đồng thời phải bồi thường các thiệt hại phát sinh.
- 2- Tuân thủ và chấp hành Điều lệ Công ty và các quy chế, nghị quyết, quyết định khác do ĐHCĐ, HĐQT ban hành theo thẩm quyền.
- 3- Bảo mật các thông tin được Công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ công ty và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được Công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.
- 4- Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau:
 - a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
 - b) Ủy quyền cho người khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;
 - c) Tham dự và biểu quyết thông qua họp trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
 - d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.
 - e) Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.
- 5- Tự chịu trách nhiệm cá nhân nếu sử dụng danh nghĩa của Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:
 - a) Các hành vi trái pháp luật hoặc bị cấm;
 - b) Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của riêng mình hay tổ chức, cá nhân khác;

- c) Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn và có thể gây tác hại về tài chính, uy tín kinh doanh của Công ty.
- 6- Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.
- 7- Trách nhiệm và quyền hạn, nghĩa vụ riêng của cổ đông nắm giữ cổ phiếu ưu đãi các loại hoặc cổ đông sáng lập được xác lập trên cơ sở Điều 116, Điều 117, Điều 118 và Điều 119 - Luật Doanh nghiệp hiện hành.

Điều 15. Đại hội đồng cổ đông/ĐHĐCĐ

- 1- ĐHĐCĐ gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết và là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty.
- 2- ĐHĐCĐ có các quyền và nghĩa vụ cơ bản sau đây:
 - a) Thông qua các định hướng phát triển, kế hoạch phát triển ngắn hạn và dài hạn của Công ty;
 - b) Quyết định loại và tổng số cổ phần của từng loại được chào bán; quyết định mức cổ tức hàng năm của từng loại cổ phần;
 - c) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT và BKS;
 - d) Quyết định đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản được ghi nhận trong Báo cáo tài chính gần nhất;
 - e) Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty;
 - f) Thông qua Báo cáo tài chính hàng năm;
 - g) Quyết định mua lại trên mười phần trăm (10%) tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
 - h) Xem xét và quyết định xử lý các vi phạm của HĐQT, BKS nếu xét thấy đã gây thiệt hại cho Công ty hoặc cổ đông;
 - i) Quyết định giải thể, tổ chức lại hoặc chấm dứt hoạt động của Công ty;
 - j) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
 - k) Phê duyệt Quy chế quản trị nội bộ; Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
 - l) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;
 - m) Các quyền và nghĩa vụ hợp pháp khác do pháp luật quy định.
- 3- HĐQT có trách nhiệm triệu tập và tổ chức họp ĐHĐCĐ thường niên mỗi năm một (01) lần tại địa điểm mà mình nhận thấy là phù hợp trên lãnh thổ Việt Nam. ĐHĐCĐ có thể được họp bất thường. Trường hợp ĐHĐCĐ được tổ chức họp ở nhiều nơi một lúc, thì địa điểm họp ĐHĐCĐ được xác định là nơi Chủ tọa tham dự họp.

Điều 16. Các quyền và nghĩa vụ cụ thể của ĐHĐCĐ thường niên

ĐHĐCĐ thường niên có quyền thảo luận và thông qua các vấn đề sau:

- a) Kế hoạch kinh doanh hàng năm do HĐQT hoặc Tổng giám đốc Công ty trình theo ủy quyền của HĐQT;
- b) Thông qua Báo cáo tài chính năm;
- c) Báo cáo của HĐQT về tình hình quản trị và kết quả hoạt động của HĐQT, cũng như của từng Thành viên HĐQT;
- d) Báo cáo của BKS về kết quả kinh doanh của Công ty, hiệu quả hoạt động của HĐQT và Tổng giám đốc Công ty;
- e) Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của BKS và từng Kiểm soát viên;
- f) Định mức, hình thức, thời hạn và điều kiện chi trả cổ tức hàng năm cho từng loại cổ phần.
- g) Số lượng thành viên của HĐQT, BKS;
- h) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết ;
- i) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên HĐQT và Kiểm soát viên;
- j) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác đối với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- k) Bổ sung và sửa đổi Điều lệ công ty;
- l) Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;
- m) Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;
- n) Quyết định giao dịch đầu tư/bán số tài sản có giá trị từ ba mươi lăm phần trăm (35%) trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính kỳ gần nhất đã được kiểm toán;
- o) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
- p) Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất.
HĐQT chịu trách nhiệm trình ĐHĐCĐ xem xét thông qua hoặc trình xin ý kiến chấp thuận của cổ đông bằng văn bản về việc này.
- q) Chấp thuận các giao dịch quy định tại khoản 4 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- r) Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động Ban kiểm soát;
- s) Các vấn đề khác theo quy định của Điều lệ này.

Điều 17. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông

1- Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp hoặc ủy quyền cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp.

2- Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền.

Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).

3- Phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây trừ trường hợp:

- a) Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;
- b) Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;
- c) Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

Điều 18. Thay đổi các quyền

1- Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi chỉ có hiệu lực khi được cổ đông, nhóm cổ đông nắm giữ ít nhất sáu mươi lăm phần trăm (65%) cổ phần phổ thông tham dự họp hoặc cổ đông, nhóm cổ đông nắm giữ ít nhất sáu mươi lăm phần trăm (65%) quyền biểu quyết của loại cổ phần ưu đãi nói trên biểu quyết thông qua.

2- Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu hai (02) cổ đông (hoặc đại diện được ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu một phần ba (1/3) giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên, thì cuộc họp đó phải được tổ chức lại trong vòng ba mươi (30) ngày sau đó và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu.

3- Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.

- 4- Thủ tục, trình tự tiến hành những cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 19, Điều 21 và Điều 22 - Điều lệ này.
- 5- Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, những quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả mọi vấn đề liên quan đến việc phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm cổ phần cùng loại.

Điều 19. Thủ tục triệu tập, chương trình họp và thông báo họp ĐHĐCĐ

- 1- ĐHĐCĐ thường niên phải được HĐQT triệu tập họp trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác, Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.
- 2- HĐQT phải triệu tập ĐHĐCĐ bất thường trong các trường hợp sau:
 - a) HĐQT xét thấy cần thiết phải triệu tập họp cổ đông vì lợi ích của Công ty;
 - b) Bảng cân đối kế toán năm, các báo cáo sáu (06) tháng hoặc quý hoặc báo cáo kiểm toán của năm tài chính phản ánh vốn chủ sở hữu đã bị mất một nửa (1/2) so với số đầu kỳ;
 - c) Khi số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật hoặc số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số thành viên quy định tại Điều lệ này;
 - d) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nói tại Điều 13(3) - Điều lệ này đưa ra yêu cầu triệu tập ĐHĐCĐ bất thường bằng văn bản. Văn bản yêu cầu triệu tập ĐHĐCĐ này phải nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp; có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản, trong đó mỗi bản có chữ ký của tối thiểu một cổ đông có liên quan;
 - e) BKS có quyền yêu cầu triệu tập ĐHĐCĐ bất thường, nếu có lý do tin tưởng rằng các Thành viên HĐQT hoặc cán bộ quản lý cấp cao vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo Điều 165 Luật Doanh nghiệp hoặc HĐQT có hành động hay có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình;
 - f) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.
 - g) Trường hợp HĐQT không triệu tập họp ĐHĐCĐ theo quy định của Điều lệ này, thì Chủ tịch HĐQT và các Thành viên HĐQT phải chịu trách nhiệm trước pháp luật, đồng thời phải liên đới bồi thường thiệt hại phát sinh cho Công ty.
- 3- Trình tự, thủ tục triệu tập họp ĐHĐCĐ bất thường bao gồm:
 - a) HĐQT phải gửi văn bản triệu tập họp ĐHĐCĐ bất thường trong thời hạn ba mươi (30) ngày, kể từ ngày số lượng Thành viên HĐQT chỉ còn lại như quy định tại Điều 19(2.c) hoặc nhận được yêu cầu theo quy định tại Điều 19(2.d, 2.e) - Điều lệ này;
 - b) Trường hợp HĐQT không triệu tập họp ĐHĐCĐ bất thường theo đúng quy định nói tại Điều 18(3.a) trên, thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, BKS phải thay thế HĐQT triệu tập họp ĐHĐCĐ theo quy định tại Điều 140 - Luật Doanh nghiệp hiện hành;

Nếu BKS không triệu tập họp ĐHĐCĐ theo đúng trách nhiệm, quyền hạn nói trên, thì BKS sẽ phải tự chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường mọi thiệt hại phát sinh cho Công ty theo Điều 140(3) - Luật Doanh nghiệp.

- c) Trường hợp BKS cũng không triệu tập họp ĐHĐCĐ bất thường theo quy định tại Điều 19(3.b) trên đây, thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo cổ đông hoặc nhóm cổ đông nói tại Điều 14(3) - Điều lệ này có quyền thay thế HĐQT và BKS để triệu tập họp ĐHĐCĐ bất thường theo quy định tại Điều 140 - Luật Doanh nghiệp hiện hành.

Trong trường hợp như vậy, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp ĐHĐCĐ có quyền đề nghị Cơ quan đăng ký kinh doanh cử đại diện giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra nghị quyết của ĐHĐCĐ bất thường. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp ĐHĐCĐ bất thường này phải được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí cá nhân của cổ đông khi tham dự ĐHĐCĐ bất thường đó, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

- 4- Người triệu tập ĐHĐCĐ có những nghĩa vụ cụ thể như sau:

- a) Thực hiện đầy đủ các công việc chuẩn bị để họp ĐHĐCĐ như quy định chi tiết tại Điều 140(5), Điều 141 - Luật Doanh nghiệp. Trong đó, phải căn cứ vào Sổ theo dõi cổ đông của Công ty để xác lập danh sách cổ đông có quyền dự họp tại thời điểm không quá mười (10) ngày trước ngày chính thức gửi văn bản triệu tập họp cổ đông.

- *Danh sách cổ đông có quyền dự họp ĐHĐCĐ phải ghi đầy đủ họ tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân/Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác nếu là cổ đông cá nhân; tên giao dịch, tên nước đặt trụ sở chính, địa chỉ giao dịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh nếu là cổ đông tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty.*

- *Cổ đông có quyền kiểm tra, tra cứu, trích lục, sao lục Danh sách cổ đông có quyền dự họp ĐHĐCĐ và yêu cầu sửa đổi, bổ sung các thông tin cá nhân trong danh sách này. Người quản lý sổ đăng ký cổ đông của Công ty có trách nhiệm cung cấp hoặc sửa đổi, bổ sung các thông tin cần thiết theo yêu cầu bằng văn bản của cổ đông, đồng thời chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại phát sinh nếu không thực hiện đúng trách nhiệm của mình hoặc cung cấp không đầy đủ, không chính xác thông tin sổ đăng ký cổ đông theo yêu cầu hợp pháp của cổ đông.*

- b) Chuẩn bị chương trình và nội dung cuộc họp;

- c) Tiếp nhận và xử lý văn bản kiến nghị bổ sung nội dung cuộc họp của cổ đông hoặc nhóm cổ đông nói tại Điều 13(3) - Điều lệ này theo đúng quy định nói tại Điều 142 - Luật Doanh nghiệp. Người triệu tập họp ĐHĐCĐ bất thường có quyền từ chối đưa vào nội dung cuộc họp những kiến nghị liên quan trong các trường hợp sau:

- *Kiến nghị được gửi đến sau thời hạn chậm nhất là ba (03) ngày trước khi ĐHĐCĐ bất thường đó được nhóm họp hoặc không đủ, không đúng nội dung theo quy định của pháp luật;*

- Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông đó không còn nắm giữ **đủ ít nhất năm phần trăm (5%) cổ phần phổ thông trở lên** như quy định tại Điều 13(3)- Điều lệ này;

- Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền xử lý của ĐHĐCĐ.

- Các trường hợp khác do pháp luật quy định.

d) Gửi thông báo mời họp đến tất cả cổ đông có tên trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất là **hai mươi một (21) ngày** trước ngày khai mạc bằng những phương thức hợp lệ, đảm bảo thông báo này sẽ đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông. Đồng thời, cũng phải được đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty, Sở Giao dịch chứng khoán.

- Trong thông báo phải được gửi kèm các tài liệu: chương trình họp; các tài liệu sử dụng trong cuộc họp; và dự thảo nghị quyết của từng vấn đề trong chương trình họp hoặc chỉ dẫn cách thức truy cập các tài liệu này trên trang điện tử của Công ty; phiếu biểu quyết; mẫu giấy chỉ định đại diện ủy quyền.

- Thông báo mời họp phải có đủ tên, địa chỉ của cổ đông, thời gian, địa điểm họp và những yêu cầu khác (nếu có).

5- Cổ đông được coi là đã tham dự và thực hiện quyền biểu quyết tại ĐHĐCĐ, nếu:

a) Trực tiếp tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;

b) Ủy quyền bằng văn bản cho một người khác hoặc HĐQT đại diện tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;

c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;

d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp bằng thư, fax, thư điện tử.

6- Các nghị quyết của ĐHĐCĐ có hiệu lực thi hành bắt buộc kể từ ngày được thông qua hoặc từ thời điểm hiệu lực ghi rõ trong nghị quyết.

Trường hợp tất cả cổ đông đại diện một trăm phần trăm (100%) số cổ phần có quyền biểu quyết trực tiếp tham dự hoặc tham dự thông qua đại diện được ủy quyền tại ĐHĐCĐ, những quyết định đã được nhất trí thông qua đều được coi là hợp pháp ngay cả khi việc triệu tập ĐHĐCĐ đó không theo đúng trình tự và khi thủ tục hay nội dung biểu quyết không có trong chương trình nghị sự dự kiến.

Điều 20. Các điều kiện tiến hành họp ĐHĐCĐ

1- ĐHĐCĐ được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên năm mươi phần trăm (50%) tổng số phiếu biểu quyết .

2- Trường hợp cuộc họp ĐHĐCĐ lần thứ nhất không có đủ số lượng đại biểu cần thiết theo quy định trên, thì trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc cuộc họp, người triệu tập họp huỷ cuộc họp. Cuộc họp lần thứ hai phải được triệu tập lại trong vòng ba mươi (30) ngày, kể từ ngày dự định tổ chức ĐHĐCĐ lần thứ nhất.

ĐHĐCĐ triệu tập lại chỉ được tiến hành khi có thành viên tham dự là các cổ đông và những đại diện được uỷ quyền dự họp đại diện cho ít nhất ba mươi ba phần trăm (33%) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

- 3- Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành do không có đủ số đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc, thì cuộc họp lần thứ ba có thể được triệu tập trong vòng hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự định tiến hành cuộc họp lần hai, không phụ thuộc vào số lượng cổ đông hay đại diện uỷ quyền tham dự mà vẫn được coi là hợp lệ.

Cuộc họp ĐHĐCĐ lần thứ ba có quyền quyết định tất cả các vấn đề dự kiến được đưa ra bàn bạc, lấy ý kiến biểu quyết thông qua tại cuộc họp ĐHĐCĐ lần thứ nhất.

Điều 21. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại ĐHĐCĐ

- 1- Ngay trước khi khai mạc ĐHĐCĐ, người triệu tập cuộc họp phải thực hiện thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký đó cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.
- 2- Khi tiến hành đăng ký cổ đông, người triệu tập cuộc họp cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được uỷ quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. ĐHĐCĐ bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số lượng thành viên của Ban Kiểm phiếu do ĐHĐCĐ quyết định theo đề nghị của Chủ tọa cuộc họp.
- 3- Cổ đông đến dự ĐHĐCĐ muộn có quyền đăng ký và ngay sau đó vẫn có quyền tham gia thảo luận, biểu quyết tại cuộc họp. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng cuộc họp để cho cổ đông đến muộn đăng ký, tuy nhiên hiệu lực của các đợt biểu quyết đã tiến hành trước khi cổ đông đến muộn tham dự sẽ không vì thế mà bị ảnh hưởng.
- 4- Chủ tịch HĐQT đương nhiên làm Chủ tọa các cuộc họp ĐHĐCĐ do HĐQT triệu tập.
 - a) Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc, thì các thành viên còn lại bầu một người trong số họ làm Chủ tọa cuộc họp.
 - b) Trường hợp không bầu được người làm Chủ tọa, thì Trưởng BKS điều khiển để ĐHĐCĐ bầu Chủ tọa trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm Chủ tọa cuộc họp.
 - c) Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp ĐHĐCĐ điều hành việc bầu Chủ tọa cuộc họp và người có phiếu bầu cao nhất sẽ được làm Chủ tọa cuộc họp.
- 5- Chủ tọa là người có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều khiển cuộc họp một cách trật tự, đúng chương trình đã được ĐHĐCĐ thông qua một cách chi tiết ngay trong phiên khai mạc và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp. Cũng như có quyền quyết định khác về trình tự, thủ tục và các sự kiện phát sinh ngoài chương trình của ĐHĐCĐ hoặc quyết định hoãn cuộc họp với sự nhất trí hoặc yêu cầu của ĐHĐCĐ cho dù đã có đủ số lượng đại biểu dự họp cần thiết.
- 6- ĐHĐCĐ tiến hành thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng cách thu thẻ biểu quyết. Khi tiến hành biểu quyết

bằng cách thu thẻ tán thành nghị quyết trước; sau đó thu số thẻ biểu quyết không tán thành nghị quyết; cuối cùng là kiểm đếm tổng số phiếu tán thành, không tán thành hoặc phiếu trắng không có ý kiến. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành, phiếu trắng hoặc không hợp lệ của từng vấn đề được Chủ tọa thông báo ngay trước khi bế mạc hoặc ngay sau khi tiến hành biểu quyết vấn đề đó, nếu điều kiện cho phép làm như vậy.

- 7- Người triệu tập họp ĐHĐCĐ có một số quyền hạn như sau:
 - a) Yêu cầu các cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền tham dự ĐHĐCĐ chịu sự kiểm tra hoặc chấp nhận các biện pháp an ninh mà mình cho là thích hợp;
 - b) Sau khi đã xem xét cẩn trọng có thể yêu cầu cơ quan có thẩm quyền giúp duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của Chủ tọa, có ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến trình bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi khu vực tổ chức họp ĐHĐCĐ;
- 8- Sau khi đã xem xét một cách cẩn trọng, Chủ tọa có thể hoãn cuộc họp ĐHĐCĐ cho dù đã đủ số người đăng ký dự họp đến một thời điểm khác trong thời hạn tối đa là không quá ba (03) ngày hoặc chuyển đến một địa điểm khác trong các trường hợp:
 - *Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho các cổ đông tham gia dự họp.*
 - *Các thiết bị, phương tiện thông tin tại địa điểm họp không đảm bảo cho cổ đông dự họp tham gia thảo luận, biểu quyết.*
 - *Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.*
- 9- Nếu Chủ tọa tạm dừng hoặc hoãn họp ĐHĐCĐ trái với quy định nói tại Khoản 8 - Điều này, thì ĐHĐCĐ bầu một người tham dự cuộc họp để thay thế Chủ tọa điều hành cuộc họp đến khi kết thúc. Tất cả các nghị quyết được thông qua tại một cuộc họp như vậy cũng đều có hiệu lực thi hành.
- 10- Trong trường hợp tại ĐHĐCĐ có áp dụng các biện pháp nói tại Khoản 8 - Điều này, thì khi xác định địa điểm tổ chức đại hội thay thế Chủ tọa có thể:
 - *Thông báo đại hội được tiến hành tại địa điểm ghi trong thông báo và Chủ tọa có mặt tại đó. Địa điểm đó được coi là địa điểm tổ chức chính của ĐHĐCĐ liên quan.*
 - *Bố trí áp dụng các biện pháp cần thiết để những cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền không dự họp được theo quy định này hoặc những người muốn tham gia ở địa điểm khác với địa điểm chính của đại hội có thể đồng thời tham dự ĐHĐCĐ.*
 - *Thông báo về việc tổ chức đại hội không cần nêu chi tiết những biện pháp tổ chức nói tại Điều 21(10) này.*
- 11- Trong Điều lệ này (trừ khi hoàn cảnh yêu cầu khác), mọi cổ đông được coi là đã tham gia đại hội nếu đã có mặt ở địa điểm triệu tập họp chính của ĐHĐCĐ.
- 12- Các Kiểm toán viên độc lập có thể được mời tham dự ĐHĐCĐ để tư vấn cho ĐHĐCĐ việc thông qua Báo cáo tài chính năm.
- 13- Chủ tọa có quyền cử một hoặc một số người làm Thư ký cuộc họp ĐHĐCĐ.

- 14- Chỉ có ĐHĐCĐ mới có quyền thay đổi chương trình họp đã được thông qua.
- 15- Trường hợp Công ty áp dụng công nghệ hiện đại để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thông qua họp trực tuyến, Công ty có trách nhiệm đảm bảo để cổ đông tham dự, biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 144 Luật Doanh nghiệp và khoản 3 Điều 273 Nghị định số 155/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

Điều 22. Điều kiện để thông qua nghị quyết, quyết định của ĐHĐCĐ

- 1- Các nghị quyết, quyết định của ĐHĐCĐ phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp ĐHĐCĐ hoặc bằng văn bản.
- 2- Tất cả các nghị quyết, quyết định và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận công khai và sẽ được coi là đã được biểu quyết thông qua tại ĐHĐCĐ theo nguyên tắc đa số phiếu hiện hữu với điều kiện:
 - a) Khi có từ sáu mươi lăm phần trăm (65%) trở lên tổng số phiếu bầu các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thông qua liên quan đến việc sửa đổi và bổ sung Điều lệ, loại cổ phiếu và số lượng cổ phiếu được chào bán, thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh, thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty, việc tổ chức lại hay giải thể doanh nghiệp, giao dịch mua, bán tài sản Công ty hoặc các chi nhánh thực hiện có giá trị từ ba mươi lăm phần trăm (35%) trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty tính theo Báo cáo tài chính kỳ gần nhất được kiểm toán.
 - b) Nếu đã được nhóm cổ đông đại diện ít nhất năm mươi một phần trăm (51%) tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành về các vấn đề còn lại khác, trừ trường hợp biểu quyết bầu, bãi miễn Thành viên HĐQT, Kiểm soát viên. Riêng hoạt động này sẽ thực hiện theo đúng nguyên tắc bầu dồn phiếu như quy định nói tại Điều 148 - Luật Doanh nghiệp.
- 3- Trường hợp lấy ý kiến biểu quyết dưới hình thức bằng văn bản, thì nghị quyết hoặc quyết định của ĐHĐCĐ sẽ được coi là đã được biểu quyết thông qua nếu được số cổ đông sở hữu trên năm mươi phần trăm (50%) tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành .
- 4- Nghị quyết của ĐHĐCĐ phải được sao gửi cho cổ đông có quyền dự họp trong thời hạn mười lăm (15) ngày hoặc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn hai mươi tư (24) giờ, kể từ ngày chính thức được biểu quyết thông qua.

Điều 23. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của ĐHĐCĐ

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của ĐHĐCĐ được thực hiện theo quy định sau đây:

- 1- HĐQT có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của ĐHĐCĐ bất cứ lúc nào và về bất cứ nội dung nào thuộc thẩm quyền quyết định của ĐHĐCĐ (kể cả các nội dung đã hoặc sẽ được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên hoặc bất thường), nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;

2- HĐQT phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo quyết định của ĐHĐCĐ và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết. Phiếu lấy ý kiến kèm theo dự thảo nghị quyết và tài liệu giải trình phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ đăng ký của từng cổ đông. HĐQT phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi ít nhất mười (10) ngày trước ngày dự kiến hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến.

Việc lập danh sách cổ đông gửi phiếu lấy ý kiến, cũng như yêu cầu và cách thức gửi phiếu được thực hiện tương tự như quy định nói tại Điều 19(5.a, 5.d) - Điều lệ này.

3- Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, nơi đăng ký kinh doanh của Công ty;
- b) Mục đích lấy ý kiến;
- c) Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ giao dịch, tên quốc gia nơi đặt trụ sở, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh của cổ đông hoặc đại diện theo uỷ quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;
- d) Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
- e) Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;
- f) Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;
- g) **Họ tên, chữ ký của Chủ tịch HĐQT Công ty.**

4- Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo uỷ quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức.

- a) Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín, bằng fax hoặc thư điện tử và không ai có quyền tiết lộ nội dung trước khi chính thức kiểm phiếu. Các phiếu lấy ý kiến Công ty nhận được sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở, bị lộ đều không hợp lệ.
- b) Phiếu lấy ý kiến không được gửi về Công ty bị coi là không tham gia biểu quyết.

5- HĐQT kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của BKS hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, nơi đăng ký kinh doanh;
- b) Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
- c) Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;

- d) Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
 - e) Các quyết định đã được thông qua;
 - f) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch HĐQT, người kiểm phiếu và của người giám sát kiểm phiếu.
Các Thành viên HĐQT, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.
- 6- Biên bản kiểm phiếu phải được gửi đến các cổ đông trong vòng mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu hoặc công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn hai mươi tư (24) giờ kể từ thời điểm đó.
 - 7- Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.
 - 8- Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản bản nếu được số cổ đông sở hữu trên năm mươi phần trăm (50%) tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp ĐHĐCĐ.

Điều 24. Nghị quyết, Biên bản họp ĐHĐCĐ

- 1- Mọi phiên họp ĐHĐCĐ đều phải có biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi, lưu trữ điện tử. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng Anh và có các nội dung chủ yếu sau:
 - a) Tên, địa chỉ, mã số doanh nghiệp;
 - b) Thời gian, địa điểm họp ĐHĐCĐ;
 - c) Chương trình và nội dung cuộc họp;
 - d) Họ tên Chủ tọa và Thư ký;
 - e) Tóm tắt diễn biến và các ý kiến phát biểu tại ĐHĐCĐ về từng nội dung trong chương trình họp;
 - f) Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp; phụ lục danh sách đăng ký cổ đông; đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
 - g) Tổng số phiếu biểu quyết của từng vấn đề; tổng số phiếu tán thành, không tán thành, hợp lệ, không hợp lệ và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
 - h) Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết tương ứng;
 - i) Chữ ký của Chủ tọa và Thư ký. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.

Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng Anh thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.

- 2- Biên bản ĐHĐCĐ phải được làm xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp.
- 3- Chủ tọa chịu trách nhiệm tổ chức lưu trữ các biên bản ĐHĐCĐ. Biên bản ĐHĐCĐ phải được công bố trên website của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ và gửi cho các cơ quan có liên quan theo quy định về công bố thông tin đối với công ty đại chúng. Biên bản ĐHĐCĐ được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại ĐHĐCĐ trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng mười (10) ngày kể từ khi gửi biên bản.
- 4- Chủ tọa và Thư ký cuộc họp chịu trách nhiệm liên đới về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

Biên bản họp ĐHĐCĐ, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu kèm theo thông báo triệu tập họp phải được lưu giữ đầy đủ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 25. Hiệu lực của nghị quyết, quyết định của ĐHĐCĐ và yêu cầu hủy bỏ

- 1- Các nghị quyết, quyết định của ĐHĐCĐ có hiệu lực áp dụng kể từ ngày được thông qua hoặc từ thời điểm hiệu lực được ghi rõ trong nội dung nghị quyết, quyết định đó.
- 2- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nói tại Điều 13(3) - Điều lệ này trong thời hạn nhiều nhất là chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp hoặc biên bản lấy ý kiến cổ đông có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài ra quyết định hủy bỏ một phần hoặc toàn bộ nội dung nghị quyết, quyết định liên quan của ĐHĐCĐ trong các trường hợp sau:
 - a) Trình tự, thủ tục triệu tập họp hay thông qua nghị quyết, quyết định của ĐHĐCĐ vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp hoặc của Điều lệ này, trừ trường hợp nghị quyết, quyết định đó đã được ĐHĐCĐ thông qua bởi một trăm phần trăm (100%) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.
 - b) Nội dung nghị quyết, quyết định vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này.

Trong các trường hợp kể trên, nghị quyết hoặc quyết định của ĐHĐCĐ vẫn có hiệu lực thi hành cho đến khi Tòa án hoặc Trọng tài liên quan có quyết định khác, trừ trường hợp áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

Trường hợp nghị quyết, quyết định của ĐHĐCĐ bị hủy bỏ theo quyết định đã có hiệu lực pháp lý của Tòa án hoặc Trọng tài, người triệu tập cuộc họp ĐHĐCĐ bị hủy bỏ đó có thể xem xét để quyết định tổ chức lại ĐHĐCĐ trong vòng ba mươi (30) ngày theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

B. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 26. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị

- 1- Trường hợp đã xác định được trước ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên Hội đồng quản trị được đưa vào tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông và công bố tối thiểu mười

(10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm các nội dung tối thiểu sau đây:

- a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b) Trình độ học vấn;
- c) Trình độ chuyên môn;
- d) Quá trình công tác;
- e) Các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị và các chức danh quản lý khác;
- f) Báo cáo đánh giá về đóng góp của ứng viên cho Công ty, trong trường hợp ứng viên đó hiện đang là thành viên Hội đồng quản trị của Công ty;
- g) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty (nếu có);
- h) Họ, tên của cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng viên đó (nếu có);
- i) Các thông tin khác (nếu có).

- 2- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ mười phần trăm (10%) đến dưới hai mươi phần trăm (20%) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ hai mươi phần trăm (20%) đến dưới ba mươi phần trăm (30%) được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ ba mươi phần trăm (30%) đến dưới bốn mươi phần trăm (40%) được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ bốn mươi phần trăm (40%) đến dưới năm mươi phần trăm (50%) được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ năm mươi phần trăm (50%) đến dưới sáu mươi phần trăm (60%) được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ sáu mươi phần trăm (60%) đến dưới bảy mươi phần trăm (70%) được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ bảy mươi phần trăm (70%) đến tám mươi phần trăm (80%) được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ tám mươi phần trăm (80%) trở lên được đề cử tối đa ứng viên.
- 3- Trường hợp số lượng các ứng viên HĐQT thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, HĐQT đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được Công ty quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về Quản trị công ty và Quy chế hoạt động của HĐQT. Cơ chế đề cử hay cách thức HĐQT đương nhiệm đề cử ứng cử viên HĐQT phải được công bố rõ ràng và phải được ĐHĐCĐ thông qua trước khi tiến hành đề cử.

Điều 27. Thành phần và nhiệm kỳ của Thành viên HĐQT

- 1- Số lượng Thành viên HĐQT là từ năm (05) đến mười một (11) người.
- 2- Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội

đồng quản trị của một công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc;

3- Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị như sau:

a) Đối với thành viên không điều hành: Cơ cấu Hội đồng quản trị của công ty đảm bảo tối thiểu 1/3 tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành. Công ty hạn chế tối đa thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh điều hành của Công ty để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng quản trị.

b) Đối với thành viên độc lập, tổng số thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải đảm bảo quy định sau:

- Có tối thiểu 01 thành viên độc lập trong trường hợp Công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 03 đến 05 thành viên;

- Có tối thiểu 02 thành viên độc lập trong trường hợp Công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 06 đến 08 thành viên;

- Có tối thiểu 03 thành viên độc lập trong trường hợp Công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 09 đến 11 thành viên.

Điều 28. Tiêu chuẩn, điều kiện và nhiệm kỳ của HĐQT

1- Thành viên HĐQT phải có đủ các tiêu chuẩn và điều kiện cơ bản sau:

a) Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ theo quy định của pháp luật Việt Nam và không thuộc những đối tượng không có quyền được thành lập hay quản lý doanh nghiệp tại Việt Nam theo quy định nói tại Điều 17(2) - Luật Doanh nghiệp;

b) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh và không nhất thiết phải là cổ đông của công ty.

c) Thành viên HĐQT của Công ty có thể đồng thời là Thành viên HĐQT của công ty khác;

d) Ngoài các tiêu chuẩn chung nói tại Điều 28(1.a) trên, Thành viên HĐQT độc lập phải đáp ứng đủ các điều kiện, tiêu chuẩn riêng nói tại Điều 155(2) - Luật Doanh nghiệp.

2- Thành viên HĐQT bị miễn nhiệm, bãi miễn tư cách Thành viên HĐQT trong các trường hợp sau:

a) Thành viên đó không còn thỏa mãn đủ các tiêu chuẩn, điều kiện làm Thành viên HĐQT theo quy định nói tại Khoản 1 - Điều này;

b) Thành viên đó gửi văn bản xin từ chức đến trụ sở chính của Công ty;

c) Thành viên đó được cơ quan giám định y tế có thẩm quyền kết luận là bị rối loạn tâm thần;

d) Thành viên đó liên tục không tham dự các cuộc họp của HĐQT trong vòng sáu (06) tháng, trừ trường hợp bất khả kháng;

e) Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

- f) Cung cấp thông tin cá nhân sai khi gửi cho Công ty với tư cách là ứng viên Hội đồng quản trị;
 - g) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
- 3- Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm các Thành viên HĐQT phải được công bố thông tin theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Điều 29. Quyền hạn và nhiệm vụ của HĐQT

- 1- HĐQT là cơ quan thay mặt cổ đông giám sát mọi mặt hoạt động của Công ty và trực tiếp chỉ đạo Tổng giám đốc Công ty tổ chức thực hiện các nghị quyết của ĐHĐCĐ. HĐQT có đầy đủ quyền hạn để thực hiện tất cả các quyền nhân danh Công ty trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ.
- 2- HĐQT có một số quyền hạn và nhiệm vụ cụ thể như sau:
 - a) Xác lập và trình ĐHĐCĐ phê duyệt các kế hoạch hoạt động hàng năm và những mục tiêu, định hướng phát triển chiến lược dài hạn, trung hạn;
 - b) Quyết định kế hoạch đầu tư - phát triển, sản xuất - kinh doanh và dự toán ngân sách hàng năm trên cơ sở các nghị quyết liên quan của ĐHĐCĐ;
 - c) Quyết định cơ cấu tổ chức bộ máy của Công ty theo đề nghị của Tổng giám đốc Công ty; Quyết định Quỹ tiền lương hoặc tỷ lệ trích lập Quỹ tiền lương và quyết định việc sử dụng các Quỹ của Công ty; Quyết định việc thành lập công ty con, lập chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;
 - d) Trực tiếp quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, cho thôi chức, buộc thôi việc, khen thưởng - kỷ luật, ký hợp đồng thuê, trả lương thưởng và thực hiện quyền giám sát hoạt động của Tổng giám đốc Công ty;
 - e) Quyết định việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, cho thôi chức, buộc thôi việc, khen thưởng - kỷ luật và quyết định mức lương, thưởng cho nhóm cán bộ từ cấp Phó Tổng giám đốc trở xuống đến các cán bộ quản lý quan trọng khác theo quy chế phân cấp quản lý cán bộ của Công ty và đề nghị của Tổng giám đốc Công ty;
 - f) Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và người điều hành khác;
 - g) Quyết định quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận thông qua hiệu quả để bảo vệ cổ đông;
 - h) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định;
 - i) Giải quyết các khiếu nại của Công ty đối với cán bộ quản lý cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Công ty để giải quyết những vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý đối với cán bộ quản lý đó;
 - j) Chỉ đạo việc lập phương án phát hành cổ phiếu, trái phiếu các loại và trình xin ý kiến thông qua của ĐHĐCĐ trước khi phát hành;
 - k) Quyết định giá chào bán trái phiếu, cổ phiếu và các chứng khoán chuyển đổi trong trường hợp được ĐHĐCĐ uỷ quyền;

- l) Báo cáo ĐHĐCĐ về việc bổ nhiệm Tổng giám đốc Công ty;
- m) Đề xuất mức cổ tức hàng năm và xác định mức cổ tức tạm ứng; giám sát việc chi trả cổ tức;
- n) Đề xuất việc tổ chức lại hoặc giải thể Công ty;
- o) Trình báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán, báo cáo quản trị công ty lên Đại hội đồng cổ đông;
- p) Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; quyết định ban hành Quy chế về công bố thông tin của công ty.

- q) Trình ĐHĐCĐ xem xét, thông qua việc ký kết hợp đồng, giao dịch giữa Công ty hoặc chi nhánh của Công ty với những đối tượng nói tại Điều 167 - Luật Doanh nghiệp nếu có giá trị bằng hoặc lớn hơn ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản của Công ty và hoặc của các chi nhánh của Công ty được ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất sau khi đã được kiểm toán.

Mọi hành vi vi phạm quy định này đều bị xử lý theo pháp luật và hợp đồng, giao dịch liên quan sẽ bị coi là vô hiệu hóa. Nếu gây thiệt hại cho Công ty, thì người ký kết và Thành viên HĐQT có liên quan phải liên đới chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại phát sinh, buộc hoàn trả khoản thu lợi bất chính từ hợp đồng, giao dịch đó cho Công ty.

- 3- Những vấn đề sau đây phải được Tổng giám đốc trình HĐQT xem xét, ra quyết định phê duyệt trước khi triển khai thực hiện:

- a) Phương án thành lập mới hoặc giải thể chi nhánh, công ty con và văn phòng đại diện theo đề nghị của Tổng giám đốc Công ty;
- b) Việc Công ty hoặc các chi nhánh của Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch giữa Công ty hoặc chi nhánh của Công ty với những đối tượng nói tại Điều 167 - Luật Doanh nghiệp có giá trị nhỏ hơn ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản của Công ty hoặc các chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán;

HĐQT cũng có thể quyết định việc tạm dừng, sửa đổi hoặc hủy bỏ các hợp đồng, giao dịch loại này nếu xét thấy cần thiết.

Mọi hành vi vi phạm quy định này đều bị xử lý theo pháp luật và hợp đồng, giao dịch liên quan sẽ bị vô hiệu hóa. Nếu gây thiệt hại cho Công ty thì người ký kết, cổ đông, Thành viên HĐQT, Tổng giám đốc Công ty, cán bộ quản lý có liên quan phải liên đới chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại phát sinh và buộc hoàn trả khoản lợi bất chính thu được từ hợp đồng, giao dịch đó cho Công ty.

- c) Chỉ định và bãi miễn những người được Công ty ủy nhiệm làm đại diện thương mại hoặc làm luật sư cho Công ty;
- d) Việc vay nợ và việc thực hiện các khoản thế chấp, bảo đảm, bảo lãnh và bồi thường của Công ty;

- e) Các khoản đầu tư không thuộc kế hoạch kinh doanh và ngân sách vượt quá năm phần trăm (5%) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất hoặc các khoản đầu tư vượt quá mười phần trăm (10%) giá trị kế hoạch và ngân sách kinh doanh hàng năm;
 - f) Việc mua hoặc bán cổ phần, phần vốn góp tại các công ty khác được thành lập ở Việt Nam hay nước ngoài;
 - g) Việc định giá các tài sản góp vào Công ty không phải bằng tiền liên quan đến việc phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu của Công ty, bao gồm: vàng; quyền sử dụng đất; quyền sở hữu trí tuệ; công nghệ; bí quyết công nghệ;
 - h) Việc công ty mua hoặc thu hồi không quá mười phần trăm (10%) mỗi loại cổ phần;
 - i) Quyết định mức giá mua hoặc thu hồi cổ phần của Công ty;
 - j) Các vấn đề kinh doanh hoặc giao dịch khác mà HĐQT quyết định cần phải có sự chấp thuận trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình;
- 4- Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 280 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.
- 5- Trừ khi luật pháp và Điều lệ quy định khác, HĐQT có thể uỷ quyền cho nhân viên cấp dưới và các cán bộ quản lý đại diện xử lý công việc thay mặt cho Công ty.

Điều 30. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

- 1- Thành viên HĐQT được nhận thù lao công việc và tiền thưởng cho hoạt động của mình với tư cách là Thành viên HĐQT tùy theo hiệu quả kinh doanh hàng năm. Tổng mức thù lao hàng năm của HĐQT do ĐHĐCĐ thường niên quyết định. Khoản thù lao này được chia cho các Thành viên HĐQT theo thoả thuận trong HĐQT hoặc chia đều trong trường hợp không thoả thuận được.
- 2- Tổng số tiền trả cho từng Thành viên HĐQT bao gồm thù lao, chi phí, hoa hồng, quyền mua cổ phần và các lợi ích khác được hưởng từ Công ty, công ty con, công ty liên kết của Công ty và các công ty khác mà Thành viên HĐQT là đại diện phần vốn góp phải được công bố chi tiết trong Báo cáo thường niên của Công ty.
- 3- Thành viên HĐQT kiêm nhiệm chức vụ điều hành hoặc Thành viên HĐQT làm việc tại các tiểu ban chuyên trách của HĐQT hay thực hiện những công việc khác mà theo HĐQT là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một Thành viên HĐQT có thể được trả thêm tiền thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của HĐQT.
- 4- Thành viên HĐQT có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và những khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải tự chi trả khi thực hiện trách nhiệm Thành viên HĐQT của mình, bao gồm cả chi phí phát sinh trong việc tới tham dự cuộc họp ĐHĐCĐ, HĐQT hoặc các tiểu ban chuyên trách của HĐQT.
- 5- Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho

những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ công ty.

Điều 31. Chủ tịch HĐQT

- 1- HĐQT bầu một Thành viên HĐQT làm Chủ tịch.
- 2- Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm Tổng giám đốc.
- 3- Chủ tịch HĐQT có các quyền và nghĩa vụ như sau:
 - a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của HĐQT;
 - b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập và làm Chủ tọa các cuộc họp của HĐQT, ĐHĐCĐ do HĐQT triệu tập;
 - c) Tổ chức việc lấy ý kiến thông qua và giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của HĐQT;
 - d) Đảm bảo việc HĐQT trình gửi kịp thời báo cáo tài chính năm, báo cáo hoạt động của Công ty, báo cáo kiểm toán và các báo cáo kiểm tra của HĐQT cho ĐHĐCĐ thường niên.
 - e) Có những quyền và trách nhiệm khác quy định tại Điều lệ này và Luật Doanh nghiệp.
- 4- Trường hợp Chủ tịch HĐQT từ chức hoặc bị bãi nhiệm, HĐQT phải bầu người thay thế chậm nhất là trong thời hạn mười (10) ngày kể từ khi nhận được văn bản xin từ chức hoặc có quyết định bãi miễn.
- 5- Trường hợp Chủ tịch HĐQT bị ốm nặng tạm thời không thể thực hiện nhiệm vụ của mình hoặc tạm vắng mặt vì lý do khác, thì ủy quyền bằng văn bản cho một Thành viên HĐQT khác thực hiện những quyền hạn, nghĩa vụ của Chủ tịch HĐQT do Điều lệ này quy định. Trường hợp không có người nào được ủy quyền, thì những thành viên có mặt bầu một người trong số họ tạm thời giữ chức Chủ tịch HĐQT theo nguyên tắc đa số quá bán.
- 6- Chủ tịch HĐQT có thể bị HĐQT bãi miễn nhiệm vụ.

Điều 32. Các cuộc họp của HĐQT

- 1- HĐQT bầu Chủ tịch HĐQT ngay trong phiên họp đầu tiên của nhiệm kỳ được tổ chức chậm nhất là trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử HĐQT nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do Thành viên HĐQT có số phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một (01) thành viên có số phiếu bầu cao nhất ngang nhau, thì các thành viên này bầu một người trong số họ đứng ra triệu tập họp HĐQT theo nguyên tắc đa số.
- 2- HĐQT có thể họp thường kỳ hoặc họp bất thường ngay tại trụ sở giao dịch chính hoặc ở bất cứ nơi nào khác.
- 3- Chủ tịch HĐQT có trách nhiệm triệu tập các cuộc họp thường kỳ, xác lập và thông báo chương trình nghị sự, thời gian, địa điểm họp trước ít nhất ba (03) ngày trước ngày họp dự kiến cho các thành viên dự họp. Chủ tịch HĐQT triệu tập các cuộc họp bất thường khi thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty. Chủ tịch HĐQT có thể triệu tập họp bất kỳ khi nào thấy cần thiết, nhưng ít nhất là mỗi quý phải tổ chức họp một (01) lần.

- 4- Chủ tịch HĐQT phải triệu tập họp HĐQT và không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong các đối tượng dưới đây có đề nghị bằng văn bản:
- BKS hoặc Thành viên HĐQT độc lập;
 - Tổng giám đốc Công ty hoặc ít nhất năm (05) cán bộ quản lý quan trọng khác;
 - Ít nhất hai (02) Thành viên HĐQT.
- Văn bản đề nghị phải trình bày rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và nói rõ quyền quyết định là thuộc thẩm quyền của HĐQT.
- 5- Chủ tịch HĐQT phải triệu tập họp HĐQT trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày chính thức nhận được văn bản yêu cầu của một trong những người nêu tại Khoản 4 - Điều này. Trường hợp Chủ tịch HĐQT không triệu tập họp theo đề nghị đó, thì cá nhân Chủ tịch HĐQT phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty và người đề nghị tổ chức cuộc họp có thể tự mình đứng ra triệu tập họp HĐQT.
- 6- Trường hợp có yêu cầu của Kiểm toán viên độc lập, Chủ tịch HĐQT phải triệu tập họp HĐQT để bàn về Báo cáo kiểm toán và tình hình Công ty.
- 7- Thông báo mời họp HĐQT phải được gửi trước cho các Thành viên HĐQT ít nhất ba (03) ngày trước ngày dự kiến họp. Thông báo mời họp phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải nêu đầy đủ chương trình, thời gian, địa điểm họp, kèm theo các tài liệu cần thiết về những vấn đề sẽ được bàn bạc, lấy ý kiến biểu quyết tại cuộc họp kèm theo phiếu biểu quyết của mỗi thành viên.
- Thông báo mời họp được gửi bằng bưu điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ của từng Thành viên HĐQT được đăng ký tại Công ty.
- 8- Kiểm soát viên có quyền tham dự và thảo luận trong các cuộc họp HĐQT, nhưng không có quyền biểu quyết. Chủ tịch HĐQT hoặc người triệu tập họp phải gửi thông báo mời họp và những tài liệu kèm theo cho Kiểm soát viên tương tự như gửi cho Thành viên HĐQT.
- 9- Cuộc họp HĐQT lần thứ nhất chỉ được tiến hành khi có ít nhất ba phần tư (3/4) tổng số Thành viên HĐQT có mặt trực tiếp hoặc có người đại diện theo uỷ quyền tham gia. Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định này, thì cuộc họp thứ hai phải được triệu tập trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lại được chỉ được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) tổng số Thành viên HĐQT dự họp.
- 10- Thành viên HĐQT được coi là đã tham gia và biểu quyết tại cuộc họp HĐQT trong các trường hợp sau:
- Trực tiếp tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;
 - Ủy quyền bằng văn bản cho một người khác hoặc HĐQT đại diện tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;
 - Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;

- d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp bằng thư, fax, thư điện tử. Trong trường hợp này, nội dung phiếu biểu quyết phải được đựng trong phong bì dán kín và chuyển đến tay Chủ tịch HĐQT chậm nhất là một giờ trước khi khai mạc. Phiếu đó chỉ được mở ra trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.
- 11- Nghị quyết, quyết định của HĐQT được coi là đã được thông qua nếu được đa số quá bán Thành viên HĐQT dự họp tán thành. Nếu số phiếu tán thành, không tán thành ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch HĐQT.
- 12- Thành viên HĐQT có nghĩa vụ tham dự đầy đủ các cuộc họp của HĐQT. Tuy nhiên, cũng có thể ủy quyền hợp pháp cho người khác thay mặt, nhưng phải được các Thành viên HĐQT còn lại chấp thuận.
- 13- Quyền biểu quyết của Thành viên HĐQT được xác định như sau:
- a) Trừ quy định tại Điểm (b) dưới đây, mỗi Thành viên HĐQT hoặc người được ủy quyền trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp HĐQT chỉ có một (01) phiếu biểu quyết;
- b) Thành viên HĐQT không được tham gia biểu quyết về hợp đồng, giao dịch hoặc những vấn đề mà Thành viên HĐQT đó hoặc người liên quan có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Thành viên HĐQT cũng không được tính vào số lượng tối thiểu cần có mặt để có thể tiến hành cuộc họp HĐQT về những quyết định mà Thành viên HĐQT đó không có quyền biểu quyết;
- c) Theo quy định tại Điểm (d) dưới đây, khi có vấn đề phát sinh trong một cuộc họp của HĐQT liên quan đến lợi ích của Thành viên HĐQT hoặc liên quan đến quyền biểu quyết một thành viên nào đó, mà những vấn đề này không được giải quyết bằng việc Thành viên HĐQT có liên quan tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết của mình, thì những vấn đề phát sinh đó được chuyển tới cho Chủ tọa cuộc họp quyết định. Phán quyết của Chủ tọa về vấn đề này có giá trị là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp bản chất hoặc phạm vi lợi ích của Thành viên HĐQT liên quan chưa được công bố đầy đủ;
- d) Thành viên HĐQT được hưởng lợi từ một hợp đồng hay giao dịch nói tại Điều 41(3.a, 3.b) - Điều lệ này được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng, giao dịch đó.
- e) Kiểm soát viên có quyền dự cuộc họp HĐQT, có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.
- 14- Thành viên HĐQT trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Công ty và biết bản thân là người có lợi ích trong đó, có trách nhiệm phải công khai bản chất, nội dung của quyền lợi liên quan ngay trong cuộc họp HĐQT lần đầu tiên xem xét việc ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này.
- Trường hợp một Thành viên HĐQT vô tình không biết trước bản thân và người liên quan có lợi ích vào thời điểm hợp đồng, giao dịch được ký với Công ty, Thành viên HĐQT này phải công khai các lợi ích liên quan tại cuộc họp đầu tiên của HĐQT được tổ chức ngay sau khi biết rằng mình đã có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng liên quan.

- 15- Cuộc họp của HĐQT có thể tổ chức theo hình thức hội nghị trực tuyến giữa các thành viên ngay cả khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:
- a) Nghe từng Thành viên HĐQT khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;
 - b) Bản thân Thành viên HĐQT đó có thể thảo luận với tất cả các thành viên đang tham dự khác một cách đồng thời.

Việc trao đổi ý kiến giữa các thành viên dự họp có thể thực hiện trực tiếp qua điện thoại, họp trực tuyến hoặc bằng phương tiện thông tin liên lạc khác hoặc là kết hợp tất cả những phương thức này. Thành viên HĐQT tham gia cuộc họp được tổ chức như vậy được coi là có mặt tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo kiểu này là địa điểm mà nhóm Thành viên HĐQT đông nhất tập họp lại, hoặc nếu không có một nhóm như vậy, thì là địa điểm mà Chủ tọa cuộc họp hiện diện.

Các quyết định được thông qua trong một cuộc họp qua điện thoại, họp trực tuyến được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng sau đó phải được khẳng định lại bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả Thành viên HĐQT tham dự cuộc họp này.

- 16- Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở số lượng ý kiến tán thành của đa số Thành viên HĐQT có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được các Thành viên HĐQT thông qua tại cuộc họp được triệu tập và tổ chức theo thông lệ.
- 17- Chủ tịch HĐQT có trách nhiệm chuyển biên bản họp HĐQT cho các thành viên và biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong các cuộc họp đó, trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười (10) ngày kể từ khi chuyển đi. Biên bản họp HĐQT được lập bằng tiếng Việt và có thể lập bằng tiếng Anh. Biên bản phải có chữ ký của Chủ tọa và người ghi biên bản.

Điều 33. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

- 1- Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định, nhưng nên có ít nhất ba (03) người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên độc lập Hội đồng quản trị/thành viên Hội đồng quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban là thành viên Hội đồng quản trị.
- 2- Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị, hoặc của người có tư cách thành viên tiểu ban Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty

Điều 34. Người phụ trách quản trị công ty

- 1- Hội đồng quản trị chỉ định ít nhất một (01) người làm Người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ hoạt động quản trị công ty được tiến hành một cách có hiệu quả. Nhiệm kỳ của Người phụ trách quản trị công ty do Hội đồng quản trị quyết định, tối đa là năm (05) năm. Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp.
- 2- Người phụ trách quản trị công ty phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau:
 - a) Có hiểu biết về pháp luật;
 - b) Không được đồng thời làm việc cho công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty;
 - c) Các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và quyết định của Hội đồng quản trị.
- 3- Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Người phụ trách quản trị công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm Trợ lý Người phụ trách quản trị công ty tùy từng thời điểm.
- 4- Người phụ trách quản trị công ty có các quyền và nghĩa vụ sau:
 - a) Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;
 - b) Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;
 - c) Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
 - d) Tham dự các cuộc họp;
 - e) Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;
 - f) Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên;
 - g) Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của công ty;
 - h) Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;
 - i) Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;
 - j) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

C. TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 35. Tổ chức bộ máy quản lý - điều hành

- 1- Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo luôn có một bộ máy quản lý - điều hành đủ khả năng chịu trách nhiệm trước HĐQT và được đặt dưới quyền giám sát, chỉ đạo trực tiếp của HĐQT.

- 2- Công ty có một (01) Tổng giám đốc Công ty, các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và những người điều hành khác do HĐQT bổ nhiệm, miễn nhiệm bằng nghị quyết được thông qua một cách phù hợp với các quy định của Điều lệ này và quy chế quản lý nội bộ liên quan.

Điều 36. Người điều hành Công ty

- 1- Người điều hành Công ty bao gồm Tổng giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác theo quy định của Điều lệ công ty.
- 2- Tổng giám đốc Công ty chịu trách nhiệm tuyển dụng những người điều hành khác một cách cần thiết, đảm bảo đủ số lượng, chất lượng chuyên môn phù hợp với nhu cầu làm việc, cơ cấu tổ chức bộ máy và chính sách quản lý nhân sự do HĐQT quy định ở từng thời điểm cụ thể.
- 3- Người điều hành doanh nghiệp phải thể hiện sự mẫn cán hợp lý trong khi thực hiện nhiệm vụ công tác, đảm bảo mọi mặt hoạt động của Công ty luôn đạt được các mục tiêu đề ra.
- 4- HĐQT quy định cụ thể về mức lương, tiền thưởng hoặc những quyền lợi khác theo kết quả và hiệu quả kinh doanh của Công ty, đồng thời quy định cụ thể về chế độ ký kết hợp đồng lao động, chế độ phân cấp quản lý cán bộ, chế độ khen thưởng - kỷ luật... đối với Tổng giám đốc Công ty và những người điều hành khác.

Điều 37. Tổng giám đốc Công ty

- 1- HĐQT có thể bổ nhiệm một Thành viên HĐQT hoặc thuê một người khác làm Tổng giám đốc Công ty.
- 2- Tổng giám đốc Công ty là người đứng đầu bộ máy quản lý - điều hành và là người chịu trách nhiệm điều hành mọi hoạt động kinh doanh thường ngày của Công ty; chấp hành sự chỉ đạo - giám sát trực tiếp của HĐQT; chịu trách nhiệm trước pháp luật và trước HĐQT về việc thực hiện các quyền, nghĩa vụ được giao.
- 3- Nhiệm kỳ công tác của Tổng giám đốc Công ty là năm (05) năm và có thể được tái bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
- 4- Tổng giám đốc Công ty phải là người có đủ các tiêu chuẩn sau:
 - a) Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ theo quy định của pháp luật Việt Nam và không thuộc những đối tượng không có quyền được thành lập hay quản lý doanh nghiệp tại Việt Nam theo quy định nói tại Điều 17(2) - Luật Doanh nghiệp;
 - b) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm cá nhân trong quản lý kinh doanh phù hợp với nhiệm vụ được giao.
- 5- Thông tin về việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, mức lương, tiền thưởng, cũng như các quyền lợi khác của Tổng giám đốc Công ty phải được HĐQT báo cáo với cổ đông và được nêu cụ thể trong Báo cáo thường niên của Công ty.
- 6- Tổng giám đốc Công ty có những quyền hạn và trách nhiệm cụ thể sau:
 - a) Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty mà không cần phải có quyết định của HĐQT, bao gồm việc thay mặt Công ty ký kết các hợp

đồng tài chính, kinh doanh và dân sự khác, tổ chức và điều hành hoạt động SXKD thường nhật của Công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất...;

- b) Tổ chức thực hiện các nghị quyết của HĐQT và các kế hoạch kinh doanh, kế hoạch đầu tư - phát triển của Công ty đã được HĐQT, ĐHCĐ thông qua;
- c) Kiến nghị phương án sửa đổi cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý - điều hành và các quy chế quản lý nội bộ theo thẩm quyền;
- d) Kiến nghị số lượng người điều hành khác mà Công ty cần tuyển dụng để HĐQT bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm, khen thưởng - kỷ luật..., nhằm thực hiện tốt các hoạt động quản lý theo đề xuất của HĐQT; tư vấn để HĐQT quyết định mức lương, thù lao, các lợi ích khác và các điều khoản hợp đồng lao động của nhóm cán bộ quản lý quan trọng thuộc thẩm quyền của HĐQT;
- e) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý còn lại trong Công ty, trừ các chức danh những người điều hành khác thuộc thẩm quyền của HĐQT. Tổng giám đốc Công ty có trách nhiệm tham khảo ý kiến của HĐQT để quyết định số lượng người lao động, mức lương, trợ cấp, lợi ích, việc bổ nhiệm, miễn nhiệm và các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động của họ;
- f) Tuyển dụng lao động;
- g) Kiến nghị với HĐQT về phương án chi trả cổ tức hoặc xử lý công nợ, tài sản, lỗ trong kinh doanh;
- h) Chậm nhất vào ngày 30 tháng 11 hàng năm, Tổng giám đốc Công ty phải trình HĐQT phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp với kế hoạch tài chính năm (05) năm;
- i) Chủ động đề xuất những biện pháp cần thiết nâng cao hiệu quả hoạt động và quản lý của Công ty;
- j) Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty (*sau đây gọi là bản dự toán*) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (*bao gồm cả bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến*) cho từng năm tài chính phải được trình để HĐQT thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Công ty;
- k) Thực hiện tất cả các hoạt động cần thiết khác một cách cẩn thận hợp lý và phù hợp với quy định của Điều lệ này và các quy chế quản lý nội bộ của Công ty, cũng như với nội dung hợp đồng lao động đã ký kết và pháp luật hiện hành;
- l) Báo cáo HĐQT về kết quả hoạt động của mình theo định kỳ và khi được yêu cầu;
- 7- HĐQT có thể miễn nhiệm, bãi nhiệm và kỷ luật Tổng giám đốc Công ty khi đa số Thành viên Hội đồng Quản trị dự họp có quyền biểu quyết tán thành.
- 8- Tổng giám đốc Công ty phải điều hành một cách cẩn trọng hoạt động kinh doanh hàng ngày của Công ty và theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ này, nội dung hợp đồng lao động đã ký kết với HĐQT và các nghị quyết, quyết định của HĐQT. Trường hợp điều

hành trái với quy định này mà gây thiệt hại cho Công ty, thì cá nhân Tổng giám đốc Công ty phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và bồi thường thiệt hại cho Công ty.

- 9- Tổng giám đốc Công ty được trả lương, tiền thưởng do HĐQT quyết định. Các khoản chi này được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty và phải thể hiện thành một mục riêng trong Báo cáo Tài chính hàng năm.

D. BAN KIỂM SOÁT

Điều 38. Ứng cử và đề cử kiểm soát viên

- 1- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử ứng cử viên BKS theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ mười phần trăm (10%) đến dưới hai mươi phần trăm (20%) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ hai mươi phần trăm (20%) đến dưới ba mươi phần trăm (30%) được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ ba mươi phần trăm (30%) đến dưới bốn mươi phần trăm (40%) được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ bốn mươi phần trăm (40%) đến dưới năm mươi phần trăm (50%) được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ năm mươi phần trăm (50%) đến dưới sáu mươi phần trăm (60%) được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ sáu mươi phần trăm (60%) đến dưới bảy mươi phần trăm (70%) được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ bảy mươi phần trăm (70%) đến tám mươi phần trăm (80%) được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ tám mươi phần trăm (80%) trở lên được đề cử tối đa ứng viên.
- 2- Trường hợp số lượng các ứng viên BKS thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, BKS đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được công ty quy định tại Điều lệ và Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Cơ chế BKS đương nhiệm đề cử ứng viên phải được công bố rõ ràng và được ĐHĐCĐ thông qua trước khi tiến hành đề cử.

Điều 39. Kiểm soát viên

- 1- Số lượng Kiểm soát viên của Công ty là ba (03) người. Kiểm soát viên do ĐHĐCĐ bầu, nhiệm kỳ của Kiểm soát viên là không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
- 2- Kiểm soát viên phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 169 Luật doanh nghiệp, Điều lệ công ty và không thuộc các trường hợp sau:
 - a) Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của công ty;
 - b) Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong ba (03) năm liền trước đó.
- 3- BKS phải chỉ định một (01) thành viên làm Trưởng ban theo nguyên tắc đa số phiếu bầu quá bán.
 - a) Trưởng ban Kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp ;
 - b) Trưởng ban Kiểm soát có những quyền hạn và trách nhiệm sau:

- Triệu tập và chủ trì cuộc họp BKS.
- Yêu cầu HĐQT, Tổng giám đốc Công ty và các cán bộ quản lý khác cung cấp các thông tin liên quan để lập báo cáo của BKS.
- Lập và ký báo cáo của BKS sau khi đã tham khảo ý kiến của HĐQT để trình ĐHĐCĐ.

4- Kiểm soát viên bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

- a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại Luật doanh nghiệp;
- b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
- c) Có đơn từ chức và được chấp thuận;
- d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

5- Kiểm soát viên bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:

- a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
- b) Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của Kiểm soát viên quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty;
- c) Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này..

Điều 40. Quyền hạn, nhiệm vụ của Ban Kiểm soát

1- Ban kiểm soát có các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 170 - Luật doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ sau:

- a) Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;
- b) Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình;
- c) Giám sát tình hình tài chính công ty, tính hợp pháp trong các hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác, sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cổ đông;
- d) Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cổ đông;
- e) Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác, phải thông báo bằng văn bản với Hội đồng quản trị trong vòng bốn mươi tám (48) giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;
- f) Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua;

- g) Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 290 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- h) Có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc;
- i) Có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty;
- j) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.
- 2- HĐQT, Tổng giám đốc Công ty và người điều hành khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời những thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty theo yêu cầu của Ban kiểm soát.
- Người phụ trách quản trị công ty phải bảo đảm rằng toàn bộ bản sao các nghị quyết, quyết định, biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông và của HĐQT, các thông tin tài chính, các thông tin và tài liệu khác cung cấp cho cổ đông và thành viên HĐQT phải được cung cấp cho các Kiểm soát viên vào cùng thời điểm và theo phương thức như đối với cổ đông và thành viên HĐQT.
- 3- BKS có thể ban hành các quy định về các cuộc họp và cách thức hoạt động của mình. BKS phải họp tối thiểu hai (02) lần một năm và số lượng thành viên tham gia họp tối thiểu phải là hai (02) Kiểm soát viên.
- 4- Tổng mức thù lao, ngân sách hoạt động hàng năm và các quyền lợi khác của Kiểm soát viên do ĐHCĐ quyết định. Kiểm soát viên được thanh toán các khoản chi phí đi lại, ăn ở, chi phí sử dụng tư vấn độc lập và các chi phí phát sinh khác trong khi làm nhiệm vụ. Tổng mức thù lao và chi phí hàng năm không được vượt quá định mức đã được ĐHCĐ thường niên chấp thuận, trừ phi các cổ đông có quyết định khác. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.
- 5- Trường hợp có hành vi vi phạm các quy định nói tại Điều 40(1,2) - Điều lệ này mà gây thiệt hại cho Công ty hoặc người khác, thì Kiểm soát viên phải chịu trách cá nhân trước pháp luật và phải bồi thường hoặc liên đới bồi thường thiệt hại theo quy định nói tại Điều 173(5) - Luật Doanh nghiệp và pháp luật liên quan khác.
- 6- Khi phát hiện Kiểm soát viên hay BKS có hành vi vi phạm quyền hạn, nhiệm vụ hoặc trách nhiệm riêng của họ, thì HĐQT phải thông báo ngay bằng văn bản cho BKS, yêu cầu chấm dứt ngay hành vi vi phạm và có biện pháp khắc phục kịp thời hậu quả.

E. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 41. Trách nhiệm chung của người điều hành Công ty

- 1- Thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc Công ty và người điều hành khác đều có những trách nhiệm chung sau đây:
 - a) Thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao theo đúng quy định của pháp luật hiện hành, Điều lệ của Công ty và các nghị quyết của ĐHĐCĐ;
 - b) Luôn mãi cán thực hiện nhiệm vụ của mình một cách cẩn trọng, trung thực, tốt nhất, nhằm bảo vệ lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty;
 - c) Trung thành với lợi ích của Công ty và cổ đông; không được phép sử dụng những thông tin, bí quyết kinh doanh, cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Công ty, địa vị, chức vụ và tài sản của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích vì mục đích cá nhân; đồng thời không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi hay phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác;
 - d) Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho Công ty biết về doanh nghiệp mà bản thân mình và những người có liên quan làm chủ hoặc có cổ phần, cổ phần chi phối để niêm yết tại trụ sở chính và chi nhánh Công ty; Thông báo cho HĐQT tất cả các lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của Công ty mà họ có thể được hưởng thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác.
- 2- Công ty không được cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các Thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc Công ty, những người điều hành khác và những người có liên quan tới đối tượng này hoặc pháp nhân mà những người này có các lợi ích tài chính, trừ trường hợp các khoản vay hoặc bảo lãnh đó đã được ĐHĐCĐ chấp thuận.
- 3- Hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều Thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc Công ty, người điều hành khác hoặc những người liên quan đến họ hoặc công ty, đối tác, hiệp hội, hoặc tổ chức mà Thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc Công ty, người điều hành khác hoặc những người liên quan đến họ là thành viên hay tuy có liên quan lợi ích tài chính nhưng không bị vô hiệu hoá trong các trường hợp sau đây:
 - a) Đối với hợp đồng, giao dịch có giá trị từ dưới hai mươi phần trăm (20%) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những yếu tố quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của người điều hành doanh nghiệp hoặc Thành viên HĐQT đã được báo cáo cho HĐQT hoặc tiểu ban chuyên môn liên quan. Đồng thời, HĐQT hoặc tiểu ban chuyên môn liên quan đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch đó một cách trung thực bằng đa số phiếu tán thành của những Thành viên HĐQT không có lợi ích liên quan;
 - b) Đối với những hợp đồng, giao dịch có giá trị bằng hoặc lớn hơn hai mươi phần trăm (20%) của tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những yếu tố quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của cán bộ quản lý quan trọng của Công ty đã được công bố cho các cổ đông không có lợi ích liên

quan có quyền biểu quyết về vấn đề đó và những cổ đông đó đã bỏ phiếu tán thành hợp đồng hoặc giao dịch này;

- c) Hợp đồng hoặc giao dịch đó được một tổ chức tư vấn độc lập cho là công bằng và hợp lý xét trên mọi phương diện liên quan đến các cổ đông của công ty vào thời điểm giao dịch hoặc hợp đồng này được HĐQT hoặc một tiểu ban chuyên môn trực thuộc HĐQT hay các cổ đông cho phép thực hiện.

Thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc Công ty, người điều hành khác và những người có liên quan với các thành viên nêu trên không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của Công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện giao dịch có liên quan.

Điều 42. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

- 1- Thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc Công ty và người điều hành khác vi phạm quy định nói tại Điều 41 - Điều lệ này phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra cho Công ty.
- 2- Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu ít nhất một phần trăm (01%) số cổ phần phổ thông liên tục trong thời hạn sáu (06) tháng có quyền tự mình hoặc nhân danh Công ty khởi kiện dân sự đối với Thành viên HĐQT, Tổng giám đốc Công ty trong các trường hợp:
 - a) Vi phạm trách nhiệm, nghĩa vụ của người quản lý quy định tại Điều 41 - Điều lệ này;
 - b) Không thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ được giao hoặc không thực hiện, thực hiện không đầy đủ, không kịp thời nghị quyết, quyết định của HĐQT, gây tổn hại đến các quyền, quyền lợi hợp pháp của cổ đông hay của Công ty;
 - c) Sử dụng những thông tin, bí quyết kinh doanh, cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Công ty, địa vị, chức vụ và tài sản của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác;
 - d) Các trường hợp khác do pháp luật quy định.
- 3- Trình tự, thủ tục khởi kiện và chi trả chi phí, án phí được thực hiện theo quy định của pháp luật liên quan.
- 4- Công ty chịu trách nhiệm bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (*bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện*) nếu người đó đã hoặc đang là Thành viên HĐQT, người điều hành khác, nhân viên hoặc là đại diện được Công ty ủy quyền hoặc người đó đã hoặc đang làm theo yêu cầu của Công ty với tư cách Thành viên HĐQT, người điều hành khác, nhân viên hoặc đại diện theo ủy quyền của Công ty với điều kiện người đó chứng minh được là đã không vi phạm các quy định về quyền hạn, nghĩa vụ và trách nhiệm của cá nhân họ trong Điều lệ này.
- 5- Khi thực hiện chức năng, nhiệm vụ hoặc thực thi các công việc theo ủy quyền của Công ty, Thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, người điều hành khác, nhân viên hoặc là đại diện theo ủy quyền của Công ty sẽ được Công ty bồi thường nếu trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (*trừ các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện*) trong các trường hợp sau:

- a) Đã hành động trung thực, cẩn trọng, miễn cán hợp lý vì lợi ích và không mâu thuẫn với lợi ích của Công ty;
- b) Tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận đã không thực hiện trách nhiệm của mình.

Chi phí bồi thường bao gồm các chi phí phát sinh (*kể cả phí thuê luật sư*), án phí, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế được coi là hợp lý khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người đó để tránh những trách nhiệm bồi thường như vậy.

F. QUYỀN KIỂM TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

Điều 43. Quyền kiểm tra và trách nhiệm lưu trữ hồ sơ, tài liệu

- 1- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nói tại Điều 12(3) - Điều lệ này có quyền trực tiếp hoặc thông qua người được uỷ quyền hợp pháp gửi văn bản yêu cầu được kiểm tra danh sách cổ đông, các biên bản họp ĐHĐCĐ và sao chụp hoặc trích lục các hồ sơ công khai lưu trữ tại trụ sở chính của Công ty. Yêu cầu kiểm tra do đại diện được uỷ quyền của cổ đông gửi phải kèm theo giấy uỷ quyền hợp pháp của cổ đông mà người đó đại diện hoặc một bản sao công chứng của giấy uỷ quyền này.
- 2- Thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc Công ty và những người điều hành khác có quyền kiểm tra sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông và bất kỳ sổ sách, hồ sơ, chứng từ liên quan đến hoạt động của Công ty để phục vụ nhu cầu công tác của mình vì những mục đích liên quan tới nhiệm vụ của mình với điều kiện phải bảo mật thông tin đã truy cập, kiểm tra.
- 3- Tổng giám đốc Công ty chịu trách nhiệm tổ chức bảo quản và lưu trữ một cách hệ thống: Điều lệ Công ty và những bản sửa đổi bổ sung; Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; các quy chế quản lý nội bộ; hồ sơ, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản; nghị quyết, biên bản họp ĐHĐCĐ và nghị quyết, quyết định, biên bản họp của HĐQT; các báo cáo của HĐQT; các báo cáo của BKS; báo cáo tài chính hàng năm; sổ sách kế toán và bất cứ giấy tờ nào khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và cơ quan đăng ký kinh doanh đều được thông báo về địa điểm lưu trữ các giấy tờ này.

G. NGƯỜI LAO ĐỘNG

Điều 44. CBCNV và quan hệ với Công đoàn

- 1- Hàng năm Tổng giám đốc Công ty phải xác lập và trình HĐQT phê duyệt trước khi thực hiện kế hoạch dự kiến về nhu cầu sử dụng lao động; chế độ tuyển dụng - cho thôi việc - chi trả lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, chế độ phúc lợi, khen thưởng - kỷ luật đối với người lao động và người điều hành doanh nghiệp.
- 2- Tổng giám đốc Công ty phải lập kế hoạch và đề xuất ý kiến để HĐQT thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ giữa Công ty với Công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất quy định tại Điều lệ này, cũng như tại các quy chế quản lý nội bộ của Công ty và pháp luật hiện hành.

H. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN VÀ CHI TRẢ CỔ TỨC:

Điều 45. Phân phối lợi nhuận và chi trả cổ tức

- 1- ĐHĐCĐ quyết định mức chi trả cổ tức, điều kiện và hình thức chi trả cổ tức hàng năm theo đề nghị của HĐQT với điều kiện Công ty:
 - Đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật.
 - Đã trích lập các quỹ công ty và bù đắp đủ lỗ trước đó theo quy định của pháp luật.
 - Ngay sau khi trả hết số cổ tức đã định, Công ty vẫn đảm bảo thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác đến hạn.
- 2- Cổ tức trả cho cổ phần ưu đãi được thực hiện theo các điều kiện áp dụng riêng cho mỗi loại cổ phần ưu đãi; Cổ tức trả cho cổ phần phổ thông được xác định trên cơ sở lợi nhuận ròng đã thực hiện và khoản chi trả cổ tức được phép trích từ nguồn lợi nhuận được giữ lại.
- 3- Công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.
- 4- HĐQT có thể đề nghị ĐHĐCĐ quyết định thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phần của Công ty hoặc tài sản khác và là cơ quan thực thi quyết định này.
- 5- Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam/VND. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc chi trả bằng séc, chuyển khoản thông qua các ngân hàng hay lệnh trả tiền gửi bằng bưu điện trên cơ sở các thông tin chi tiết về cổ đông, địa chỉ thường trú hoặc địa chỉ liên lạc do cổ đông cung cấp.

Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, thì không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty chuyển cho cổ đông thụ hưởng.

Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua Công ty chứng khoán hoặc Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam.
- 6- HĐQT chịu trách nhiệm căn cứ các quy định pháp luật hiện hành để quyết định ngày, giờ cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày chốt danh sách cổ đông đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác thực hiện quyền nhận cổ tức, lãi suất, nhận cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác và các quyền lợi hợp pháp khác của mình.
- 7- Cổ tức phải được thanh toán đầy đủ trong trong thời hạn sáu (06) tháng, kể từ ngày kết thúc họp ĐHĐCĐ thường niên theo đúng trình tự, thể thức quy định tại Điều 132 - Luật Doanh nghiệp hiện hành.
- 8- Các vấn đề khác liên quan đến chế độ, cách thức phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan.

I. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN

Điều 46. Tài khoản ngân hàng

- 1- Công ty được mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.
- 2- Trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật liên quan và sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền Việt Nam.
- 3- Công ty tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

Điều 47. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày đầu tiên của tháng một (01) và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12 hàng năm.

Điều 48. Chế độ kế toán

- 1- Chế độ kế toán Công ty sử dụng là Chế độ Kế toán Việt Nam (VAS) hoặc chế độ kế toán khác được Bộ Tài chính chấp thuận.
- 2- Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt. Công ty lưu giữ hồ sơ kế toán theo loại hình của các hoạt động kinh doanh mà Công ty tham gia. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.
- 3- Công ty sử dụng đồng Việt Nam/VND (*hoặc ngoại tệ tự do chuyển đổi trong trường hợp được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận*) làm đơn vị tiền tệ dùng trong kế toán.

J. BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN, THÔNG BÁO RA CÔNG CHÚNG

Điều 49. Báo cáo tài chính năm, sáu tháng và quý

- 1- Tổng giám đốc Công ty phải lập, trình HĐQT xem xét và công bố các báo cáo sáu tháng, hàng quý theo các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch chứng khoán và nộp cho các cơ quan quản lý Nhà nước hữu quan theo đúng quy định của pháp luật liên quan.
- 2- Tại thời điểm kết thúc năm tài chính, HĐQT phải chuẩn bị các báo cáo và tài liệu sau đây:
 - a) Báo cáo kết quả kinh doanh của Công ty;
 - b) Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán theo quy định của Điều 51 - Điều lệ này. Báo cáo tài chính năm và Bảng cân đối kế toán kèm theo phải phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình về lãi, lỗ của Công ty trong năm tài chính, cũng như về tình hình hoạt động của Công ty tính đến thời điểm lập báo cáo tài chính, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính.
 - c) Các báo cáo đánh giá công tác quản trị, quản lý - điều hành Công ty.

Các báo cáo này phải được gửi cho BKS để thẩm định chậm nhất là hai mươi một (21) ngày trước ngày dự kiến khai mạc ĐHĐCĐ thường niên.

- 3- Các báo cáo nói tại Khoản 2 - Điều này, báo cáo thẩm định của BKS và báo cáo kiểm toán phải có ở trụ sở chính, chi nhánh Công ty chậm nhất là bảy (07) ngày trước ngày dự kiến khai mạc ĐHĐCĐ thường niên.

Các cổ đông sở hữu liên tục cổ phần ít nhất một (01) năm có thể tự mình hoặc cùng luật sư hay kế toán viên, kiểm toán viên có chứng chỉ hành nghề của mình có quyền xem xét các báo cáo này ngay tại trụ sở chi nhánh, trụ sở chính trong giờ làm việc với một thời gian hợp lý.

- 4- Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ khi kết thúc mỗi năm tài chính, phải nộp báo cáo tài chính hàng năm đã được ĐHĐCĐ thông qua cho cơ quan thuế có thẩm quyền, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch chứng khoán và cơ quan đăng ký kinh doanh.
- 5- Các báo cáo tài chính hàng năm/quý đã được kiểm toán (*bao gồm ý kiến của kiểm toán viên*) phải được công bố công khai trên website của Công ty.

Điều 50. Công khai báo cáo thường niên

- 1- HĐQT phải gửi Báo cáo Tài chính, Báo cáo đánh giá kết quả hoạt động hàng năm của HĐQT, Tổng giám đốc Công ty đã được ĐHĐCĐ thường niên thông qua, cũng như các tài liệu theo yêu cầu hợp pháp khác cho UBCK Nhà nước và những cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền khác theo đúng các quy định pháp luật hiện hành.
- 2- Hàng năm Công ty phải lập và công bố công khai Báo cáo thường niên theo đúng quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

K. KIỂM TOÁN CÔNG TY:

Điều 51. Kiểm toán

- 1- ĐHĐCĐ thường niên chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho HĐQT quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành các hoạt động kiểm toán Công ty cho năm tài chính tiếp theo. Căn cứ ý kiến chỉ định của HĐQT, Tổng giám đốc Công ty chịu trách nhiệm chuẩn bị và gửi báo cáo tài chính năm cho công ty kiểm toán độc lập đã được chỉ định ngay sau khi kết thúc năm tài chính.
- 2- Công ty kiểm toán độc lập kiểm tra, xác nhận, lập báo cáo kiểm toán và trình báo cáo đó cho HĐQT trong vòng hai (02) tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.
- 3- Bản sao của Báo cáo kiểm toán được gửi đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty.
- 4- Kiểm toán viên thực hiện việc kiểm toán Công ty được phép tham dự, phát biểu ý kiến về các vấn đề có liên quan đến việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty tại ĐHĐCĐ sau khi được người triệu tập ĐHĐCĐ chấp thuận và cũng có quyền nhận thông báo, các thông tin khác liên quan đến ĐHĐCĐ tương tự như cổ đông.

L. CON DẤU CÔNG TY

Điều 52. Con dấu Công ty

- 1- Dấu bao gồm dấu được làm tại cơ sở khắc dấu hoặc dấu dưới hình thức chữ ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.
- 2- HĐQT quyết định thông qua con dấu chính thức của Công ty được khắc theo quy định của luật pháp và các con dấu khác được sử dụng trong hoạt động của Công ty.
- 3- HĐQT, Tổng giám đốc Công ty có trách nhiệm sử dụng, bảo quản và quản lý con dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.

M. CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ

Điều 53. Chấm dứt hoạt động

- 1- Công ty có thể bị giải thể hoặc chấm dứt hoạt động trong những trường hợp sau:
 - a) Toà án tuyên bố Công ty phá sản theo quy định của pháp luật hiện hành;
 - b) Giải thể trước thời hạn theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - c) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.
- 2- Việc giải thể Công ty trước thời hạn do ĐHCĐ quyết định, HĐQT tổ chức thực hiện.
- 3- Điều kiện, trình tự, thủ tục giải thể Công ty được thực hiện theo quy định nói tại Điều 206, Điều 207, Điều 208, Điều 209 và Điều 210 - Luật Doanh nghiệp và các quy định pháp luật hiện hành có liên quan khác.
- 4- Điều kiện, trình tự, thủ tục phá sản Công ty được thực hiện theo quy định nói tại Điều 214 - Luật Doanh nghiệp và các quy định pháp luật hiện hành có liên quan khác về phá sản doanh nghiệp.

Điều 54. Thanh lý Công ty

- 1- Chậm nhất là sáu (06) tháng sau khi có quyết định giải thể Công ty, HĐQT phải thành lập Ban Thanh lý gồm ba (03) thành viên. Trong đó, hai (02) thành viên do ĐHCĐ chỉ định và một (01) thành viên do HĐQT chỉ định từ một công ty kiểm toán độc lập.
- 2- Ban Thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên khác của Ban Thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.
- 3- Ban Thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho Cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban Thanh lý thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Toà án và các cơ quan hành chính.
- 4- Tiền thu được từ việc thanh lý được thanh toán theo thứ tự sau:
 - a) Các chi phí thanh lý;
 - b) Tiền lương và chi phí bảo hiểm cho công nhân viên;

- c) Thuế và các khoản nộp cho Nhà nước;
- d) Các khoản vay (nếu có);
- e) Các khoản nợ khác của Công ty;
- f) Số dư còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ Điểm (4.a) đến (4.e) - Điều này sẽ được phân chia cho các cổ đông tùy theo tỷ lệ sở hữu cổ phần hiện có ở thời điểm thanh toán. Các cổ phần ưu đãi được ưu tiên thanh toán trước.

N. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 55. Giải quyết tranh chấp nội bộ

- 1- Trường hợp phát sinh tranh chấp hay khiếu nại có liên quan tới quyền và nghĩa vụ của các cổ đông với Công ty hoặc giữa cổ đông với HĐQT, BKS, Tổng giám đốc Công ty hay người điều hành khác theo quy định của Điều lệ công ty và pháp luật liên quan, thì các bên liên quan có trách nhiệm cố gắng giải quyết thông qua thương lượng trực tiếp để hoà giải.

Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới HĐQT hay với chính bản thân Chủ tịch HĐQT, Chủ tịch HĐQT là người chủ trì việc giải quyết tranh chấp và có quyền yêu cầu từng bên trình bày các yếu tố thực tiễn liên quan đến tranh chấp trong vòng ba mươi (30) ngày làm việc, kể từ ngày tranh chấp phát sinh.

Trường hợp tranh chấp liên quan tới HĐQT hay bản thân Chủ tịch HĐQT, thì bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu BKS chỉ định một chuyên gia độc lập để hành động với tư cách là trọng tài trung gian cho quá trình giải quyết tranh chấp.

- 2- Trường hợp các bên không đạt được quyết định hoà giải theo quy định nói trên hoặc quyết định hoà giải qua trung gian không được chấp nhận, thì trong vòng sáu (06) tuần từ khi bắt đầu quá trình hoà giải, thì bất cứ bên nào cũng có thể đưa vụ việc đó ra khỏi kiện tại Tòa án có thẩm quyền theo đúng trình tự, thủ tục giải quyết vụ kiện đó.
- 3- Các bên tự chịu chi phí của mình có liên quan tới thủ tục thương lượng và hoà giải. Việc thanh toán án phí và chi phí khác có liên quan được thực hiện theo phán quyết của Tòa án.

CHƯƠNG III: ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 56. Thẩm quyền sửa đổi, bổ sung Điều lệ

- 1- Việc bổ sung, sửa đổi Điều lệ này phải được ĐHĐCĐ xem xét và quyết định. HĐQT chịu trách nhiệm chủ trì việc nghiên cứu, chuẩn bị ý kiến sửa đổi và bổ sung Điều lệ để trình ĐHĐCĐ.
- 2- Trong trường hợp Điều lệ này không có quy định cụ thể, thì các quy định của Luật Doanh nghiệp hiện hành và những văn bản pháp luật liên quan khác của Việt Nam sẽ được sử dụng để tham chiếu, làm cơ sở xử lý mọi vấn đề phát sinh trong quá trình hoạt động của Công ty.
- 3- Trong trường hợp quy định của Điều lệ này không còn phù hợp với pháp luật hiện hành ở thời điểm phát sinh vụ việc mà chưa được sửa đổi, bổ sung kịp thời thì quy định đó đương nhiên bị mất hiệu lực áp dụng và các quy định pháp luật mới có hiệu lực thi hành sẽ được áp dụng để giải quyết vụ việc.
- 4- HĐQT có thẩm quyền và trách nhiệm giải thích nội dung, hướng dẫn thi hành Điều lệ này.

Điều 57. Hiệu lực thi hành

- 1- Điều lệ này gồm ba chương, năm mươi bảy (57) điều được Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần vận tải và xếp dỡ Hải An nhất trí thông qua ngày 18 tháng 3 năm 2022 tại Hải Phòng và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.
- 2- Điều lệ này có hiệu lực áp dụng kể từ ngày 18/3/2022.
- 3- Điều lệ được lập thành năm (5) bản, có giá trị như nhau và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.
- 4- Điều lệ này là duy nhất và là văn bản chính thức của Công ty. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ Công ty chỉ có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch HĐQT hoặc tối thiểu một phần hai (1/2) tổng số Thành viên HĐQT.

Người đại diện theo pháp luật



CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XÉP DỠ HẢI AN

Tầng 7, số 45, phố Triệu Việt Vương, p. Bùi Thị Xuân, q. Hai Bà Trưng, HN

DỰ THẢO

**QUY CHẾ NỘI BỘ
VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY**

THÁNG 3 NĂM 2022

MỤC LỤC

CHƯƠNG I: QUY ĐỊNH CHUNG	3
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng	3
Điều 2. Giải thích thuật ngữ.....	3
CHƯƠNG II: TRÌNH TỰ, THỦ TỤC VỀ TRIỆU TẬP VÀ BIỂU QUYẾT TẠI ĐHĐCĐ	5
Điều 3. Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp ĐHĐCĐ	5
Điều 4. Thông báo triệu tập ĐHĐCĐ.....	5
Điều 5. Cách thức đăng ký tham dự ĐHĐCĐ	5
Điều 6. Cách thức bỏ phiếu biểu quyết trong ĐHĐCĐ	5
Điều 7. Cách thức kiểm phiếu.....	6
Điều 8. Thông báo kết quả kiểm phiếu	6
Điều 9. Cách thức phản đối quyết định của ĐHĐCĐ	6
Điều 10. Áp dụng các công nghệ hiện đại trong việc tham dự và phát biểu ý kiến tại ĐHĐCĐ	7
Điều 11. Lập biên bản họp ĐHĐCĐ.....	7
Điều 12. Công bố Nghị quyết ĐHĐCĐ.....	8
Điều 13. Việc ĐHĐCĐ thông qua nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.....	9
CHƯƠNG III: THÀNH VIÊN HĐQT & VÀ CUỘC HỌP HĐQT	11
Điều 14. Tiêu chuẩn thành viên HĐQT	11
Điều 15. Cách thức cổ đông, nhóm cổ đông ứng cử, đề cử người vào vị trí thành viên HĐQT	11
Điều 16. Cách thức bầu thành viên HĐQT	11
Điều 17. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT	11
Điều 18. Thông báo về việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT	12
Điều 19. Cách thức giới thiệu ứng viên thành viên HĐQT	12
Điều 20. Thông báo họp HĐQT	12
Điều 21. Điều kiện tổ chức họp HĐQT	12
Điều 22. Cách thức biểu quyết.....	13
Điều 23. Cách thức thông qua nghị quyết của HĐQT.....	13
Điều 24. Ghi biên bản họp HĐQT	14
Điều 25. Thông báo nghị quyết HĐQT	14
Điều 26. Các tiểu ban thuộc HĐQT.....	14
Điều 27. Nguyên tắc hoạt động của các tiểu ban.....	14
CHƯƠNG V: KIỂM SOÁT VIÊN	15
Điều 28. Tiêu chuẩn Kiểm soát viên.....	15
Điều 29. Cách thức cổ đông, nhóm cổ đông ứng cử, đề cử người vào vị trí Kiểm soát viên ..	15

Điều 30.	Cách thức bầu kiểm soát viên.....	15
Điều 31.	Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên.....	15
Điều 32.	Thông báo về việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên.....	16
CHƯƠNG VII: NGƯỜI ĐIỀU HÀNH DOANH NGHIỆP		17
Điều 33.	Các tiêu chuẩn của người điều hành doanh nghiệp.....	17
Điều 34.	Tổng giám đốc.....	17
Điều 35.	Việc bổ nhiệm người điều hành doanh nghiệp khác.....	18
Điều 36.	Ký hợp đồng lao động với người điều hành doanh nghiệp.....	18
Điều 37.	Các trường hợp miễn nhiệm người điều hành doanh nghiệp.....	18
Điều 38.	Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm người điều hành doanh nghiệp.....	18
CHƯƠNG VIII: PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA HĐQT, BKS VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC		19
Điều 39.	Phối hợp hoạt động giữa HĐQT và BKS.....	19
Điều 40.	Phối hợp hoạt động giữa HĐQT và Tổng giám đốc.....	19
Điều 41.	Việc tiếp cận thông tin.....	20
Điều 42.	Phối hợp hoạt động giữa BKS và Tổng giám đốc.....	20
Điều 43.	Phối hợp giữa Tổng giám đốc và HĐQT, BKS.....	21
CHƯƠNG IX. NGƯỜI PHỤ TRÁCH QUẢN TRỊ CÔNG TY.....		22
Điều 44.	Tiêu chuẩn của người phụ trách quản trị công ty.....	22
Điều 45.	Quyền và nghĩa vụ của người phụ trách quản trị công ty.....	22
Điều 46.	Việc bổ nhiệm người phụ trách quản trị công ty.....	22
Điều 47.	Các trường hợp miễn nhiệm người phụ trách quản trị công ty.....	22
Điều 48.	Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm người phụ trách quản trị công ty.....	22
CHƯƠNG X: TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC		23
Điều 49.	Trách nhiệm chung của người điều hành công ty.....	23
Điều 50.	Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường.....	24
CHƯƠNG XI: SỬA ĐỔI QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY.....		26
Điều 51.	Sửa đổi Quy chế nội bộ về quản trị công ty.....	26
CHƯƠNG XII: NGÀY HIỆU LỰC		26
Điều 52.	Ngày hiệu lực.....	26

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 0202-2022/NQ-ĐHĐCĐ
ngày 18/3/2022 của ĐHĐCĐ)

CHƯƠNG I: QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế nội bộ về quản trị công ty quy định các nội dung về vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc; trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông; đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và các hoạt động khác theo quy định tại Điều lệ công ty và các quy định hiện hành khác của pháp luật.

2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này được áp dụng cho các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và những người liên quan.

Điều 2. Giải thích thuật ngữ

1. Chữ viết tắt:

- “Công ty” là Công ty cổ phần vận tải và xếp dỡ Hải An;
- “ĐHĐCĐ”: Đại hội đồng cổ đông;
- “HĐQT”: Hội đồng quản trị;
- “BKS”: Ban kiểm soát.

2. Những từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

- “Quản trị công ty” là hệ thống các nguyên tắc, bao gồm:
 - Đảm bảo cơ cấu quản trị hợp lý;
 - Đảm bảo hiệu quả hoạt động của HĐQT, BKS;
 - Đảm bảo quyền lợi của cổ đông và những người có liên quan;
 - Đảm bảo đối xử công bằng giữa các cổ đông;
 - Công khai minh bạch mọi hoạt động của Công ty.
- “Người điều hành doanh nghiệp” là Tổng giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác theo quyết định của HĐQT trên cơ sở đề nghị của Tổng Giám đốc;

- c. “Người quản lý doanh nghiệp” là người quản lý công ty, bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cá nhân giữ chức danh quản lý khác theo quy định tại Điều lệ công ty
 - d. Người có liên quan là cá nhân, tổ chức được quy định tại Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán;
 - e. "Điều lệ" là Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty cổ phần vận tải và xếp dỡ Hải An;
3. Trong Quy chế này, các tham chiếu tới một hoặc một số điều khoản hoặc văn bản pháp luật sẽ bao gồm cả những sửa đổi bổ sung hoặc văn bản thay thế các văn bản đó.
4. Trường hợp pháp luật chuyên ngành có quy định về quản trị công ty khác với quy định tại Nghị định này thì áp dụng quy định của pháp luật chuyên ngành.

CHƯƠNG II: TRÌNH TỰ, THỦ TỤC VỀ TRIỆU TẬP VÀ BIỂU QUYẾT TẠI ĐHĐCĐ

Điều 3. Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp ĐHĐCĐ

Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp ĐHĐCĐ được thực hiện theo quy định tại Điều lệ Công ty và quy định của pháp luật chứng khoán áp dụng cho các Công ty niêm yết.

Điều 4. Thông báo triệu tập ĐHĐCĐ

1. Thông báo họp ĐHĐCĐ được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức bảo đảm, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán.
2. Người triệu tập họp ĐHĐCĐ phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất hai mươi một (21) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp ĐHĐCĐ (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư).
3. Chương trình họp ĐHĐCĐ, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp ĐHĐCĐ, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:
 - a. Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;
 - b. Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên HĐQT, Kiểm soát viên;
 - c. Phiếu biểu quyết;
 - d. Mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp;

Điều 5. Cách thức đăng ký tham dự ĐHĐCĐ

Trước khi khai mạc cuộc họp, người triệu tập phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.

Điều 6. Cách thức bỏ phiếu biểu quyết trong ĐHĐCĐ

1. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, người triệu tập cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Khi tiến hành biểu quyết tại đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ phản đối nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hay phản đối để quyết định. Tổng số phiếu tán thành, phản đối, bỏ phiếu trắng hoặc không hợp lệ theo từng vấn đề được Chủ tọa thông báo ngay sau khi tiến hành biểu quyết vấn đề đó. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số lượng thành viên của ban kiểm phiếu do ĐHĐCĐ quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp.

2. Cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

Điều 7. Cách thức kiểm phiếu

1. Tất cả các nghị quyết, quyết định và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận công khai và sẽ được coi là đã được biểu quyết thông qua tại ĐHĐCĐ theo nguyên tắc đa số phiếu hiện hữu với điều kiện:

a. Nếu đã được nhóm cổ đông đại diện ít nhất 65% (sáu mươi lăm phần trăm) tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành về các vấn đề liên quan đến:

- Sửa đổi và bổ sung Điều lệ;
- Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được chào bán;
- Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
- Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý - điều hành Công ty;
- Dự án đầu tư hoặc mua bán tài sản nói tại Điều 15(2.d) - Điều lệ Công ty;
- Tổ chức lại, giải thể Công ty.

b. Nếu đã được nhóm cổ đông đại diện ít nhất 51% (năm mươi một phần trăm) tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành về các vấn đề còn lại khác, trừ trường hợp biểu quyết bầu, bãi miễn Thành viên HĐQT, Kiểm soát viên. Riêng hoạt động này sẽ thực hiện theo đúng nguyên tắc bầu dồn phiếu như quy định nói tại Điều 148 - Luật Doanh nghiệp.

2. Các nghị quyết ĐHĐCĐ được thông qua bằng 100% (một trăm phần trăm) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục thông qua nghị quyết đó không được thực hiện đúng như quy định.

Điều 8. Thông báo kết quả kiểm phiếu

Sau khi tiến hành kiểm phiếu, Ban kiểm phiếu sẽ thông báo kết quả kiểm phiếu trực tiếp tại cuộc họp ĐHĐCĐ. Thông báo kết quả kiểm phiếu phải nêu cụ thể số phiếu tán thành, số phiếu không tán thành, số phiếu không có ý kiến đối với từng vấn đề.

Điều 9. Cách thức phản đối quyết định của ĐHĐCĐ

1. Cổ đông biểu quyết phản đối nghị quyết về việc tổ chức lại Công ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều lệ công ty có quyền yêu cầu công ty mua lại cổ phần của mình. Yêu cầu phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của cổ đông, số lượng cổ phần từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu công ty mua lại. Yêu cầu phải được gửi đến công ty trong thời hạn 10 (mười) ngày, kể từ ngày ĐHĐCĐ thông qua nghị quyết về các vấn đề quy định tại khoản này.

2. Công ty phải mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông quy định tại khoản 1 Điều này với giá thị trường hoặc giá được tính theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ công ty trong thời hạn 90 (chín mươi) ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trường hợp không thỏa thuận được về giá thì các bên có thể yêu cầu một tổ chức thẩm định giá chuyên nghiệp định giá. Công ty giới thiệu

ít nhất 03 (ba) tổ chức thẩm định giá chuyên nghiệp để cổ đông lựa chọn và lựa chọn đó là quyết định cuối cùng.

Điều 10. Áp dụng các công nghệ hiện đại trong việc tham dự và phát biểu ý kiến tại ĐHĐCĐ

1. Công ty có thể áp dụng công nghệ thông tin hiện đại để tạo điều kiện thuận lợi cho các cổ đông tham dự, phát biểu và biểu quyết tại ĐHĐCĐ.
2. Tùy nhu cầu và tình hình cụ thể, Hội đồng quản trị có quyền tổ chức triển khai việc áp dụng công nghệ thông tin hiện đại (như hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác...) để cổ đông có thể tham dự, phát biểu và biểu quyết tại mỗi kỳ họp ĐHĐCĐ. Việc áp dụng công nghệ thông tin hiện đại như vậy phải được thông báo tới các cổ đông trước kỳ họp bằng cách đăng tải thông báo và hướng dẫn áp dụng trên trang thông tin điện tử của Công ty,

Điều 11. Lập biên bản họp ĐHĐCĐ

1. Cuộc họp ĐHĐCĐ phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng Anh và có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - b. Thời gian và địa điểm họp ĐHĐCĐ;
 - c. Chương trình họp và nội dung cuộc họp;
 - d. Họ, tên chủ tọa và thư ký;
 - e. Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp ĐHĐCĐ về từng vấn đề trong chương trình họp;
 - f. Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
 - g. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
 - h. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;
 - i. Chữ ký của chủ tọa và thư ký. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp

Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng Anh thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.

2. Biên bản họp ĐHĐCĐ phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp phải chịu trách nhiệm liên đới về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

3. Biên bản họp ĐHĐCĐ phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ hoặc gửi cho tất cả các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày kết thúc cuộc họp.
4. Biên bản họp ĐHĐCĐ được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại cuộc họp ĐHĐCĐ trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng mười (10) ngày kể từ khi gửi biên bản.
5. Biên bản họp ĐHĐCĐ, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp và tài liệu có liên quan phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 12. Công bố Nghị quyết ĐHĐCĐ

Nghị quyết ĐHĐCĐ phải được công bố thông tin theo quy định tại Điều lệ công ty và các quy định của pháp luật chứng khoán.

Điều 13. Việc ĐHĐCĐ thông qua nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản

1. HĐQT có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của ĐHĐCĐ khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty. Quyết định của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề được quy định tại khoản 2 điều 143 của Luật doanh nghiệp được quyền lấy ý kiến bằng văn bản.

2. HĐQT phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết ĐHĐCĐ và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết. HĐQT phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi ít nhất mười (10) ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại Điều 19 Điều lệ công ty.

3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b. Mục đích lấy ý kiến;

c. Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;

d. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;

e. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;

f. Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;

g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch HĐQT Công ty.

4. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức hoặc cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền.

5. Phiếu lấy ý kiến có thể được gửi về Công ty theo các hình thức sau:

a. Gửi thư: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;

b. Gửi fax hoặc thư điện tử: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty qua fax hoặc thư điện tử phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.

Các phiếu lấy ý kiến Công ty nhận được sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư hoặc được công bố trước thời điểm kiểm phiếu trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

6. HĐQT kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của BKS hoặc của cổ đông không phải là người điều hành doanh nghiệp. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;
- c. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;
- d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
- e. Các vấn đề đã được thông qua;
- f. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch HĐQT, Tổng giám đốc Công ty, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên HĐQT, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

7. Biên bản kiểm phiếu phải được gửi đến các cổ đông trong vòng 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu hoặc công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn 24 (hai mươi tư) giờ kể từ thời điểm đó.
8. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.
9. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản phải được số cổ đông sở hữu trên năm mươi phần trăm (50%) tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp ĐHĐCĐ.

CHƯƠNG III: THÀNH VIÊN HĐQT & VÀ CUỘC HỌP HĐQT

Điều 14. Tiêu chuẩn thành viên HĐQT

Thành viên HĐQT phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

1. Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp.
2. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh và không nhất thiết phải là cổ đông của công ty.
3. Thành viên HĐQT công ty có thể đồng thời là thành viên HĐQT của công ty khác.

Điều 15. Cách thức cổ đông, nhóm cổ đông ứng cử, đề cử người vào vị trí thành viên HĐQT

Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ mười phần trăm (10%) đến dưới hai mươi phần trăm (20%) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ hai mươi phần trăm (20%) đến dưới ba mươi phần trăm (30%) được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ ba mươi phần trăm (30%) đến dưới bốn mươi phần trăm (40%) được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ bốn mươi phần trăm (40%) đến dưới năm mươi phần trăm (50%) được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ năm mươi phần trăm (50%) đến dưới sáu mươi phần trăm (60%) được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ sáu mươi phần trăm (60%) đến dưới bảy mươi phần trăm (70%) được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ bảy mươi phần trăm (70%) đến tám mươi phần trăm (80%) được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ tám mươi phần trăm (80%) trở lên được đề cử tối đa ứng viên.

Điều 16. Cách thức bầu thành viên HĐQT

Việc biểu quyết bầu thành viên HĐQT phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của HĐQT và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên HĐQT được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ hai (02) ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của HĐQT thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.

Điều 17. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT

Thành viên HĐQT không còn tư cách thành viên HĐQT trong các trường hợp sau:

1. Không đủ tư cách làm thành viên HĐQT theo quy định của Luật doanh nghiệp hoặc bị luật pháp cấm không được làm thành viên HĐQT;
2. Có đơn từ chức;
3. Bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của HĐQT có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;

4. Không tham dự các cuộc họp của HĐQT trong vòng sáu (06) tháng liên tục mà không có sự chấp thuận của HĐQT; vi phạm nghiêm trọng Điều lệ, Quy chế Quản trị của Công ty
5. Theo quyết định của ĐHĐCĐ;
6. Có tình cung cấp thông tin cá nhân sai khi gửi cho Công ty với tư cách là ứng viên HĐQT gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến uy tín, hình ảnh và lợi ích của Công ty.

Điều 18. Thông báo về việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT

Thông báo về việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT theo quy định tại Điều lệ Công ty.

Điều 19. Cách thức giới thiệu ứng viên thành viên HĐQT

Trường hợp đã xác định được trước ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên HĐQT được đưa vào tài liệu họp ĐHĐCĐ và công bố tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp ĐHĐCĐ trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng viên HĐQT phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được bầu làm thành viên HĐQT. Thông tin liên quan đến ứng viên HĐQT được công bố bao gồm các nội dung tối thiểu sau đây:

1. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
2. Trình độ học vấn;
3. Trình độ chuyên môn;
4. Quá trình công tác;
5. Các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên HĐQT và các chức danh quản lý khác;
6. Báo cáo đánh giá về đóng góp của ứng viên cho Công ty, trong trường hợp ứng viên đó hiện đang là thành viên HĐQT của Công ty;
7. Các lợi ích có liên quan tới Công ty (nếu có);
8. Họ, tên của cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng viên đó (nếu có);
9. Các thông tin khác (nếu có).

Điều 20. Thông báo họp HĐQT

1. Thông báo họp HĐQT phải được gửi cho các thành viên HĐQT và các Kiểm soát viên ít nhất năm (05) ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo họp HĐQT phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ thời gian, địa điểm họp, chương trình, nội dung các vấn đề thảo luận, kèm theo tài liệu cần thiết về những vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.
2. Thông báo mời họp được gửi bằng thư, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên HĐQT và các Kiểm soát viên được đăng ký tại Công ty.

Điều 21. Điều kiện tổ chức họp HĐQT

1. Các cuộc họp của HĐQT được tiến hành khi có ít nhất ba phần tư (3/4) tổng số thành viên HĐQT có mặt trực tiếp hoặc thông qua người đại diện (người được ủy quyền) nếu được đa số thành viên HĐQT chấp thuận.
2. Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lần thứ hai được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên HĐQT dự họp.

Điều 22. Cách thức biểu quyết

1. Trừ quy định tại điểm b khoản 13 Điều 32 Điều lệ Công ty, mỗi Thành viên HĐQT hoặc người được ủy quyền trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp HĐQT chỉ có một (01) phiếu biểu quyết;
2. Thành viên HĐQT không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Thành viên HĐQT không được tính vào tỷ lệ thành viên tối thiểu có mặt để có thể tổ chức cuộc họp HĐQT về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;
3. Theo quy định tại Điểm d, khoản 13 Điều 32 Điều lệ Công ty, khi có vấn đề phát sinh trong một cuộc họp của HĐQT liên quan đến lợi ích của Thành viên HĐQT hoặc liên quan đến quyền biểu quyết một thành viên nào đó, mà những vấn đề này không được giải quyết bằng việc Thành viên HĐQT có liên quan tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết của mình, thì những vấn đề phát sinh đó được chuyển tới cho Chủ tọa cuộc họp quyết định. Phán quyết của Chủ tọa về vấn đề này có giá trị là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp bản chất hoặc phạm vi lợi ích của Thành viên HĐQT liên quan chưa được công bố đầy đủ;
4. Thành viên HĐQT hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại điểm a và điểm b khoản 3 Điều 41 Điều lệ Công ty được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó;
5. Kiểm soát viên có quyền dự cuộc họp HĐQT, có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

Điều 23. Cách thức thông qua nghị quyết của HĐQT

1. HĐQT thông qua các quyết định và ra nghị quyết trên cơ sở đa số thành viên HĐQT dự họp tán thành. Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, phiếu biểu quyết của Chủ tịch HĐQT là phiếu quyết định.
2. Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên HĐQT có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp.

Điều 24. Ghi biên bản họp HĐQT

Biên bản họp HĐQT phải được ghi đầy đủ, trung thực. HĐQT có thể yêu cầu một thành viên HĐQT hoặc một người khác làm thư ký ghi biên bản họp.

Điều 25. Thông báo nghị quyết HĐQT

Nghị quyết HĐQT phải được thông báo tới các bên có liên quan theo quy định tại Điều lệ công ty.

Điều 26. Các tiểu ban thuộc HĐQT

HĐQT có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ. Số lượng thành viên của tiểu ban do HĐQT quyết định, nhưng nên có ít nhất ba (03) người bao gồm thành viên của HĐQT và thành viên bên ngoài. Các thành viên độc lập HĐQT/thành viên HĐQT không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của HĐQT. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của HĐQT. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban là thành viên HĐQT.

Điều 27. Nguyên tắc hoạt động của các tiểu ban

Việc thực thi quyết định của HĐQT, hoặc của tiểu ban trực thuộc HĐQT, hoặc của người có tư cách thành viên tiểu ban HĐQT phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty.

CHƯƠNG V: KIỂM SOÁT VIÊN

Điều 28. Tiêu chuẩn Kiểm soát viên

Kiểm soát viên phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 169 Luật doanh nghiệp, Điều lệ công ty và không thuộc các trường hợp sau:

1. Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của công ty;
2. Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong ba (03) năm liền trước đó.

Điều 29. Cách thức cổ đông, nhóm cổ đông ứng cử, đề cử người vào vị trí Kiểm soát viên

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử ứng cử viên BKS theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ mười phần trăm (10%) đến dưới hai mươi phần trăm (20%) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ hai mươi phần trăm (20%) đến dưới ba mươi phần trăm (30%) được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ ba mươi phần trăm (30%) đến dưới bốn mươi phần trăm (40%) được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ bốn mươi phần trăm (40%) đến dưới năm mươi phần trăm (50%) được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ năm mươi phần trăm (50%) đến dưới sáu mươi phần trăm (60%) được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ sáu mươi phần trăm (60%) đến dưới bảy mươi phần trăm (70%) được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ bảy mươi phần trăm (70%) đến tám mươi phần trăm (80%) được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ tám mươi phần trăm (80%) trở lên được đề cử tối đa ứng viên.

2. Trường hợp số lượng các ứng viên BKS thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, BKS đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế quy định tại Điều lệ công ty và Quy chế này. Cơ chế BKS đương nhiệm đề cử ứng viên BKS phải được công bố rõ ràng và phải được ĐHĐCĐ thông qua trước khi tiến hành đề cử.

Điều 30. Cách thức bầu kiểm soát viên

Việc biểu quyết bầu BKS phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của BKS và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Kiểm soát viên được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ hai (02) ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của BKS thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.

Điều 31. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên

1. Kiểm soát viên bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:
 - a. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại Luật doanh nghiệp;

- b. Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong sáu (06) tháng liên tục mà không được sự chấp thuận của BKS;
- c. Có đơn từ chức và được chấp thuận;
- 2. Kiểm soát viên bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:
 - a. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
 - b. Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của Kiểm soát viên quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty;
 - c. Theo quyết định của ĐHĐCĐ;

Điều 32. Thông báo về việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên

Thông báo về việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên theo quy định tại Điều lệ Công ty và quy định pháp luật chứng khoán.

CHƯƠNG VII: NGƯỜI ĐIỀU HÀNH DOANH NGHIỆP

Điều 33. Các tiêu chuẩn của người điều hành doanh nghiệp

1. Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước HĐQT và chịu sự giám sát, chỉ đạo của HĐQT trong công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty. Công ty có Tổng giám đốc, các Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý khác do HĐQT bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thông qua bằng nghị quyết HĐQT.
2. Người điều hành doanh nghiệp phải có trách nhiệm miễn cán để hỗ trợ Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.

Điều 34. Tổng giám đốc

1. HĐQT bổ nhiệm một (01) thành viên HĐQT hoặc một người khác làm Tổng giám đốc; ký hợp đồng trong đó quy định thù lao, tiền lương và lợi ích khác. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của Tổng giám đốc phải được báo cáo tại ĐHĐCĐ thường niên, được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính năm và được nêu trong Báo cáo thường niên của Công ty.
2. Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc không quá năm (05) năm và có thể được tái bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động. Tổng giám đốc không phải là người mà pháp luật cấm giữ chức vụ này và phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.
3. Tổng giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:
 - a. Thực hiện các nghị quyết của HĐQT và ĐHĐCĐ, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được HĐQT và ĐHĐCĐ thông qua;
 - b. Quyết định các vấn đề mà không cần phải có quyết định của HĐQT, bao gồm việc thay mặt Công ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại, tổ chức và điều hành hoạt động kinh doanh hàng ngày của Công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất;
 - c. Kiến nghị với HĐQT về phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;
 - d. Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty;
 - e. Kiến nghị số lượng và người điều hành doanh nghiệp mà Công ty cần tuyển dụng để HĐQT bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm theo quy chế nội bộ và kiến nghị thù lao, tiền lương và lợi ích khác đối với người điều hành doanh nghiệp để HĐQT quyết định;
 - f. Tham khảo ý kiến của HĐQT để quyết định số lượng người lao động, việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, mức lương, trợ cấp, lợi ích, và các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động của họ;
 - g. Vào ngày 31 tháng 11 hàng năm, trình HĐQT phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính năm (05) năm;
 - h. Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty theo kế hoạch

kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính phải được trình đề HĐQT thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Công ty;

i. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty, các quy chế nội bộ của Công ty, các nghị quyết của HĐQT, hợp đồng lao động ký với Công ty.

4. Tổng giám đốc chịu trách nhiệm trước HĐQT và ĐHĐCĐ về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cấp này khi được yêu cầu.

5. HĐQT có thể miễn nhiệm Tổng giám đốc khi đa số thành viên HĐQT có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Tổng giám đốc mới thay thế.

Điều 35. Việc bổ nhiệm người điều hành doanh nghiệp khác

Theo đề nghị của Tổng giám đốc và được sự chấp thuận của HĐQT, Công ty được tuyển dụng người điều hành khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Công ty do HĐQT quy định.

Điều 36. Ký hợp đồng lao động với người điều hành doanh nghiệp

Công ty ký hợp đồng lao động với người điều hành doanh nghiệp theo quy định của pháp luật lao động.

Điều 37. Các trường hợp miễn nhiệm người điều hành doanh nghiệp

Người điều hành doanh nghiệp bị miễn nhiệm trong các trường hợp theo quy định tại Điều lệ Công ty và hợp đồng lao động đã ký kết.

Điều 38. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm người điều hành doanh nghiệp

Thông báo về việc bổ nhiệm, miễn nhiệm người điều hành doanh nghiệp theo quy định tại Điều lệ Công ty và quy định pháp luật chứng khoán.

CHƯƠNG VIII: PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮ HDQT, BKS VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC

Điều 39. Phối hợp hoạt động giữa HDQT và BKS

1. Trách nhiệm của HDQT trong mối quan hệ phối hợp với BKS
 - a. Thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo được gửi đến các thành viên BKS cùng thời gian gửi đến các thành viên HDQT;
 - b. Các nghị quyết của HDQT được gửi đến BKS (đồng thời với thời điểm gửi Tổng giám đốc) trong thời hạn theo quy định tại Quy chế này và Điều lệ Công ty;
 - c. Khi BKS đề xuất lựa chọn Kiểm toán độc lập, HDQT phải phản hồi ý kiến theo quy định tại Quy chế này và Điều lệ Công ty;
 - d. Các nội dung khác cần xin ý kiến của BKS phải được gửi trong thời hạn quy định và BKS có trách nhiệm phản hồi theo đúng quy định tại Quy chế này và Điều lệ công ty.
2. Trách nhiệm của BKS trong mối quan hệ phối hợp với HDQT
 - a. Thường xuyên thông báo với HDQT về kết quả hoạt động, tham khảo ý kiến của HDQT trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên ĐHCĐ;
 - b. Trong các cuộc họp của BKS, BKS có quyền yêu cầu thành viên HDQT (cùng lúc yêu cầu Tổng giám đốc điều hành, thành viên kiểm toán nội bộ (nếu có) và kiểm toán viên độc lập) tham dự và trả lời các vấn đề mà thành viên BKS quan tâm;
 - c. Cuộc kiểm tra định kỳ, đột xuất của BKS phải có kết luận bằng căn bản (không trễ hơn 15 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc) gửi cho HDQT để có thêm cơ sở giúp HDQT trong công tác quản lý Công ty. Tùy mức độ và kết quả của cuộc kiểm tra trên, BKS cần phải bàn bạc thống nhất với HDQT, Tổng giám đốc trước khi báo cáo trước ĐHCĐ. Trường hợp không thống nhất quan điểm thì được ủy quyền bảo lưu ý kiến ghi vào biên bản và trường BKS có trách nhiệm báo cáo với ĐHCĐ gần nhất;
 - d. Trường hợp BKS phát hiện những hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của các thành viên HDQT, BKS thông báo bằng văn bản tới HDQT trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm pháp luật chấm dứt vi phạm và có biện pháp khắc phục hậu quả đồng thời BKS có trách nhiệm báo cáo trước ĐHCĐ đồng thời báo cáo, công bố thông tin theo quy định của pháp luật hiện hành;
 - e. Đối với các kiến nghị liên quan đến tình hình hoạt động và tài chính của công ty thì BKS phải gửi văn bản và tài liệu liên quan trước ít nhất mười lăm (15) ngày làm việc so với ngày dự định nhận được phản hồi.
 - f. Các nội dung khác cần xin ý kiến của HDQT phải được gửi trước ít nhất là 7 ngày làm việc và HDQT sẽ phản hồi trong vòng bảy (7) ngày làm việc.

Điều 40. Phối hợp hoạt động giữa HDQT và Tổng giám đốc

1. Đối với công tác tổ chức cuộc họp ĐHCĐ thường niên, HDQT phải thông báo cho Tổng giám đốc về việc phối hợp, sử dụng nguồn lực trong thời hạn hợp lý theo quy định tại Điều

lệ Công ty.

2. Trong trường hợp cấp thiết, HĐQT có quyền yêu cầu Tổng giám đốc, cán bộ điều hành khác trong công ty cung cấp các thông tin về hoạt động của công ty, trừ các thông tin đã được công bố trong các báo cáo hoặc Website của Công ty. HĐQT không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.

3. Các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT phê duyệt theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty mà được Tổng giám đốc đề xuất phải được HĐQT phản hồi trong thời hạn theo quy định của Điều lệ Công ty.

4. Hội đồng quản trị quyết định khen thưởng hoặc kỷ luật đối với việc hoàn thành hoặc không hoàn thành thực hiện nghị quyết và các vấn đề ủy quyền khác của HĐQT đối với Tổng giám đốc.

Điều 41. Việc tiếp cận thông tin

1. Việc tiếp cận thông tin và tài liệu của Công ty, BKS có nghĩa vụ nêu lý do trong văn bản yêu cầu cung cấp và bảo mật tuyệt đối các thông tin thu thập trong quá trình giám sát hoạt động công ty. Việc tiết lộ các thông tin này chỉ được phép thực hiện khi có yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền nhưng phải thông báo cho HĐQT trước khi cung cấp hoặc các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

2. Các thông tin và tài liệu này bao gồm:

- a. Thông báo mời họp cùng tài liệu liên quan, phiếu lấy ý kiến thành viên HĐQT;
- b. Biên bản, Nghị quyết của HĐQT;
- c. Báo cáo của Tổng giám đốc;
- d. Thông tin, tài liệu về quản lý, báo cáo tài chính;
- e. Báo cáo đánh giá công tác quản lý của HĐQT;
- f. Tài liệu khác liên quan.

Điều 42. Phối hợp hoạt động giữa BKS và Tổng giám đốc

BKS có chức năng kiểm tra và giám sát.

1. Trong các cuộc họp của BKS, BKS có quyền yêu cầu Tổng giám đốc (cùng lúc yêu cầu cả thành viên HĐQT và thành viên kiểm toán nội bộ (nếu có) và kiểm toán viên độc lập) tham dự và trả lời các vấn đề mà các thành viên BKS quan tâm;

2. Cuộc kiểm tra định kỳ, đột xuất của BKS phải có kết luận bằng văn bản (không trễ hơn 15 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc) gửi cho Tổng giám đốc để có thêm cơ sở giúp Tổng giám đốc trong công tác quản lý Công ty. Tùy theo mức độ và kết quả của cuộc kiểm tra trên, BKS cần phải bàn bạc thống nhất với Tổng giám đốc trước khi báo cáo trước ĐHĐCĐ. Trường hợp không thống nhất quan điểm thì được ủy quyền bảo lưu ý kiến ghi vào biên bản và Trưởng BKS có trách nhiệm báo cáo với ĐHĐCĐ gần nhất;

3. Trường hợp BKS phát hiện những hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm điều lệ công ty của Tổng giám đốc, BKS thông báo bằng văn bản với Tổng giám đốc trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả đồng thời BKS có trách nhiệm báo cáo trước ĐHĐCĐ đồng thời công bố thông tin theo quy định của pháp luật hiện hành;
4. Thành viên BKS có quyền yêu cầu Tổng giám đốc tạo điều kiện tiếp cận hồ sơ, tài liệu liên quan đến hoạt động kinh doanh của công ty tại Trụ sở chính hoặc nơi lưu trữ hồ sơ;
5. Đối với thông tin, tài liệu về quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh và báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính, văn bản yêu cầu của BKS phải được gửi đến công ty trước ít nhất bốn mươi tám (48) giờ. BKS không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.
6. Các nội dung khác cần xin ý kiến của Tổng giám đốc: phải được gửi trước ít nhất là bảy (7) ngày làm việc và Tổng giám đốc sẽ phản hồi trong vòng bảy (7) ngày làm việc.

Điều 43. Phối hợp giữa Tổng giám đốc và HĐQT, BKS

1. Tổng giám đốc là người thay mặt điều hành hoạt động của công ty, đảm bảo công ty hoạt động liên tục và hiệu quả;
2. Tổng giám đốc chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ và HĐQT về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn và phải báo cáo các cơ quan này khi được yêu cầu;
3. Khi có đề xuất các biện pháp nhằm nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty, Tổng giám đốc gửi cho HĐQT sớm nhất có thể nhưng không ít hơn bảy (7) ngày trước ngày nội dung đó cần được quyết định;
4. Tổng giám đốc phải lập kế hoạch để HĐQT thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động thôi việc, lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và cán bộ quản lý;
5. Các nội dung khác cần xin ý kiến của HĐQT phải được gửi trước ít nhất là năm (5) ngày làm việc và HĐQT sẽ phản hồi trong vòng ba (3) ngày.

CHƯƠNG IX. NGƯỜI PHỤ TRÁCH QUẢN TRỊ CÔNG TY

Điều 44. Tiêu chuẩn của người phụ trách quản trị công ty

Người phụ trách quản trị công ty phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau:

1. Có hiểu biết về pháp luật;
2. Không được đồng thời làm việc cho công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty;
3. Các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và quyết định của HĐQT.

Điều 45. Quyền và nghĩa vụ của người phụ trách quản trị công ty

1. Tư vấn HĐQT trong việc tổ chức họp ĐHĐCĐ theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;
2. Chuẩn bị các cuộc họp HĐQT, BKS và ĐHĐCĐ theo yêu cầu của HĐQT hoặc BKS;
3. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
4. Tham dự các cuộc họp;
5. Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của HĐQT phù hợp với quy định của pháp luật;
6. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp HĐQT và các thông tin khác cho thành viên của HĐQT và Kiểm soát viên;
7. Giám sát và báo cáo HĐQT về hoạt động công bố thông tin của công ty;
8. Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;
9. Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;
10. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

Điều 46. Việc bổ nhiệm người phụ trách quản trị công ty

Hội đồng quản trị chỉ định ít nhất một (01) người làm Người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ hoạt động quản trị công ty được tiến hành một cách có hiệu quả. Nhiệm kỳ của Người phụ trách quản trị công ty do Hội đồng quản trị quyết định, tối đa là năm (05) năm. Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp.

Điều 47. Các trường hợp miễn nhiệm người phụ trách quản trị công ty

HQĐT có thể bãi nhiệm Người phụ trách quản trị công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. HĐQT có thể bổ nhiệm Trợ lý Người phụ trách quản trị Công ty tùy từng thời điểm.

Điều 48. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm người phụ trách quản trị công ty

Thông báo về việc bổ nhiệm, miễn nhiệm người phụ trách quản trị công ty theo quy định tại Điều lệ Công ty và quy định pháp luật chứng khoán.

CHƯƠNG X: TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 49. Trách nhiệm chung của người điều hành công ty

1. Thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc Công ty và người điều hành khác đều có những trách nhiệm chung sau đây:

a. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao theo đúng quy định của pháp luật hiện hành, Điều lệ của Công ty và các nghị quyết của ĐHĐCĐ;

b. Luôn mãi cán thực hiện nhiệm vụ của mình một cách cẩn trọng, trung thực, tốt nhất, nhằm bảo vệ lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty;

c. Trung thành với lợi ích của Công ty và cổ đông; không được phép sử dụng những thông tin, bí quyết kinh doanh, cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Công ty, địa vị, chức vụ và tài sản của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích vì mục đích cá nhân; đồng thời không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi hay phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác;

d. Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho Công ty biết về doanh nghiệp mà bản thân mình và những người có liên quan làm chủ hoặc có cổ phần, cổ phần chi phối để niêm yết tại trụ sở chính và chi nhánh Công ty; Thông báo cho HĐQT tất cả các lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của Công ty mà họ có thể được hưởng thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác. Trường hợp cá nhân hoặc doanh nghiệp và/hoặc người có liên quan của người nội bộ Công ty có sở hữu cổ phần của Công ty thì phải báo cáo và được HĐQT phê duyệt trước khi công bố thông tin giao dịch.

2. Công ty không được cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các Thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc Công ty, các cán bộ quản lý khác và những người có liên quan tới đối tượng này hoặc pháp nhân mà những người này có các lợi ích tài chính, trừ trường hợp các khoản vay hoặc bảo lãnh đó đã được ĐHĐCĐ chấp thuận.

3. Hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều Thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc Công ty, người điều hành khác hoặc những người liên quan đến họ hoặc công ty, đối tác, hiệp hội, hoặc tổ chức mà Thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc Công ty, người điều hành khác hoặc những người liên quan đến họ là thành viên hay tuy có liên quan lợi ích tài chính nhưng không bị vô hiệu hoá trong các trường hợp sau đây:

a. Đối với hợp đồng, giao dịch có giá trị từ dưới hai mươi phần trăm (20%) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những yếu tố quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của cán bộ quản lý hoặc Thành viên HĐQT đã được báo cáo cho HĐQT hoặc tiểu ban chuyên môn liên quan. Đồng thời, HĐQT hoặc tiểu ban chuyên môn liên quan đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch đó một cách trung thực bằng đa số phiếu tán thành của những Thành viên HĐQT không có lợi ích liên quan;

b. Đối với những hợp đồng, giao dịch có giá trị bằng hoặc lớn hơn hai mươi phần trăm (20%) của tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những yếu tố quan trọng

về hợp đồng hoặc giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của cán bộ quản lý quan trọng của Công ty đã được công bố cho các cổ đông không có lợi ích liên quan có quyền biểu quyết về vấn đề đó và những cổ đông đó đã bỏ phiếu tán thành hợp đồng hoặc giao dịch này;

c. Hợp đồng hoặc giao dịch đó được một tổ chức tư vấn độc lập cho là công bằng và hợp lý xét trên mọi phương diện liên quan đến các cổ đông của công ty vào thời điểm giao dịch hoặc hợp đồng này được HĐQT hoặc một tiểu ban chuyên môn trực thuộc HĐQT hay các cổ đông cho phép thực hiện.

Thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc Công ty, người điều hành khác và những người có liên quan với các thành viên nêu trên không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của Công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện giao dịch có liên quan.

Điều 50. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

1. Thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc Công ty và người điều hành khác vi phạm quy định nói tại Điều 41 - Điều lệ Công ty phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra cho Công ty.

2. Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu ít nhất một phần trăm (01%) số cổ phần phổ thông liên tục trong thời hạn sáu (06) tháng có quyền tự mình hoặc nhân danh Công ty khởi kiện dân sự đối với Thành viên HĐQT, Tổng giám đốc Công ty trong các trường hợp:

a. Vi phạm trách nhiệm, nghĩa vụ của người quản lý quy định tại Điều 41 - Điều lệ này;

b. Không thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ được giao hoặc không thực hiện, thực hiện không đầy đủ, không kịp thời nghị quyết, quyết định của HĐQT, gây tổn hại đến các quyền, quyền lợi hợp pháp của cổ đông hay của Công ty;

c. Sử dụng những thông tin, bí quyết kinh doanh, cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Công ty, địa vị, chức vụ và tài sản của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác;

d. Các trường hợp khác do pháp luật quy định.

3. Trình tự, thủ tục khởi kiện và chi trả chi phí, án phí được thực hiện theo quy định của pháp luật liên quan.

4. Công ty chịu trách nhiệm bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là Thành viên HĐQT, người điều hành khác, nhân viên hoặc là đại diện được Công ty ủy quyền hoặc người đó đã hoặc đang làm theo yêu cầu của Công ty với tư cách Thành viên HĐQT, người điều hành khác, nhân viên hoặc đại diện theo ủy quyền của Công ty với điều kiện người đó chứng minh được là đã không vi phạm các quy định về quyền hạn, nghĩa vụ và trách nhiệm của cá nhân họ trong Điều lệ này.

5. Khi thực hiện chức năng, nhiệm vụ hoặc thực thi các công việc theo ủy quyền của Công ty, Thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, người điều hành khác, nhân viên hoặc là đại diện theo ủy quyền của Công ty sẽ được Công ty bồi thường nếu trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (trừ các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) trong các trường hợp sau:

- a. Đã hành động trung thực, cẩn trọng, miễn cán hợp lý vì lợi ích và không mâu thuẫn với lợi ích của Công ty;
- b. Tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận đã không thực hiện trách nhiệm của mình.

Chi phí bồi thường bao gồm các chi phí phát sinh (kể cả phí thuê luật sư), án phí, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế được coi là hợp lý khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người đó để tránh những trách nhiệm bồi thường như vậy.

CHƯƠNG XI: SỬA ĐỔI QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

Điều 51. Sửa đổi Quy chế nội bộ về quản trị công ty

1. Việc sửa đổi, bổ sung, thay thế Quy chế này sẽ do HĐQT xem xét và quyết định.
2. Trong trường hợp những quy định của Pháp luật có liên quan đến hoạt động của công ty chưa được đề cập trong bản Quy chế này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của Pháp luật khác với những điều khoản trong Quy chế này thì những quy định của Pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của công ty.

CHƯƠNG XII: NGÀY HIỆU LỰC

Điều 52. Ngày hiệu lực

1. Quy chế này gồm 12 chương 52 điều, được ĐHCĐ thông qua ngày 18 tháng 3 năm 2022.
2. Quy chế này là duy nhất và chính thức của Công ty.
3. Các bản sao hoặc trích lục Quy chế quản trị công ty phải có chữ ký của Chủ tịch HĐQT hoặc ít nhất một nửa (1/2) tổng số thành viên HĐQT mới có giá trị.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XÉP DỠ HẢI AN

Tầng 7, số 45, phố Triệu Việt Vương, p. Nguyễn Du, q. Hai Bà Trưng, HN

DỰ THẢO

QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



THÁNG 3 NĂM 2022

MỤC LỤC

CHƯƠNG I: QUY ĐỊNH CHUNG	2
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng	2
Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Hội đồng quản trị.....	2
CHƯƠNG II: THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	3
Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị.....	3
Điều 4. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị	3
Điều 5. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị.....	3
Điều 6. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Hội đồng quản trị.....	4
Điều 7. Chủ tịch Hội đồng quản trị.....	4
Điều 8. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị	5
Điều 9. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị.....	6
Điều 10. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị	7
CHƯƠNG III: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	8
Điều 11. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị.....	8
Điều 12. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị trong việc phê duyệt, ký kết hợp đồng giao dịch	8
Điều 13. Trách nhiệm của Hội đồng quản trị trong việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường	9
Điều 14. Các tiểu ban giúp việc Hội đồng quản trị	9
CHƯƠNG IV: CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	11
Điều 15. Cuộc họp Hội đồng quản trị.....	11
Điều 16. Biên bản họp Hội đồng quản trị	12
CHƯƠNG V: BÁO CÁO, CÔNG KHAI CÁC LỢI ÍCH	14
Điều 17. Trình báo cáo hằng năm	14
Điều 18. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị.....	14
Điều 19. Công khai các lợi ích liên quan.....	15
CHƯƠNG VI: MỐI QUAN HỆ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	16
Điều 20. Mối quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị	16
Điều 21. Mối quan hệ với ban điều hành	16
Điều 22. Mối quan hệ với Ban Kiểm soát hoặc Ủy ban kiểm toán	16
CHƯƠNG VII: ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH	17
Điều 23. Sửa đổi, bổ sung quy chế.....	17
Điều 24. Hiệu lực thi hành.....	17

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 0203-2022/NQ-ĐHĐCĐ
ngày 18/3/2022 của ĐHĐCĐ)

CHƯƠNG I: QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

- Phạm vi điều chỉnh: Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, nguyên tắc hoạt động, quyền hạn, nghĩa vụ của Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị nhằm hoạt động theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và các quy định khác của pháp luật có liên quan.
- Đối tượng áp dụng: Quy chế này được áp dụng cho Hội đồng quản trị, các thành viên Hội đồng quản trị.

Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Hội đồng quản trị

- Hội đồng quản trị làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên của Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị đối với sự phát triển của Công ty.
- Hội đồng quản trị giao trách nhiệm cho Tổng giám đốc tổ chức điều hành thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

CHƯƠNG II: THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị có đầy đủ các quyền theo quy định của Luật Chứng khoán, pháp luật liên quan và Điều lệ công ty, trong đó có quyền được cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của các đơn vị trong Công ty.
2. Thành viên Hội đồng quản trị có nghĩa vụ theo quy định tại Điều lệ công ty và các nghĩa vụ sau:
 - a. Thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của cổ đông và của Công ty;
 - b. Tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị và có ý kiến về các vấn đề được đưa ra thảo luận;
 - c. Báo cáo kịp thời, đầy đủ với Hội đồng quản trị các khoản thù lao nhận được từ các công ty con, công ty liên kết và các tổ chức khác;
 - d. Báo cáo Hội đồng quản trị tại cuộc họp gần nhất các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;
 - e. Thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của Công ty theo quy định của pháp luật.
3. Thành viên Hội đồng quản trị độc lập của công ty niêm yết phải lập báo cáo đánh giá về hoạt động của Hội đồng quản trị

Điều 4. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Tổng giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, người quản lý khác trong Công ty cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của đơn vị trong Công ty.
2. Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị. Trình tự, thủ tục yêu cầu và cung cấp thông tin do Điều lệ công ty quy định.

Điều 5. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị

1. Số lượng Thành viên HĐQT là từ năm (05) đến mười một (11) người.
2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị độc lập của một công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục.
3. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác.

4. Điều lệ công ty quy định cụ thể số lượng, quyền, nghĩa vụ, cách thức tổ chức và phối hợp hoạt động của các thành viên Hội đồng quản trị độc lập

Điều 6. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

- a. Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp;
- b. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của Công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác;
- c. Thành viên Hội đồng quản trị Công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của công ty khác;
- d. Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo pháp luật và Điều lệ công ty.

2. Thành viên Hội đồng quản trị độc lập theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 137 Luật Doanh nghiệp phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

- a. Không phải là người đang làm việc cho Công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của Công ty; không phải là người đã từng làm việc cho Công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của Công ty ít nhất trong 03 năm liền trước đó;
- b. Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ công ty, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên Hội đồng quản trị được hưởng theo quy định;
- c. Không phải là người có vợ hoặc chồng, bố đẻ, bố nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của Công ty; là người quản lý của Công ty hoặc công ty con của Công ty;
- d. Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất 01% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty;
- e. Không phải là người đã từng làm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của Công ty ít nhất trong 05 năm liền trước đó, trừ trường hợp được bổ nhiệm liên tục 02 nhiệm kỳ;
- f. Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo pháp luật và Điều lệ công ty.

3. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải thông báo với Hội đồng quản trị về việc không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại khoản 2 Điều này và đương nhiên không còn là thành viên độc lập Hội đồng quản trị kể từ ngày không đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện. Hội đồng quản trị phải thông báo trường hợp thành viên độc lập Hội đồng quản trị không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất hoặc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên độc lập Hội đồng quản trị trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày nhận được thông báo của thành viên độc lập Hội đồng quản trị có liên quan.

Điều 7. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty không được kiêm Tổng giám đốc.
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:
 - a. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;
 - b. Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;
 - c. Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
 - d. Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
 - e. Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
 - f. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.
4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị bãi miễn, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị bãi miễn. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.
5. Khi xét thấy cần thiết, Hội đồng quản trị quyết định bổ nhiệm thư ký công ty. Thư ký công ty có quyền và nghĩa vụ sau đây:
 - a. Hỗ trợ tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; ghi chép các biên bản họp;
 - b. Hỗ trợ thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;
 - c. Hỗ trợ Hội đồng quản trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị công ty;
 - d. Hỗ trợ Công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của cổ đông; việc tuân thủ nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính;
 - e. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ công ty:

Điều 8. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:
 - a. Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 155 Luật Doanh nghiệp;
 - b. Có đơn từ chức và được chấp thuận;
 - c. Trường hợp khác quy định tại Điều lệ công ty.

2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:
 - a. Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - b. Trường hợp khác quy định tại Điều lệ công ty.
3. Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên Hội đồng quản trị; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ngoài trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.
4. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:
 - a. Số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba so với số quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba;
 - b. Số lượng thành viên độc lập Hội đồng quản trị giảm xuống, không bảo đảm tỷ lệ theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 137 Luật doanh nghiệp;
 - c. Trừ trường hợp quy định tại điểm a và điểm b khoản này, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.

Điều 9. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên hoặc có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị. Trường hợp [Điều lệ công ty không có quy định khác] thì việc đề cử người vào Hội đồng quản trị thực hiện như sau:
 - a. Các cổ đông phổ thông họp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;
 - b. Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị và các cổ đông khác đề cử.
2. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.
3. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng

cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.

4. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định theo nguyên tắc bỏ phiếu.

Điều 10. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:

- a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b. Trình độ chuyên môn;
- c. Quá trình công tác;
- d. Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);
- e. Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
- f. Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty;
- g. Công ty đại chúng phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).

2. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.

CHƯƠNG III: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 11. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị được quy định tại Điều 29 Điều lệ công ty và các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Pháp luật.
3. Trừ khi pháp luật và Điều lệ Công ty có quy định khác, Hội đồng quản trị có thể ủy quyền/phân cấp/giao cho Chủ tịch Hội đồng quản trị, các cơ quan trực thuộc Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc thực hiện các quyền hạn của Hội đồng quản trị.
4. Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác do Điều lệ công ty quy định. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết.
5. Trường hợp nghị quyết, quyết định do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Điều lệ công ty gây thiệt hại cho Công ty thì các thành viên tán thành thông qua nghị quyết, quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về nghị quyết, quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho Công ty; thành viên phản đối thông qua nghị quyết, quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trường hợp này, cổ đông của Công ty có quyền yêu cầu Tòa án đình chỉ thực hiện hoặc hủy bỏ nghị quyết, quyết định nói trên.

Điều 12. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị trong việc phê duyệt, ký kết hợp đồng giao dịch

1. Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng, giao dịch có giá trị nhỏ hơn 35% hoặc giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất hoặc một tỷ lệ, giá trị khác nhỏ hơn theo quy định tại Điều lệ công ty giữa Công ty với một trong các đối tượng sau:
 - Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người quản lý khác và người có liên quan của các đối tượng này;
 - Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng vốn cổ phần phổ thông của Công ty và những người có liên quan của họ;
 - Doanh nghiệp có liên quan đến các đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp.
2. Người đại diện Công ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng, giao dịch trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định một thời hạn khác; thành viên Hội đồng quản trị có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết.

Điều 13. Trách nhiệm của Hội đồng quản trị trong việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

1. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

- a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
- b. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;
- c. Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;
- d. Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;
- e. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

2. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày số lượng thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban Kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định tại Điều lệ công ty hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 1 Điều này;

3. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:

- a. Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp;
- b. Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông;
- c. Lập chương trình và nội dung cuộc họp;
- d. Chuẩn bị tài liệu cho cuộc họp;
- e. Dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát;
- f. Xác định thời gian và địa điểm họp;
- g. Gửi thông báo mời họp đến từng cổ đông có quyền dự họp theo quy định Luật doanh nghiệp;
- h. Các công việc khác phục vụ cuộc họp.

Điều 14. Các tiêu chuẩn giúp việc Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định có tối thiểu là ba (03) người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên độc lập Hội đồng quản trị/thành viên Hội đồng quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của tiểu

ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.

2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

CHƯƠNG IV: CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 15. Cuộc họp Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- a. Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị;
- b. Có đề nghị của Giám đốc hoặc Tổng giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;
- c. Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị;
- d. Trường hợp khác do Điều lệ công ty quy định.

4. Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là ba (03) ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Điều lệ công ty quy định và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.

7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị. Thành viên Ban Kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

8. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn bảy (07 ngày) kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

9. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:
- a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
 - b. Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 11 Điều này;
 - c. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
 - d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;
10. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.
11. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.
12. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.;
13. Nghị quyết thông qua bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản: Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp.

Điều 16. Biên bản họp Hội đồng quản trị

1. Các cuộc họp Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:
- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - b. Thời gian, địa điểm họp;
 - c. Mục đích, chương trình và nội dung họp;
 - d. Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
 - e. Vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
 - f. Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;
 - g. Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
 - h. Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
 - i. Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g và h khoản 1 Điều này thì biên bản này có hiệu lực.
3. Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.
4. Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.
5. Biên bản lập bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

CHƯƠNG V: BÁO CÁO, CÔNG KHAI CÁC LỢI ÍCH

Điều 17. Trình báo cáo hằng năm

1. Kết thúc năm tài chính, Hội đồng quản trị phải trình Đại hội đồng cổ đông báo cáo sau đây:
 - a. Báo cáo kết quả kinh doanh của Công ty;
 - b. Báo cáo tài chính;
 - c. Báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành Công ty;
 - d. Báo cáo thẩm định của Ban Kiểm soát.
2. Báo cáo quy định tại các điểm a, b và c khoản 1 Điều này phải được gửi đến Ban kiểm soát để thẩm định chậm nhất là 30 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên nếu Điều lệ công ty không có quy định khác.
3. Báo cáo quy định tại các khoản 1, 2 Điều này, báo cáo thẩm định của Ban kiểm soát và báo cáo kiểm toán phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty chậm nhất là 10 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên nếu Điều lệ công ty không quy định thời hạn khác dài hơn. Cổ đông sở hữu cổ phần của Công ty liên tục ít nhất 01 năm có quyền tự mình hoặc cùng với luật sư, kế toán viên, kiểm toán viên có chứng chỉ hành nghề trực tiếp xem xét báo cáo quy định tại Điều này.

Điều 18. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.
2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.
3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.
4. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.
5. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ công ty.

Điều 19. Công khai các lợi ích liên quan

Trường hợp Điều lệ công ty không có quy định khác chặt chẽ hơn, việc công khai lợi ích và người có liên quan của Công ty thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Hội đồng quản trị của Công ty phải kê khai cho công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:
 - a. Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ có sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;
 - b. Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.
2. Việc kê khai quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Công ty trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.
3. Thành viên Hội đồng quản trị nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của Công ty đều phải giải trình bản chất, nội dung của công việc đó trước Hội đồng quản trị và chỉ được thực hiện khi được đa số thành viên còn lại của Hội đồng quản trị chấp thuận; nếu thực hiện mà không khai báo hoặc không được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị thì tất cả thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về Công ty.

CHƯƠNG VI: MỐI QUAN HỆ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 20. Mối quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị

1. Quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị là quan hệ phối hợp, các thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm thông tin cho nhau về vấn đề có liên quan trong quá trình xử lý công việc được phân công.
2. Trong quá trình xử lý công việc, thành viên Hội đồng quản trị được phân công chịu trách nhiệm chính phải chủ động phối hợp xử lý, nếu có vấn đề liên quan đến lĩnh vực do thành viên Hội đồng quản trị khác phụ trách. Trong trường hợp giữa các thành viên Hội đồng quản trị còn có ý kiến khác nhau thì thành viên chịu trách nhiệm chính báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị xem xét quyết định theo thẩm quyền hoặc tổ chức họp hoặc lấy ý kiến của các thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và Quy chế này.
3. Trong trường hợp có sự phân công lại giữa các thành viên Hội đồng quản trị thì các thành viên Hội đồng quản trị phải bàn giao công việc, hồ sơ, tài liệu liên quan. Việc bàn giao này phải được lập thành văn bản và báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị về việc bàn giao đó;

Điều 21. Mối quan hệ với ban điều hành

Với vai trò quản trị, Hội đồng quản trị ban hành các nghị quyết để Tổng giám đốc và bộ máy điều hành thực hiện. Đồng thời, Hội đồng quản trị kiểm tra, giám sát thực hiện các nghị quyết.

Điều 22. Mối quan hệ với Ban Kiểm soát

1. Mối quan hệ giữa Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát là quan hệ phối hợp. Quan hệ làm việc giữa Hội đồng quản trị với Ban Kiểm soát theo nguyên tắc bình đẳng và độc lập, đồng thời phối hợp chặt chẽ, hỗ trợ lẫn nhau trong quá trình thực thi nhiệm vụ.
2. Khi tiếp nhận các biên bản kiểm tra hoặc báo cáo tổng hợp của Ban Kiểm soát, Hội đồng quản trị có trách nhiệm nghiên cứu và chỉ đạo các bộ phận có liên quan xây dựng kế hoạch và thực hiện chấn chỉnh kịp thời.

CHƯƠNG VII: ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 23. Sửa đổi, bổ sung quy chế

1. Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm đề xuất sửa đổi, bổ sung Quy chế này khi thấy cần thiết cho phù hợp với hoạt động kinh doanh của Công ty, phù hợp với các quy định hiện hành của pháp luật;
2. Trong trường hợp các quy định của pháp luật, quy định của Điều lệ Công ty liên quan đến Hội đồng quản trị thay đổi thì Quy chế này cũng sẽ được sửa đổi, bổ sung tương ứng cho phù hợp các thay đổi trong Điều lệ Công ty.
3. Những vấn đề khác liên quan đến tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị nếu chưa được quy định trong Quy chế này thì sẽ áp dụng các quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty, Quy chế quản trị về nội bộ công ty và các quy định nội bộ khác của Công ty.

Điều 24. Hiệu lực thi hành

1. Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần vận tải và xếp dỡ Hải An bao gồm 7 chương, 24 Điều, được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 thông qua và được Hội đồng quản trị công ty ban hành và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 18 tháng 3 năm 2022.
2. Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và tất cả các đơn vị, cá nhân thuộc Công ty có trách nhiệm tuân thủ Quy chế này.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

VŨ NGỌC SƠN



CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XÉP DỠ HẢI AN

Tầng 7, số 45, phố Triệu Việt Vương, p. Nguyễn Du, q. Hai Bà Trưng, HN

DỰ THẢO

QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

THÁNG 3 NĂM 2022

MỤC LỤC

CHƯƠNG I: QUY ĐỊNH CHUNG	2
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng	2
Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Ban kiểm soát	2
CHƯƠNG II: THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT (KIỂM SOÁT VIÊN)	3
Điều 3. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của thành viên Ban Kiểm soát	3
Điều 4. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Ban kiểm soát	3
Điều 5. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Ban kiểm soát	3
Điều 6. Trưởng Ban kiểm soát	4
Điều 7. Đề cử, ứng cử thành viên Ban kiểm soát	4
Điều 8. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát	4
Điều 9. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát	5
Điều 10. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát	5
CHƯƠNG III: BAN KIỂM SOÁT	6
Điều 11. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Ban kiểm soát	6
Điều 12. Quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát	7
Điều 13. Trách nhiệm của Ban kiểm soát trong việc triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông	8
CHƯƠNG IV: CUỘC HỌP BAN KIỂM SOÁT	9
Điều 14. Cuộc họp Ban kiểm soát	9
Điều 15. Biên bản họp Ban kiểm soát	9
CHƯƠNG V: BÁO CÁO, CÔNG KHAI CÁC LỢI ÍCH	10
Điều 16. Trình báo cáo hằng năm	10
Điều 17. Tiền lương và quyền lợi khác	10
Điều 18. Công khai các lợi ích liên quan	11
CHƯƠNG VI: MỐI QUAN HỆ CỦA BAN KIỂM SOÁT	12
Điều 19. Mối quan hệ giữa các thành viên Ban kiểm soát	12
Điều 20. Mối quan hệ với ban điều hành	12
Điều 21. Mối quan hệ với Hội đồng quản trị	12
CHƯƠNG VII: ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH	13
Điều 22. Sửa đổi, bổ sung quy chế	13
Điều 23. Hiệu lực thi hành	13

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 0203-2022/NQ-ĐHĐCĐ
ngày 18/3/2022 của ĐHĐCĐ)

CHƯƠNG I: QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

- Phạm vi điều chỉnh: Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, tiêu chuẩn, điều kiện, quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát và các thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và các quy định khác có liên quan.
- Đối tượng áp dụng: Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát được áp dụng cho Ban kiểm soát và các thành viên Ban Kiểm soát.

Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên của Ban kiểm soát chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các công việc, quyết định của Ban Kiểm soát.

CHƯƠNG II: THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT (KIỂM SOÁT VIÊN)

Điều 3. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của thành viên Ban Kiểm soát

1. Tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ công ty, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao.
2. Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty.
3. Trung thành với lợi ích của Công ty và cổ đông; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.
4. Nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.
5. Trường hợp vi phạm quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này mà gây thiệt hại cho Công ty hoặc người khác thì thành viên Ban kiểm soát phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó. Thu nhập và lợi ích khác mà thành viên Ban Kiểm soát có được do vi phạm phải hoàn trả cho Công ty.
6. Trường hợp phát hiện có thành viên Ban kiểm soát vi phạm trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao thì phải thông báo bằng văn bản đến Ban kiểm soát, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và khắc phục hậu quả.

Điều 4. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát có 3 thành viên, nhiệm kỳ của thành viên Ban Kiểm soát không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
2. Thành viên Ban kiểm soát không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.
3. Trường hợp thành viên Ban Kiểm soát có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì thành viên Ban kiểm soát đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.

Điều 5. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Ban kiểm soát

Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

- a. Không thuộc đối tượng theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật doanh nghiệp;
- b. Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của Công ty;
- c. Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người quản lý khác;
- d. Không phải là người quản lý Công ty, không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Công ty;
- e. Không được làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;

- f. Không được là thành viên hay nhân viên của tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong 03 năm liền trước đó;
- g. Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định khác của pháp luật có liên quan và Điều lệ công ty.

Điều 6. Trưởng Ban kiểm soát

- 1. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.
- 2. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số.
- 3. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát do Điều lệ công ty quy định.

Điều 7. Đề cử, ứng cử thành viên Ban kiểm soát

- 1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Ban kiểm soát. [Trường hợp Điều lệ công ty không có quy định khác], việc đề cử người vào Ban Kiểm soát thực hiện như sau:
 - a. Các cổ đông phổ thông họp thành nhóm để đề cử người vào Ban kiểm soát phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;
 - b. Căn cứ số lượng thành viên Ban Kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Ban kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.
- 2. Trường hợp số lượng ứng cử viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Việc Ban Kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.

Điều 8. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

- 1. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
- 2. Việc biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Ban Kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Ban kiểm soát được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Ban kiểm

soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.

Điều 9. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Ban Kiểm soát trong trường hợp sau đây:
 - a. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban Kiểm soát theo quy định tại Điều 169 của Luật Doanh nghiệp;
 - b. Có đơn từ chức và được chấp thuận;
 - c. Trường hợp khác do Điều lệ công ty quy định.
2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát trong trường hợp sau đây:
 - a. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
 - b. Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - c. Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty;
 - d. Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Điều 10. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Ban kiểm soát, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Ban kiểm soát phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của công ty nếu được bầu làm thành viên Ban kiểm soát. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Ban Kiểm soát được công bố bao gồm:
 - a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
 - b. Trình độ chuyên môn;
 - c. Quá trình công tác;
 - d. Các chức danh quản lý khác;
 - e. Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
 - f. Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty;
 - g. Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ các chức danh quản lý và các lợi ích có liên quan tới Công ty của ứng cử viên Ban kiểm soát (nếu có).
2. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.

CHƯƠNG III: BAN KIỂM SOÁT

Điều 11. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Ban kiểm soát

1. Ban Kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty.
2. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cần trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.
3. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và 06 tháng của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.
4. Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Công ty.
5. Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và các tài liệu khác của Công ty, công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp.
6. Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu. Việc kiểm tra của Ban kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.
7. Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.
8. Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc vi phạm quy định tại Điều 165 Luật doanh nghiệp phải thông báo ngay bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.
9. Tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của Công ty.
10. Sử dụng tư vấn độc lập, bộ phận kiểm toán nội bộ của Công ty để thực hiện nhiệm vụ được giao.
11. Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.

12. Kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty theo đề nghị của cổ đông.
13. Yêu cầu Hội đồng quản trị phải triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông.
14. Thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày trong trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.
15. Đề nghị Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị.
16. Xem xét, trích lục, sao chép một phần hoặc toàn bộ nội dung kê khai Danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan được kê khai quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp.
17. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết.
18. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.
19. Giám sát tình hình tài chính Công ty, việc tuân thủ pháp luật của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người quản lý khác trong các hoạt động.
20. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và cổ đông.
21. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.
22. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.
23. Chứng kiến Hội đồng quản trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu nếu được Hội đồng quản trị yêu cầu trong trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.
24. Trường Ban kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp đối với trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc mà các thành viên Hội đồng quản trị còn lại không bầu được người làm chủ tọa. Trường hợp này, người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.
25. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 12. Quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát

1. Tài liệu và thông tin phải được gửi đến thành viên Ban kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị, bao gồm:
 - a. Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị và tài liệu kèm theo;
 - b. Nghị quyết, quyết định và biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;

- c. Báo cáo của Tổng Giám đốc trình Hội đồng quản trị hoặc tài liệu khác do Công ty phát hành.
2. Thành viên Ban kiểm soát có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.
3. Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người quản lý khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty theo yêu cầu của thành viên Ban kiểm soát hoặc Ban kiểm soát.

Điều 13. Trách nhiệm của Ban kiểm soát trong việc triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông

1. Ban kiểm soát có trách nhiệm thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày trong trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:
 - a. Số thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật;
 - b. Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp;
 - c. Khi có yêu cầu triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông của Ban kiểm soát nhưng Hội đồng quản trị không thực hiện, [trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác].
2. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Ban kiểm soát phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho Công ty.
3. Chi phí triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này sẽ được Công ty hoàn lại;

CHƯƠNG IV: CUỘC HỌP BAN KIỂM SOÁT

Điều 14. Cuộc họp Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát phải họp ít nhất hai (02) lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là hai phần ba (2/3) số thành viên Ban kiểm soát.
2. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

Điều 15. Biên bản họp Ban kiểm soát

Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát.

CHƯƠNG V: BÁO CÁO, CÔNG KHAI CÁC LỢI ÍCH

Điều 16. Trình báo cáo hằng năm

Các Báo cáo của Ban kiểm soát tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên bao gồm các nội dung sau đây:

1. Báo cáo về kết quả kinh doanh của Công ty, về kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc để trình Đại hội đồng cổ đông thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.
2. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát.
3. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ban Kiểm soát và từng thành viên Ban kiểm soát.
4. Tổng kết các cuộc họp của Ban kiểm soát và các kết luận, kiến nghị của Ban Kiểm soát; kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của Công ty.
5. Báo cáo đánh giá về giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch.
6. Kết quả giám sát đối với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và những người điều hành doanh nghiệp khác.
7. Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và các cổ đông.
8. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết.

Điều 17. Tiền lương và quyền lợi khác

Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát.
2. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban Kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.
3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.

Điều 18. Công khai các lợi ích liên quan

1. Thành viên Ban kiểm soát của Công ty phải kê khai cho Công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:
 - a. Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ làm chủ hoặc sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm làm chủ, sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;
 - b. Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ làm chủ, cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.
2. Việc kê khai theo quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Công ty trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.
3. Thành viên Ban kiểm soát và những người có liên quan của các thành viên Ban kiểm soát chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty.
4. Thành viên Ban kiểm soát có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với thành viên Ban kiểm soát hoặc với những người có liên quan của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.
5. Thành viên Ban kiểm soát và những người có liên quan của các thành viên này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.

CHƯƠNG VI: MỐI QUAN HỆ CỦA BAN KIỂM SOÁT

Điều 19. Mối quan hệ giữa các thành viên Ban kiểm soát

Các thành viên Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập, không phụ thuộc lẫn nhau nhưng có sự phối hợp, cộng tác trong công việc chung để đảm bảo thực hiện tốt trách nhiệm, quyền và nhiệm vụ của Ban kiểm soát theo quy định pháp luật và Điều lệ công ty. Trưởng Ban Kiểm soát là người điều phối công việc chung của Ban kiểm soát nhưng không có quyền chi phối các thành viên Ban kiểm soát.

Điều 20. Mối quan hệ với ban điều hành

Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập với ban điều hành Công ty, là đơn vị thực hiện chức năng giám sát hoạt động của ban điều hành.

Điều 21. Mối quan hệ với Hội đồng quản trị

Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập với Hội đồng quản trị Công ty, là đơn vị thực hiện chức năng giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị.

CHƯƠNG VII: ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 22. Sửa đổi, bổ sung quy chế

1. Việc sửa đổi, bổ sung các điều khoản của Quy chế này do Ban kiểm soát Công ty xem xét và quyết định;
2. Trong trường hợp những quy định của Điều lệ Công ty và pháp luật có liên quan chưa được đề cập trong Quy chế này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của Điều lệ Công ty và pháp luật liên quan khác với những điều khoản trong Quy chế này thì những quy định của Điều lệ Công ty và pháp luật đó đương nhiên được áp dụng.

Điều 23. Hiệu lực thi hành

Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty cổ phần vận tải và xếp dỡ Hải An bao gồm 7 chương, 23 Điều, được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 thông qua và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 18 tháng 3 năm 2022.

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**

NGUYỄN THỊ THANH TÚ